

SÁNG TẠO

THÁNG BẢY 1958

KHẢO LUẬN

THÁI TUẤN Hình thể trong hội họa
NGUYỄN SỸ TẾ Vấn đề xác định một thời hiện
đại trong văn học Việt Nam

HOÀNG THÁI LINH Trường hợp Françoise Sagan
NGUYỄN DUY DIỄN . Cao Bá Quát, một chiến sĩ cách mạng?
NGUYỄN THIỆU LÂU . . . Thành tích của một quân nhân
V.N: Tạ Quang Cự

SÁNG TÁC

NGUYỄN SA Trang
DUY THANH Cầu thang
DOÃN QUỐC SỸ Sách ước

THƠ CỦA

THANH TÂM TUYỀN - VƯƠNG TÂN - TRẦN THANH HIỆP
TÔ THÙY YÊN - NGUYỄN DUY DIỄN - MAI TRUNG TĨNH

QUA CÁC BỘ MÔN VĂN NGHỆ

MẠC SƠN: ĐỌC SÁCH: ĐEM TÂM TÌNH VIẾT LỊCH SỬ của
NGUYỄN KIÊN TRUNG - THÁI TUẤN: TRIỂN LÃM HỘI HỌA
của CÁC EM HỌC SINH - HẦU ANH: TRIỂN LÃM PHAN HUY
TƯỜNG - NGUYỄN ĐĂNG: GIẢI THƯỞNG VĂN CHƯƠNG VĂN
HÓA 1957 - MAI THẢO: ĐỌC SÁCH: NHỮNG THIÊN ĐƯỜNG
Lỡ của TRIỀU ĐẤU.

CHỦ TRƯỞNG BIÊN TẬP

MAI THẢO

TẠP CHÍ VĂN NGHỆ XUẤT BẢN HÀNG THÁNG
TÒA SOẠN VÀ TRỊ SỰ : 133B KÝ CON - SAIGON

số 22

80 trang GIÁ : 10\$00

tạp chí văn nghệ

Sáng Tạo

số 22

tháng Bảy 1958

**nguyên sa - doãn quốc sỹ -
trần thanh hiệp - thái tuần -
nguyễn sỹ tế - hoàng thái linh -
tô thùý yên - nguyên duy diễn -
duy thanh - nguyên thiệu lâu
- vương tân - thanh tâm tuyền
- tô thùý yên - mai trung tĩnh -
hầu anh - nguyên đặng -
mạc sơn - mai thảo**

Sáng Tạo số 22 tháng 7 - 1958

bìa: *Tạp chí Sáng Tạo*
trình bày: *Muôn Phương*
nguồn: *Internet*

tạp chí văn nghệ
Sáng Tạo
số 22
tháng 7 - 1958

MỤC LỤC

	Trang
1. VẤN ĐỀ XÁC ĐỊNH MỘT THỜI HIỆN ĐẠI TRONG VĂN HỌC VIỆT NAM NGUYỄN SỸ TẾ	9
2. TRANG	28
3. ĐÊM MƯA NGUYỄN SA	48
4. DẠ KHÚC THANH TÂM TUYẾN	53
5. TÔI CÒN GÌ NỮA TRẦN THANH HIỆP	55
6. BI HÀNH KHÚC - BÀI HỌC VỀ VẠN VẬT TÔ THÙY YÊN	60
7. XÂY DỰNG NGUYỄN DUY DIỄN	64
8. THÀNH TÍCH CỦA MỘT QUÂN NHÂN V.N NGUYỄN THIỆU LÂU	67
9. CẦU THANG DUY THANH	74
10. TRƯỜNG HỢP FRANÇOISE SAGAN HOÀNG THÁI LINH	97
11. HẠNH PHÚC MAI TRUNG TĨNH	131
12. CHIỀU VƯƠNG TÂN	166
13. HÌNH THỂ TRONG HỘI HỌA THÁI TUẤN	138

14. SÁCH ƯỚC 150
DOÃN QUỐC SỸ
15. CAO BÁ QUÁT, MỘT CHIẾN SĨ CÁCH MẠNG 205
NGUYỄN DUY DIỄN

QUA CÁC BỘ MÔN VĂN NGHỆ

MẠC SƠN: ĐỌC SÁCH: ĐEM TÂM TÌNH VIẾT LỊCH SỬ của **NGUYỄN KIÊN TRUNG** (trang 218) – **THÁI TUẤN:** TRIỂN LÃM HỘI HÒA của CÁC EM HỌC SINH (trang 224) – **HẦU ANH:** TRIỂN LÃM PHAN HUY TƯỜNG (trang 226); TRIỂN LÃM VĂN ĐEN (trang 227) – **NGUYỄN ĐĂNG:** GIẢI THƯỞNG VĂN CHƯƠNG VĂN HÓA 1957 (trang 228) – **MAI THẢO:** ĐỌC SÁCH: NHỮNG THIÊN ĐƯỜNG LỖ của **TRIỆU ĐẤU** (trang 231).

SÁNG TẠO TẬP BA: TỪ SỐ 13 ĐẾN SỐ 18

Thể theo lời của độc giả khắp nơi gửi về hỏi mua những số báo thiếu, chúng tôi sẽ cho đóng lại và phát hành vào thượng tuần tháng 8 sắp tới:

SÁNG TẠO TẬP BA (từ số 13 đến số 18)

Bìa cứng, dày trên 400 trang. Giá 40\$. Các bạn có thể đón mua ở các đại lý hoặc muốn gửi thẳng xin viết thư và gửi ngân phiếu cho Ty quản lý

o O o

Thư từ và bài vở gửi cho: MAI THẢO

Tiền bạc và ngân phiếu cho: ĐẶNG LÊ KIM

TÒA SOẠN TẠP CHÍ SÁNG TẠO:

133B, đường Ký Con – SAIGON

VẤN ĐỀ XÁC ĐỊNH MỘT THỜI HIỆN ĐẠI TRONG VĂN HỌC VIỆT NAM

NGUYỄN SỸ TẾ

TRONG Sáng Tạo số 8, tháng 5 năm 1957, tôi có đặt ra vấn đề *Phân chia thời đại và khuynh hướng văn học Việt Nam 2*. Khi ấy, tôi có nêu ra những khó khăn thường gặp, một số thận trọng và minh bạch cần có. Nay xin trở lại một điểm của vấn đề rộng lớn đó, điểm liên quan tới nền văn học gọi là “hiện đại”. Đó là vấn đề xác định tên gọi và vị trí thời gian của trạng thái mới mẻ nhất, trạng thái sau rốt của văn học nước nhà.

Việc xác định một thời kỳ gọi là văn học hiện đại ở một số nước khác là một vấn đề không mấy khó khăn và hầu như đã giải quyết. Thí dụ: G. Lanson, viết văn học sử Pháp, xác định thời hiện đại sau năm 1919, sau cuộc thế giới đại chiến I; Max Kaltenmark viết văn học sử Trung Hoa dựa vào các sách của người Tàu và người Nhật, đặt thời hiện đại sau năm 1912 là năm thành lập Dân quốc. Sở dĩ công việc xác định đó được tương đối dễ dàng hơn vì ở những nước đó văn tự được duy nhất, chủ quyền độc lập không mất. Trái lại, ở nước ta, những điểm tựa để phân chia thời đại văn học phức tạp vô cùng: cùng một lúc chúng ta có chữ Hán, chữ Nôm, chữ Quốc ngữ, chữ Pháp; chúng ta có việc học việc thi trước đây ảnh hưởng nhiều tới văn học; chúng ta vừa trải qua một thời gian khá dài chịu ngoại thuộc; chúng ta vừa sống những biến động lớn lao, dồn dập... Cho nên vấn đề xác định một thời hiện đại trong văn học Việt Nam hẳn còn là một vấn đề lòng thòng, chưa giải quyết thỏa đáng.

Vấn đề sẽ khác nếu chúng ta thuận tình đơn giản mà nặng về đường lịch sử quốc gia. Chúng ta có thể viết “văn học Việt nam dưới thời Pháp thuộc” cũng như viết văn học thời Bắc thuộc, văn học triều Lý, triều Trần, triều Lê vậy. Tất nhiên trong “văn học Việt Nam dưới thời Pháp thuộc” chúng ta sẽ nhận định từng hồi, từng đoạn, chúng ta ghi nhận những khuynh hướng căn bản, chúng ta phân tích sự kiện dao động Đông-Tây. Trong trường hợp này, những danh từ cận đại, hiện đại vốn không cần thiết, thời Pháp thuộc lại đã qua, chúng ta vừa bước sang một giai đoạn lịch sử mới, lại càng trở nên “phản thị hiếu” thông thường nếu không là vô nghĩa.

Ngoài ra, nếu đã dùng những điểm tựa khác để phân chia thời đại văn học như văn tự, khoa cử hay chính ngay văn học trong hướng tiến hóa của nó, thì vấn đề không thể chủ trương giải quyết đơn giản được.

Vấn đề xác định vị trí thời gian của nền

văn học hiện đại là một vấn đề quan trọng đặc biệt vì xác định thời gian tức là xác định hướng chiều tiến hóa của văn học, xác định những điều kiện tiến hóa của nó (những điều kiện lịch sử, xã hội, văn hóa, chính trị, kinh tế... mà có một vài nhà viết sách gọi vẫn là “bối cảnh lịch sử” và như vậy phải hiểu nghĩa danh từ lịch sử một cách thật rộng rãi.)

Vấn đề xác định tên gọi chỉ là vấn đề đến sau, một vấn đề thứ yếu, một vấn đề danh từ, song cũng có cái quan trọng của nó và cần phải đề cập tới. Nói đến một thời kỳ (hay thời đại) văn học là nói tới một khoảng thời gian trong đó văn học đạt tới mức tiến hóa nào đó, mang những tính chất căn bản đồng nhất qua những tác giả, tác phẩm. Danh từ văn học hiện đại hầu như đã được chuẩn nhận ở nhiều nơi mặc dầu hãy còn bờ ngõ ở nước nhà. Danh từ đó nhắc nhở chúng ta thời đại mà chúng ta đang sống, trạng thái mà chúng ta chưa vượt qua, nền văn học mà chúng ta có ít nhiều kỷ niệm, kinh nghiệm, quyền và dụng.

Vấn đề xác định một thời hiện đại trong văn học Việt Nam đặt ra trong hai điểm tên gọi và vị trí thời gian như trên rồi, chúng ta hãy kiểm điểm những giải pháp đã có, trước khi đề ra một chủ trương.

* * *

Để xác định thời kỳ mới mẻ nhất trong văn học Việt Nam, các nhà làm sách thực ra dựa vào nhiều điểm tựa luôn một lúc. Tuy nhiên những điểm tựa đó hãy còn hỗn tạp, chưa được phối hợp, trong đó một vài điểm có thể coi là điểm trội, điểm căn bản.

Nói về “điểm tới” của khoảng thời gian tất nhiên ai nấy đều nghĩ tới việc đặt ở dấu mốc cuối cùng là “ngày nay” tùy theo năm tháng viết sách. Cũng nên lưu ý rằng câu chuyện ở ngoài học đường lý ứng là thế, nhưng sự việc ở trong học đường có khác. Ở học đường bao giờ cũng có một sự chậm lùì đối với xã hội. Nên văn chương hiện đại giảng dạy ở học đường

thường được giới hạn sớm hơn (chẳng hạn năm 1939, thế giới đại chiến II; hoặc năm 1945 năm của những biến cố lịch sử trọng đại mới đây) vì lẽ cũng nên để cho dư luận của xã hội khá đứng im, khi an bài về một phong trào một nhóm, một tác giả trước khi đưa tác giả, nhóm, phong trào đó vào chương trình giáo dục.

Tựu điểm giải quyết dễ dàng như vậy, song đến khởi điểm của văn học hiện đại thì thật là phiền toái. Cái lòng thông của vấn đề là ở chỗ này. Sau đây xin kiểm điểm mấy điểm tựa chính:

1.- Khoa cử. Dựa vào lịch sử của khoa cử, có người chủ trương lấy năm 1915 là năm bãi bỏ thi hương ở Bắc Việt, hoặc năm 1918 là năm bãi bỏ thi hương ở Trung Việt làm ranh giới giữa hai thời kỳ sau rớt trong văn học nước nhà. Điểm tựa này chỉ là một tiêu chuẩn hình thức không có gì chắc chắn. Chúng ta hẳn biết ảnh hưởng của Tây phương đã xuất lộ từ trước những năm kể trên. Nhưng khoa thi hương

cuối cùng đã có vài môn bằng chữ Quốc ngữ bên cạnh những môn thi cũ rồi. Đông Kinh nghĩa thực đã hoạt động và đã bị đóng cửa từ trước (1907). Cơ quan văn học đầu tiên bằng chữ Quốc ngữ từ Đông dương tạp chí đã ra đời (1913). Ông Phan Bội Châu đã xuất dương gây phong trào Đông du (1905). Ông Phan Chu Trinh đã từ Côn Đảo được thả ra, sang Pháp hoạt động văn hóa và báo chí ở bên đó (1911). Hơn nữa đã chấm dứt văn học thể kỷ 19, hay văn học triều Nguyễn vào năm 1918 thì làm sao còn đi ngược thời gian mà cứu xét được các tác giả Trương Vĩnh Ký (1837 – 1898), Huỳnh Tịnh Của (1834 – 1907)? Chẳng lẽ để cho thế kỷ 19 chấm dứt ở những năm 1915 – 1918 và để cho văn học hiện đại bắt ở đầu từ 1862? Thế thì còn gì là thời đại nữa?

2.– Văn tự. Một số nhà viết sách khác (Ô. Ô. Nghiêm Toàn Thanh Lãng, Maurice Durand) tham bác hai công việc một lúc là chia thành phần và thời kỳ văn học đã dùng chữ viết của dân tộc. Kết quả là có: văn học bình dân, văn

học chữ Hán, văn học chữ Nôm, văn học chữ Quốc ngữ, ông M. Durand thêm văn học chữ Pháp. Vấn đề những tác phẩm của người Việt viết bằng chữ Hán, tôi đã đề cập tới trong bài “Bàn về văn học sử Việt Nam” (Sáng Tạo số 21, tháng 6-1958). Nếu những tác phẩm đó cần xét trong đối tượng của văn học thì chỉ là để nắm vững lịch trình tiến hóa của tư tưởng Việt Nam mà thôi, nhất là xưa kia nền Hán học phổ biến rất sâu rộng trong quốc dân Việt Nam kể cả những thời ta đã tự chủ rồi. Lập luận này lại mong manh, không vững nữa khi nói tới những tác phẩm của người Việt viết bằng tiếng Pháp.

Chúng ta cần phải biện luận nhiều về hai nền văn học chữ Nôm và chữ Quốc ngữ, những thứ chữ để viết riêng tiếng nói của nước nhà. Điểm tựa này cũng như điểm tựa khoa cử trên kia thiên về hình thức và không vững. Chúng ta hẳn biết chữ Nôm không có những nguyên tắc minh bạch cố định, chữ Quốc ngữ cũng không chắc đã tồn tại lâu với hình thái hiện

thời của nó. Giữa chữ Nôm và chữ Quốc ngữ không có một ranh giới thời gian gọn gàng rõ rệt. Chúng ta không có thể quyết đoán được đến khoảng năm nào thì các tác giả thôi viết văn bằng chữ Nôm để viết văn bằng chữ Quốc ngữ. Ông Trương Vĩnh Ký đã viết văn bằng chữ Quốc ngữ từ rất sớm (chuyện đời xưa, 1866). Ai biết chắc Trần tế Xương làm thơ bằng chữ Nôm hay chữ Quốc ngữ khi mà ông cũng đã có phen “vút bút lông đi ngậm bút chì”? Người ta thường nói ông Phan Bội Châu cho đến ngày mất (1940) vẫn quen dùng chữ Nôm. Do đó, chỉ chia được văn học Việt Nam ra làm hai phần vừa chưa vững chắc, vừa không bao gồm được ý niệm thời gian ở bên trong. Sự trạng lại xảy ra phiền toái như trên kia: có hai thời kỳ văn học giao nhau trên một khoảng thời gian khá dài là hậu bán thế kỷ XIX. Ông Thanh Lãng phân chia:... văn chương chữ Nôm (1225 – thế kỷ XX); văn chương chữ Quốc ngữ (đầu thế kỷ XX đến ngày nay). Ông Nghiêm Toàn cũng ghi nhận tương tự: chữ Nôm... đến đầu thế kỷ XX; chữ Quốc ngữ từ hồi đầu Pháp thuộc... ông

tạm dừng ở năm 1946. Hồi đầu Pháp thuộc tất nhiên là cuối thế kỷ XIX. Ngoài ra ông còn có một sơ xuất đáng tiếc về danh từ. Trong “Việt Nam văn học sử trích yếu” ông viết: “khảo sát văn học bằng Quốc ngữ hay văn học cận đại (nửa trên thế kỷ thứ 20)... Người ta phải cho rằng sau ngày tác chiến 19-12-1946, mới là thời hiện đại (xem trên), và có thể hiểu lầm rằng văn học cận đại bằng Quốc ngữ thì văn học hiện đại bằng chữ viết khác rồi.

3. – Văn học (ảnh hưởng chịu đựng). Ông Dương Quảng Hàm trong “Việt Nam văn học sử yếu” bớt hình thức hơn, lấy tiêu chuẩn chính là ảnh hưởng của Đông phương và Tây phương. Ông viết: “nền văn học thuần chịu ảnh hưởng của Tàu” và: “văn học nước ta về thế kỷ XX, từ khi ta chịu ảnh hưởng của văn học Âu Tây, thứ nhất là của nước Pháp”. Tuy nhiên cũng như các vị viết sách trên kia, ghi là văn học về thế kỷ XX rồi, ông vẫn dành một “thời kỳ dự bị” trong đó có nói về Trương Vĩnh Ký (1837–1898) và Huỳnh Tịnh Của (1834–1907), tức là đi ngược

lên hậu bán thế kỷ XIX. Vẫn lại hai thời kỳ văn học có khoảng thời gian trùng nhau khá dài nói trên kia. Đó cũng là cái “thể” đặc biệt trong lịch sử nước nhà: suốt một khoảng thời gian kéo dài (có thể nói rằng sâu sang thế kỷ 20 rồi vẫn còn có tác giả viết thơ văn chịu ảnh hưởng của Tàu hoặc vừa của Tàu vừa của Tây) có hai ảnh hưởng song đồng tác dụng văn học Việt Nam. Cho nên lấy những ảnh hưởng đó để phân chia khuynh hướng thì cũng hay, mà phân chia thời đại thì vẫn chưa xuôi. Như vậy dùng điểm tựa văn học để phân chia thời đại văn học trong trường hợp của chúng ta, phải tìm những đặc điểm khác hơn là ảnh hưởng Đông–Tây.

* * *

Chúng ta vừa bỏ ra ngoài lối phân chia thời đại hoàn toàn dựa vào lịch sử để kiểm điểm một số điểm tựa chính khác để xác định một thời hiện đại trong văn học Việt Nam như khoa cử, văn tự, ảnh hưởng Đông–Tây.

Có điều cần phải lập lại là: những giải pháp kiểm điểm thực ra, tuy có đề cao một điểm tựa nào đó, song vẫn không quên nhắc nhở tới những điểm tựa còn lại. Người phân chia theo văn tự vẫn không quên nhắc nhở tới khoa cử, người phân chia theo ảnh hưởng vẫn không quên nói tới văn tự...

Chỗ phiền toái của những giải pháp đó là ở chỗ không phối hợp chặt chẽ được các điểm tựa khác nhau — hay những điểm tựa đó khó có thể dung hòa được? Và nhất là đã đưa tới một điều “vô lý” (absurde) phản thời gian tính: đó là cái khoảng thời gian dễ dễ hậu bản thế kỷ 19 – những năm đầu thế kỷ 20 phát vào thời đại trước cũng được mà bỏ vào thời đại sau cũng được. Thành ra cứ theo cái lối phân chia đó người ta đặt, ông anh cả Trương Vĩnh Ký (1837–1898) vào thời đại sau và ông em út Trần Tế Xương (1870–1907) vào thời đại trước!

Đành rằng khởi điểm của một thời đại văn học có thể co dẫn tới một mực độ, một mực độ

nào thôi, nhưng để xê dịch tới một nửa thế kỷ, thì quả là một điều bất tiện nhất là cái nửa thế kỷ đó lại là nửa thế kỷ của thời mới đầy những biến động trong mọi ngành.

Vậy chúng ta cần phải làm “biến mất” cái thời kỳ mập mờ đó đi bằng một trong ba cách:

- Hoặc trả nó về thời đại trước (thế kỷ 19 chẳng hạn).

- Hoặc ghép nó vào thời đại sau.

- Hoặc biệt lập nó ra thành một thời đại riêng, một thời kỳ gọi là thời kỳ chuyển tiếp hay buổi giao thời cổ kim, Đông Tây hay thời cận đại. . .

Vấn đề đã thu hẹp và đặt trắng ra như thế, tôi xin e lệ đưa ra một vài tiêu chuẩn chọn lựa:

- Nếu đã muốn xác định một thời hiện đại trong văn học, tất không nên để cho thời đại đó

khởi đầu quá sớm; như thế nó sẽ quá dài, mất cả cái ý nghĩa hiện đại, tức thời đại mà chúng ta đang sống, chưa vượt qua, có ít nhiều kinh nghiệm, quyền và dụng nói ở trên kia. Đây chỉ là một vấn đề luận lý và thẩm mỹ thông thường dầu không mấy quan trọng, song theo được vẫn hơn.

– Ghép khoảng thời gian hậu bán thế kỷ XIX vào thời hiện đại ư? Chúng ta vấp phải một điều bất tiện lớn. Chúng ta sẽ phải xếp cả một số đông đảo tác giả khá quan trọng của thế kỷ trước Tôn Thọ Tường, Phan Văn Trị, Nguyễn Khuyến, Chu Mạnh Trinh, Trần Tế Xương... vào thời hiện đại. Chúng ta hãy tự hỏi cái khí thế của mấy tác giả hồi mới có chữ Quốc ngữ là Trương Vĩnh Ký, Huỳnh Tịnh Của... đã cân xứng với khí thế của mấy ông trên chưa? Trong bài bàn về “Văn chương cổ điển Việt Nam”, Sáng Tạo số 14 và 15 tháng 11, 12 – 1957, tôi đã thiếu nghĩ rằng tập truyền văn chương cổ điển Việt Nam trước khi tàn tạ nhường văn đàn cho một phong trào mới còn này nở ra những chồi

đặc sắc và mạnh mẽ vô cùng, những nhà “văn thơ cổ điển” thật xứng đáng với những người lớp trước. Khó có thể để cho thời hiện đại khởi từ lúc người Pháp thôn tính nước ta.

– Vậy chỉ còn hai giải pháp: hoặc ghép khoảng thời gian đó vào thời đại trước mà không quên, trong những điểm cuối cùng, xét tới tình trạng phôi thai của chữ Quốc ngữ và ảnh hưởng của Tây phương trong bước đầu; hoặc biệt lập thành một thời kỳ riêng trong đó phải phân tích sự dao động mới cũ, giải thích sự kiện đó, phê bình giá trị, địa vị và ảnh hưởng của những văn nghiệp đồng xuất hiện. Những công việc vừa kể thật là quan trọng vô cùng, có thể chúng ta mới quyết định được sự phân chia thời đại. Để chọn lựa một trong hai giải pháp, cần phải xét xem một thành phần tác giả gắn kết với tập truyện cũ tới mức độ nào, trong khi đó một thành phần tác giả theo mới tới mức độ nào và đã có ảnh hưởng quyết định về nội dung tư tưởng hay hình thức văn chương đối với thời tiếp sau chưa. Phạm vi nhỏ hẹp của bài

viết này chưa cho phép tôi làm cái công việc đó. Chỉ xin lưu ý và đặt vấn đề.

– Ông Vũ Ngọc Phan, viết riêng (tôi chưa được đọc một cuốn văn học sử nào của ông) một bộ “Nhà văn hiện đại” cũng đưa ra một chủ trương đơn giản. Trong đoạn định nghĩa hai chữ “hiện đại” viết: “Các nhà văn hiện đại mà tôi sẽ nói đến sau này là những nhà văn có những tác phẩm xuất bản trong khoảng ba mươi năm gần đây” – (tức khoảng 1910 – 1940 vì ông viết cuốn sách đó năm 1941) — Ông có đưa ra tiêu chuẩn:... “vì chỉ từ ba mươi năm trở lại đây mới thật có những sách xuất bản bằng quốc văn có giá trị đáng coi là những văn phẩm và thi phẩm”. Tuy nhiên trong bộ sách ông vẫn dành một phần để nói về “Những nhà văn hồi mới có chữ Quốc ngữ” với Trương Vĩnh Ký, Huỳnh Tịnh Của. Như vậy ông vẫn còn muốn liên lạc với tiêu chuẩn “văn tự”. Trở lại tiêu chuẩn là trên “giá trị của tác phẩm”, chúng ta thấy ông vẫn chưa luận giải đủ về tiêu chuẩn. Trước hết giá trị của một tác phẩm cũng có

nhiều khía cạnh phức tạp. Chúng ta sẽ nói tới giá trị về phương diện văn học (rộng), hay văn chương (hẹp)? Và về phương diện động (lịch sử) hay tĩnh (thời đại). Và chúng ta đứng ở đâu để xét giá trị đó? Thí dụ, giá trị văn chương của tiểu thuyết Tố Tâm xét thời Tố Tâm sẽ khác mà xét thời ta ngày nay lại khác. Lại nữa khi đã nói tới giá trị của những tác phẩm của một thời kỳ nào, tất phải so sánh với những tác phẩm thời kỳ trước. Ông Phan không viết văn học sử. Ông chỉ làm công việc kiểm điểm và phê bình những nhà văn gọi là hiện đại, nên việc phân chia thời đại chưa đặt trọn vẹn ra với ông.

* * *

Vấn đề xác định một thời hiện đại trong văn học Việt Nam phức tạp là thế. Điểm khó khăn nhất của vấn đề là rất lâu trước khi một tập truyền chấm dứt thì một phong trào đã được gây nên, một buổi giao thời văn học – buổi

giao thời Đông Tây, mới cũ quan trọng đặc biệt trong lịch sử văn học Việt Nam –, kéo dài trên một nửa thế kỷ tại nước nhà. Cho nên chúng ta không thể đơn thuần dựa vào dấu mốc lịch sử, khoa cử, văn tự, ảnh hưởng Đông–Tây để phân ranh thời đại được. Một cuộc phân tích và phối hợp hai điểm tựa chính là lịch sử và văn học trong tính lý tiến hóa sâu xa hơn là trong hình thức đổi thay của chúng, là một điều cần thiết vậy.

Để dứt lời, xin nói một câu chuyện ngộ nghĩnh. Tôi có được đọc một cuốn lịch sử Văn học Việt Nam loại lược thảo dùng cho mấy lớp Trung học ở miền Bắc. Người ta nặng hấn về đường lịch sử để phân chia thời kỳ văn học (bối cảnh lịch sử mà!) Hai thời kỳ sau chót định là từ giữa thế kỷ XIX đến năm 1930 và từ năm 1930 đến nay. Chỉ vì năm 1930 là năm thành lập của đảng Cộng sản Đông dương. Làm như thế sau năm 1930 văn học Việt Nam đã mang

sắc thái và tiến hóa dưới cái đà của Cộng sản!
Thử đặt ngay vấn đề vào năm nay, tại chính
phần đất đai của họ xem sao?

NGUYỄN SỸ TẾ

TRANG

NGUYỄN SA

ẾU vốn có sẵn chút ít năng khiếu về hội họa chắc hẳn ngày già từ kinh thành Huế để trở về đây tôi đã ngồi vẽ lại chân dung của Trang. Ngay trong những giờ phút chia cách tôi cũng đã nghĩ như vậy. Tôi vẫn mơ ước rằng sẽ vẽ Trang khác đi chút ít. Tôi sẽ sửa lại mái tóc nhánh đen của Trang cho thưa ngắn. Cần phải sửa lại để những mảng đen dùng đè nặng trên đôi bờ vai gây yếu ẩn nấp dưới làn áo trắng mỏng manh. Ngay trong những đêm còn ngủ đậu trong lòng kinh thành Huế tôi vẫn thường tự nhủ có lẽ khuôn mặt Trang mang

vẻ yếu xanh là chính vì ánh sáng đến từ chung quanh đã bị mái tóc đen dài thu hút mất cả. Vì thế vẻ mặt nàng mờ tối đi nhiều. Cần phải sửa lại cho thưa ngắn mái tóc của Trang. Cả đôi mắt của Trang cũng phải đổi thay chút ít. Phải tìm lấy một sắc màu tươi sáng nào đó, một sắc màu có nét dịu mát của làn gió buổi sớm thổi về làm tan lạc sương mù. Bởi vì mắt Trang thường gợi trong tôi ấn tượng lạc lõng của sương mù. Khi nhìn vào đôi mắt thăm sâu, trầm lặng của nàng tôi thường sống trong cảm giác nhẹ lâng, mờ ảo vì vạn vật tan biến ở quanh đây. Phải sửa lại đôi gò má. Và nhất là phải sửa lại nụ cười của Trang. Sự đổi sửa này cần thiết vô cùng. Nếu không, tôi nghĩ thế, thì không một đường nét và sắc màu nào có đã quyền uy ghi chú nụ cười của nàng. Nhiều giây phút nhìn Trang cười tôi vẫn tự hỏi không biết nàng có cười thật hay không. Nụ cười chợt đến, chợt đi như bóng chim vụt bay làm rung động lá cành rồi vội vã lẫn trốn biến biệt trong những vòm cây cao xanh. Tôi không hiểu mỗi lúc nàng nhìn tôi cười thường

vì e lệ, lễ phép hay thói quen. Nhưng tôi chắc chắn rằng nụ cười của Trang không mang một mảy may dấu hiệu nào của niềm vui. Tôi không biết rõ tại sao lại có thể nghĩ ngợi như vậy. Tôi vẫn nhìn thấy đôi môi Trang hé mở và lớp răng đều đặn trắng bật sau những màu môi hồng thắm. Nhưng trên những đường môi rung động của nàng lại vẫn thấy như khô đọng những niềm riêng khô ải sầu tư. Có lẽ nét buồn trên môi Trang một phần lớn bị gây nên bởi âm hưởng của giọng nói. Thật ra tôi không hiểu có đủ thẩm quyền nói về một giọng nói của Trang không. Có lẽ khó lắm. Những câu chuyện trao đổi giữa tôi và nàng vốn vẹn có vài lời – vài lời không được chấp nối lại thành từng câu bởi vì những ý nghĩ còn lại chúng tôi đều trao gửi trong mắt nhìn thoáng vội. Tôi cũng không biết có thể nói được rằng chúng tôi đã nói chuyện với nhau hay không. Khi chúng tôi đứng trong gian buồng lớp học bé hay chậm bước bên bờ sông Hương người nói chuyện vẫn chỉ là tôi. Tất cả đã tiếp diễn như thế tôi đã nói cho tôi và

tôi đã nói cả cho nàng. Khi tôi quay sang nhìn Trang chờ hỏi thì nàng chỉ e lệ cúi đầu – Đôi lúc nàng chỉ trả lời tôi bằng một tiếng « dạ » bé nhẹ, êm ngoan.

* * *

Khi gặp Trang trong gian phòng lớp học tôi mỉm cười chào và nàng cúi đầu đáp lễ. Trước đây tôi đã đứng tù lâu giữa dãy hành lang dài heo hút, trống lạnh. Mỗi lần được cử đi coi thi ở một tỉnh miền xa tôi vẫn nhìn thấy cảnh vật vắng vẻ như thế. Bao giờ tôi cũng tỉnh dậy từ buổi sớm. Đêm trước ngày thi nằm trong một gian phòng không quen thuộc nên giấc ngủ của tôi thường mất vẻ điềm điệp, chìm đắm kéo dài. Tôi đến đứng ở trước cửa những gian phòng trống trải trước tiên để tìm lấy một cảm giác nhẹ lâng, một không khí xa cũ đã phai mờ. Tôi đứng lặng nhìn từng dáng người dần đến tụ đàng xa. Thoạt đầu bao giờ cũng là những người giám thị già nua. Tôi không biết rằng lương tâm chức nghiệp đã đưa họ đến đây sớm

sửa như thế hay vì tuổi tác đã ngăn cấm họ kéo dài giấc ngủ về lúc sáng trời?

Lúc Trang đến có lẽ thời gian cũng còn sớm sửa lắm. Người đứng trong dãy hành lang hãy còn lác đác, thưa thớt độ năm, mười. Tôi nhìn thấy nàng khi tà áo Trang mới chỉ là một điểm trắng xa. Đáng lẽ tôi cũng chỉ nhìn Trang đi qua trước mặt để tiến vào dãy hành lang chờ đợi như những người đã đến trước đây. Mỗi người đi qua, tôi đều nhìn lơ đãng. Họ thường nhìn vào những người đã có mặt bằng những cặp mắt kiếm tìm. Lúc Trang đi qua tôi chợt thấy nàng không nhìn ai cả. Nàng không nhìn tôi đứng án ngữ giữa dãy hành lang. Mắt nàng lơ đãng. Có lẽ phải nói rằng mắt nàng vẫn nhìn về phía trước mặt nhưng không thấy một ai. Nàng đi qua mặt tôi. Dáng người nhẹ nhàng lướt đi không để lại một tiếng động nhỏ bé nào. Tôi quay người lại nhìn theo. Trang vẫn đi chậm bước. Nàng dừng ở cuối dãy hành lang nhưng vẫn không quay lưng lại. Tôi nhìn thấy một vành nón nghiêng xuống. Mớ tóc đen của

nàng xoa xuống vai. Đôi vai đứng yên như dán chặt lên một nền xanh xẫm của cây cỏ ở đằng trước mặt nàng. Lúc ấy đột nhiên tôi chợt cảm thấy ước ao nhìn rõ mặt Trang. Tôi ước ao được coi thi cùng một gian phòng với nàng.

* * *

Thế rồi quả nhiên sự tình cờ đưa chúng tôi vào cùng một gian buồng lớp học. Tôi mỉm cười chào và Trang cúi đáp lễ. Sau đó chúng tôi không nói gì với nhau. Trang lặng lẽ đứng vào một góc buồng, khuôn mặt nàng chên chênh lẩn trốn đôi mắt tôi. Tôi muốn nàng quay ngang mặt lại cho gần gũi. Mắt tôi vẫn không từ bỏ nàng, với những ý tưởng toan tính. Tôi nghĩ rằng vốn là một người lạ mặt tôi có thể nhân danh sự lạ mặt ấy mà thăm hỏi vu vơ. Rồi tôi ngần ngại. Nàng có thể cho tôi là sàm sỡ? Tôi có quyền trò chuyện trong giờ làm việc hay không? Nhưng những câu hỏi dù vẫn vương khúc mắc cũng không ngăn cản được tôi gần bước lại phía Trang. Một phút trước, nàng quay

mặt lại phía tôi. Đôi mắt đen nhánh, gò má gầy cao vừa thoáng hiện, lại tan biến ngay thúc dục tôi đến cùng độ. Đến gần Trang, ngập ngừng một giây rồi tôi hỏi:

– Chị người Huế?

Trang đáp:

– Dạ.

Lần đầu tiên nghe nàng trả lời ngắn ngủi kín đáo, dè dặt tôi trở nên ngập ngừng – có thể gọi là ngượng ngùng, xa cách. Tôi nghĩ rằng câu trả lời ngắn ngủi ấy chỉ có thể là dấu hiệu của một sự lễ phép lạnh lùng, cho nên qua một vài câu chuyện xã giao về công việc tôi tìm cách lảng tránh nàng. Sự chờ đợi đã bắt buộc chúng tôi ngồi chung lại trong một gian phòng – Nhưng chúng tôi cũng chỉ đã ngồi im lặng hàng giờ — Cho đến vài phút trước khi tan cuộc muốn cho sự gần gũi đỡ tẻ lạnh tôi lại đến gần và hỏi Trang:

– Chị có ở gần đây không ạ?

Nàng đáp:

– Dạ.

Lúc ấy tôi không hiểu nàng muốn nói là có ở gần hay không. Nhưng chính vì sự nghi ngờ, sự không thấu hiểu ý nghĩa một chữ « dạ » làm tôi gần nàng hơn chút ít – Một tiếng trả lời của nàng bao hàm nhiều ý nghĩa chẳng. Ý nghĩ thoáng vụt trong óc tôi như thế — và đột nhiên tôi lại hỏi nàng:

– Tôi muốn mua ít nón Huế trước khi về. Chị có thể giúp tôi được không?

– Dạ.

Tôi vội vàng nắm lấy cơ hội vì cho rằng « dạ » tức là đồng ý:

– Chiều mai tôi gặp chị vì một phải trở về.

Nàng đáp:

– Dạ.

Đáng lẽ tôi phải hỏi tiếp ngay tức khắc, để ấn định giờ phút gặp gỡ nhưng tôi đứng lặng yên. Nàng cũng đứng lặng yên. Có lẽ nàng đã đứng lặng yên chờ đợi. Nhưng sự lặng yên của tôi là chính vì tôi sống sót vô cùng. Trang không phải người đàn bà đầu tiên tôi hẹn gặp. Tôi đã hẹn gặp nhiều người trước đây. Người nào trước khi thỏa thuận gặp gỡ, dù chỉ gặp gỡ vì một mục đích không chứa ẩn một gian ý nào cả cũng đều mang vẻ e lệ. Tất cả đều chấp nhận khi lời mời mọc mang chút ít tính chất khẩn khoản, chèo kéo. Phải, tôi đã quen thuộc với những trường hợp như vậy nên đã sống sót vì chột bắt gặp sự hỗn nhiên, trong sáng vô cùng trong lời chấp nhận của Trang.

Khi tôi đứng lặng im, nàng nhìn tôi. Và tôi lại hỏi nàng với tâm trạng của người hoảng hốt:

– Tôi sẽ gặp chị ở đâu? Ở gần chợ có được không?

Nàng đáp:

– Dạ...

Nàng vẫn trả lời « dạ » nhưng lần này tôi đoán biết ngay một vẻ ngập ngừng. Tôi hỏi ngay:

– Hay tôi lại đăng nhà đón chị?

Nàng đáp:

– Dạ.

Trong mắt nàng vụt một tia tươi sáng, bình an. Và giọng nói « dạ » thanh thản của nàng làm tôi yên lòng hiểu rằng nàng thật tình thỏa thuận. Lúc ấy nàng lấy ra một mảnh giấy nhỏ viết lên đấy địa chỉ và trao cho tôi.

Đây là lần đầu tiên tôi gặp Trang. Những lời nói trao đổi giữa chúng tôi vốn vẹn chỉ có thể. Hình ảnh mà tôi giữ nơi Trang có lẽ còn mờ nhạt hơn nữa. Buổi tối khi trở lại gác trọ muốn nhớ lại khuôn mặt nàng thì tôi chỉ gợi được những nét xa lạ vô cùng. Tôi chỉ nhớ rằng cử chỉ của Trang e dè lắm. Trên khuôn mặt nàng hầu như cũng hằn đậm những nét sợ sệt ngại ngùng. Hôm sau khi chúng tôi đi bên nhau trên con đường xuống chợ nét e sợ còn rõ rệt trên khuôn mặt và cử chỉ của nàng. Có lúc tôi nghĩ rằng sự nhận xét của tôi nhầm lẫn. Nếu sợ sệt tại sao nàng lại nhận lời đưa tôi đi chợ dễ dàng như thế. Và có lẽ cử chỉ và nét mặt mà tôi tưởng là e sợ thật ra chỉ là những vẻ buồn man mác, xa xôi. Mà Trang buồn là điều hợp lẽ. Ngôi nhà nàng ở quay ra bờ sông, đứng sát ngay bên dòng nước chảy. Trước cửa phòng ngủ của nàng một chiếc bao lơn nhô ra bên trên dòng sông. Tôi không hỏi Trang có ngồi ở đấy nhìn nước chảy lúc ban đêm bao

giờ không. Tôi biết rằng mọi câu hỏi đều thừa thãi. Một chiếc ghế đặt trên bao lơn đã làm tôi mừng tượng đến dáng hình bé nhỏ, đôi mắt buồn lặng, đôi môi run rẩy và đôi tay thu khép của Trang ánh xuống một dòng nước vời vọi những đợt sóng vu vơ.

Cứ thế tôi đi cạnh nàng mà không nói gì cả. Trong dãy chợ ồn ào Trang trả giá, Trang mua nón. Tôi chỉ đi bên cạnh Trang lặng im. Những hình ảnh và ý nghĩ về Trang đuổi theo từng bước chân tôi. Có lúc hầu như tôi đã quên cả nàng đi bên cạnh. Bóng dáng người con gái buồn lặng ngồi bên dòng nước chảy như trùm lấp, lấn áp tâm hồn tôi. Và khi ra khỏi chợ giọng nói của Trang đột nhiên lôi tôi về thực tại. Tôi không nghe rõ lời nói đầu tiên của Trang. Nàng nhắc lại ý muốn kiểu tú.

Một phút hoảng hốt qua đi, ý nghĩ muốn giữ nàng ở lại gần bên xâm chiếm lấy tôi. Trong yên lặng chúng tôi chậm bước lại phía cầu Gia Hội trên đường trở về nhà nàng. Đến chân cầu

tôi dừng lại, Trang cũng dừng lại. Một giây im lặng rồi tôi đột ngột hỏi nàng:

– Hình như chị có vẻ lo ngại vì đi cùng với một người con trai lạ mặt ngoài đường phố?

Trang ngần ngại không trả lời. Những nét lo sợ đột nhiên lại hiện rõ trên mặt nàng. Tôi nói tiếp luôn để thúc đẩy Trang chấp nhận:

– Ở Sài Gòn sự kiện một người con gái đi cùng một người con trai là một sự kiện rất thường. Trong một thành phố rộng lớn lễ lối phong tục bao giờ cũng cởi mở. Đó là một điều dễ hiểu.

Trang nhìn vào mắt tôi. Tôi nhìn ra phía bờ sông nói tiếp:

– Tôi nhận thấy ở đây có một con sông rất đẹp. Nhưng có điều đáng chú ý là không có người con trai và con gái nào đi dạo trên bờ sông. Có lẽ họ vẫn đi với nhau ở những chỗ xa

xôi ầm khuất. Nhưng không có ai đi dạo trên bờ sông cả?

Tôi nghe tiếng Trang « dạ » rất nhỏ ở bên cạnh. Và tôi quay lại nhìn Trang:

– Vì vậy tôi muốn mời Trang (đột nhiên tôi gọi bằng tên) đi dạo với tôi trên bờ sông.

Nàng cũng nhìn tôi.

– Vấn đề chỉ đặt ra với Trang. Tôi là một người lạ mặt. Ngày mai đã lên đường. Nếu Trang thấy rằng cần phải sợ sệt người chung quanh đến chỗ bỏ quên cuộc sống của riêng mình thì Trang có quyền từ chối.

Lúc ấy những luồng gió đưa lên từ phía mé sông như đang thổi mạnh. Đằng sau lưng Trang tôi nhìn thấy hình sắc mờ nhạt của những con thuyền nhỏ bé, nghèo nàn đang rung động. Mắt Trang long lanh. Đôi môi nàng như mấp máy.

Tôi hồi dậu khế:

– Trang nghĩ thế nào?

Nàng trả lời mà mắt nhìn lơ đãng:

– Dạ.

– « Dạ đi » hay « dạ không đi »?

Trang cười nhỏ nhẹ không nói gì. Chúng tôi không qua cầu Gia Hội mà chậm bước dọc mé sông.

* * *

Tôi không nhớ hết đã nói những gì với Trang trên suốt dọc đường dài. Có lẽ tôi nói với nàng về hậu quả của một cuộc đi dạo sánh đôi trên bờ sông – Nhưng những ý tưởng lo âu đó tan biến đi rất chóng vánh. Cả vẻ âu lo của Trang cũng tan biến. Tôi nghĩ rằng chắc hẳn sự có mặt của hai người đủ sức mạnh làm

mờ xa vạn vật chung quanh. Rồi có lẽ tôi đã nói với Trang rất nhiều về Sài Gòn. Tôi miêu tả những phố phường lớn rộng, xôn xao. Tôi nói về cuộc đời của tôi bên cạnh những con đường rộn ràng xe ngựa. Hình như tôi đã kể cho Trang nghe từng chi tiết tận tường về cuộc sinh hoạt ấy với những nỗi âu lo riêng biệt. Tôi cũng nhắc nhở đến những cuộc đi dạo đơn độc của tôi trong đêm khuya trên bờ sông Sài Gòn. Có những con tàu to đậu bên lề bến — Chập tối trên những boong tàu bao giờ đèn cũng thấp sáng choang. Nhưng về khuya những ngọn đèn đêm lần lượt lịm dần trong bóng tối. Tuy nhiên bao giờ trên những con tàu to rộng ấy cũng vẫn còn một vài bóng sáng lẻ loi. Tôi ví những ánh đèn thao thức ấy với những niềm tâm sự vời vợi u hoài. Hình như Trang mỉm cười. Và tôi cũng bảo rằng xưa kia nhìn những con tàu đứng trong đêm giờ tôi cũng thèm từ bỏ những bến bờ quen thuộc. Nhưng ngày tháng và cuộc đời đưa con người đi sâu vào trong thời gian làm cho những ao ước thuở xưa bị biến thành ảo vọng. Tất cả những mơ

ước trình bạch của buổi thiếu thời dần dà bị biến thành những ngọn hải đăng chìm khuất trong một màu sương đậm và con tàu của đời người cứ mãi xa đi. Phải, tôi đã nói với Trang nhiều lắm mà không nhớ rõ tất cả câu chuyện tâm tình. Nhưng có điều chắc chắn là chúng tôi đã đi xa lắm. Tôi không biết rõ đã đi đến đâu vì địa điểm thành phố và ngoại ô hoàn toàn xa lạ với tôi. Tôi cũng không chú ý đến những tấm biển mang tên lạ đứng bên những ngã đường. Tôi cũng không chú ý xem những người đi gần gũi, chung quanh có để ý đến chúng tôi không. Tôi không để ý đến một tí gì cả. Chỉ biết rằng khi chúng tôi dừng lại thì thành phố Huế đã lùi lại, xa thẳm ở đằng sau và trời đã tối. Chúng tôi nhìn nhau cười, quay gót. Đằng trước mặt lúc ấy những ánh đèn đêm của thành phố đã thấp sáng. Trên cao một vài ngôi sao thoáng điểm. Gió lúc ấy cũng thổi nhiều. Khuôn mặt Trang như trắng sáng trong vùng đêm. Mớ tóc nàng mờ trong bóng tối. Tôi không còn phân định được rõ ràng nét mặt nàng. Nhưng thỉnh thoảng đà vui của câu chuyện làm chúng tôi

quay mặt lại nhìn nhau. Mắt Trang sáng long lanh như một vì sao dẫn lối. Trên đường về chúng tôi đi chậm rãi. Hai đứa bước đi song song. Có lúc hai bờ vai của chúng tôi xa nhau chút ít. Có lúc gần gũi đến chạm sát vào nhau. Còn hai bàn tay chúng tôi lồng vào nhau suốt một dọc đường dài.

* * *

Sáng hôm sau một chiếc xe hơi chở khách đưa tôi đi từ trạm liên lạc hàng không ra phi trường. Trước đây tôi đã đợi Trang trên thêm ngôi nhà liên lạc của hãng hàng không. Tôi đến rất sớm. Nhưng Trang không đến. Khi chuyển xe bắt đầu chuyển bánh tôi ngả đầu lên lưng ghế, mắt nhắm chặt. Đột nhiên hai giọng nói vang lên từ đằng sau lưng tôi, tôi không quay nhìn lại. Đó là giọng nói chuyện của hai người đàn ông đi cùng một chuyến xe.

Giọng thứ nhất:

– Có chuyện ni lạ lắm.

Giọng thứ hai:

– Mi biết con Trang

– Có. Chi đó?

– Bữa qua nó dám đi với thằng cha mô trên bờ sông.

– Tầm bậy!

– Thiệt mà!

– Mi thấy chính mắt mi?

– Chị tao thấy.

– Thằng mô?

– Tao không biết. Chắc chắn không phải người vùng ni...

Hình như họ còn nói thêm một vài lời bình phẩm. Tôi không quay lại nhìn mặt họ và vội vã đổi chỗ lên phía trên để xa lánh hai giọng nói xa lạ, lạnh lùng. Chuyển xe vừa ra khỏi thành phố, đổi tốc độ mau hơn. Hình ảnh cuối cùng của Trang lúc ấy cũng hiện ra trước mắt tôi rõ rệt: khi về đến chân cầu Gia Hội tôi nhìn nàng lần chót. Chúng tôi ngần ngại chia tay. Chúng tôi không nói gì với nhau. Trang nhìn tôi. Vẻ buồn bã như đột hiện nơi Trang. Mắt nàng như long lanh. Nàng rút vội bàn tay ra khỏi tay tôi đi vội lên cầu. Trước mặt tôi bóng Trang xa dần. Mớ tóc nàng mờ đi. Rồi đôi vai gầy trong tấm áo trắng mong manh cũng lẫn vào trong bóng tối.

NGUYỄN SA

ĐÊM MƯA

Tôi đợi em ở một góc công trường.
Đằng sau lưng tôi: một dòng sông chảy
quanh co. Trước mặt: con đường nhựa đen dài
chạy về xa bóng mưa rơi thấp thoáng.

Tôi đợi em từ 8 giờ. Bây giờ đã 9. Có lẽ đã
9 giờ 5 phút.

Tôi không đếm thời gian bằng đôi mắt say
mê của người biển lận đếm bạc vàng rồi cất vào
tủ sắt. Nhưng chắc em biết rằng thời gian đợi
đợi – đợi chờ một người yêu – bao giờ cũng
trải qua rất chậm.

Tôi đứng hỏi thăm: em đến hay không đến?

Tôi mong rằng em sẽ đến nhưng cũng chắc là không.

Dù em đến hay không, tôi vẫn muốn bảo đảm em: hãy giữ lấy thời mà suy tính – dù trong buổi đợi chờ tôi đứng giữa đêm mưa.

Em hãy suy tính cho khôn ngoan. Bởi vì một khi đi ra nẻo đường hò hẹn em sẽ phải để lại đằng sau lưng những mái nhà cong vút, những mui xe lóng lánh mưa rơi.

Tôi sẽ đưa em đi vào con đường xa vắng. Tôi sẽ đưa em đi trên những bờ sông. Không có thuyền, không có xe. Chỉ có những ngón tay yêu đương lồng vào nhau tìm phương hướng.

Tôi sẽ chỉ đem lại được cho em một cuộc đời đạm bạc: tôi chỉ biết ôm tóc em trong mưa để uống từng giọt nước và nói cùng em những lời đắm đuối đầy thơ.

Phải, tôi sẽ ôm mái tóc dài đen ướt đầm

bằng bàn tay của người chết đuối níu lấy mảnh thuyền lướt đi trong bóng tối đêm khuya. Và sẽ tìm trong mắt em những nụ cười say đắm. Những nụ cười có sức đắm say mở rộng chân trời và nguồn sống vô biên.

Còn nếu như em không đến? Em không đến tôi cũng chẳng dám giận hờn em.

Em hãy ở lại nhà. Đóng chặt cửa sổ kéo mưa hiu hắt. Kéo chăn trùm kín cổ kéo gió lùa về lạnh những giấc mơ êm,

Em hãy ở lại nhà. Tôi không dám giận hờn em.

Tôi lại ra đi. Sáng ngày mà tôi lại ngửa mặt lên trời cao nhìn vầng thái dương đỏ lửa chói mắt thế nhân.

Tôi lại đi thẳng vào cuộc đời nghiêng ngửa.

Tôi lại đàn cho lòng tôi hát điệu lời ca. Rồi những đêm khuya nhớ em tôi đàn to, hát to gọi

cuồng phong về điều khiển trăm cây làm vũ điệu.

Và nếu đến một ngày không còn ai dám hò hẹn trên bờ sông tôi sẽ về đốt đuốc đứng bên bờ Ngân hà để Chúc nữ Ngưu lang nhìn rõ mắt nhau qua đôi bờ sông tình tự.

Những ngôi sao rụng: tôi sẽ nhặt từng ngôi sao rụng. Trăm ngôi sao thì kết lại một vòng sao. Rồi những đêm tối trời tôi trốn về đặt trên mộ những người trinh nữ yêu thơ mà cũng phải giả tử nhân thế.

Còn những bài thơ tình của chúng mình xưa cũ tôi sẽ chôn kín dưới những gốc hoàng lan để mai sau những người con gái hẹn hò mà e ngại đường xa ngồi nghe gió hiu hiu của lòng mình rung động.

Em sẽ đến hay em không đến?

Tôi sẽ đợi trong mưa mà không giận hờn trách móc em đâu?

Tôi không trách em bởi vì không thể trách người đời không biết nghe âm thanh của đá chuyển mình, mây vẩn vũ và bóng tối đổ mồ hôi rồi cứ nhìn những tâm hồn thi sĩ bằng những đôi mắt vô cũng ngỡ ngàng, lảo lơi.

Em không đến thì tôi lại đi. Tôi sẽ cười vang và nghe núi vọng tiếng cười vang.

Tôi sẽ đi trên bờ đại dương xanh để soi gương và cũng để biết rằng: Tôi dám chạy ngược chiều máy bay vì tóc tôi là một bầu trời lỏng lẻo.

Phải, em không đến thì tôi lại đi. Nhưng còn một phút giây chờ đợi trong mưa tôi vẫn hỏi thăm âu yếm: Em có đến không? Em có đến với cuộc đời?

NGUYỄN SA

ĐẠ KHÚC

Anh sợ những cột đèn đổ xuống

Rồi dây điện cuốn lấy chúng ta

Bóp chết mọi hy vọng.

Nên anh dìu em đi xa

Đi đi chúng ta đến công viên

Nơi anh sẽ hôn em đắm đuối

Ôi môi em như mật đắng.

Như móng sắc thương đau

Đi đi anh đưa em vào quán rượu

Có một chút Paris

Để anh được làm thi sĩ

Hay nửa đêm Hà nội.

Anh là thằng điên khùng

Ôm em trong tay mà đã nhớ em ngày sắp tới

Chiếc kèn hát mãi than van

Điệu nhạc gây náu nhau tuyệt vọng

Sao tuổi trẻ quá buồn

Như con mắt giận dữ

Sao tuổi trẻ quá buồn

Như bàn ghế không bày

Thôi em hãy đứng dậy

Người bán hàng đã ngủ sau quầy

Anh đưa em đi trốn

Những dày vò ngày mai

THANH TÂM TUYỀN

TÔI CÒN GÌ NỮA

Tôi còn gì nữa

Thời gian rũ rượi ngực tù

Và cuộc đời hấp hối giữa cuộc đời

Trong lòng bàn tay

Đạo phủ

Không từ những đảo hoang

Hay những kinh thành rực rỡ hào quang

Những viện bảo tàng

Ngàn năm nhân loại

(Bàn tay những kẻ lạ mặt

Nhuộm máu)

Tôi còn gì nữa

Khi chiến xa nghiền nát những trái tim

Và liên thanh bắn vỡ linh hồn

Gục trước nòng súng

Đen ngòm

Mẹ quỳ chết khô bên mộ

Còn ôm ấp hình dáng người con

Ngăn quân thù mỗi góc phố bờ sông

Hay còn đang

Viết những lời van xin

Vô tội

Để trao tay cho kẻ

Sát nhân

Tôi còn gì nữa

Thảm thương hình giáo kiếp người

Khi tôi đã hết cả danh từ

Gọi tên

Tội Ác

Tôi viết trong đêm

Bằng những dòng nước mắt

Bờ tường đại lộ hay ven đê

Hay giữa thỏ tim

Những dòng chữ đen

Chúng đã giết rồi

Chúng đã giết rồi

*Trần Bình Trọng Nguyễn Thái Học Imre Maleter
và...*

Nhưng tôi vẫn còn

Một chỗ quỳ trên bệ đá củi đầu

Hối hận sống sơ sinh

Và tôi vẫn còn

Những bình minh

Những hoàng hôn

Vuốt ve tiếng hát

Thần thánh bản anh hùng ca

Những ngón tay đàn lát bông hoa

Nghĩa là tôi vẫn còn tất cả

Tất cả

Thế giới màu lam

Chiều sâu mắt em

Những bài thơ

Tôi viết những dòng chữ son

Trên khái hoàn môn

*Trần Bình Trọng Nguyễn Thái Học Imre Maleter
và...*

TRẦN THANH HIỆP

BI HÀNH KHÚC

Mặt trời chìm xuống triều trùng điệp núi đồi

Cây co ro

Con én bay hình lưỡi hái tử thần

Cắt đôi ngày mãn kiếp

Chiều để tang quần một vành sương

Trái đất chòng chênh

Bầy cú mèo đáp xuống

Giải xuân hồng rách

Người cào nát mặt mày móc bỏ con người

Giang tay làm thánh giá

Chùa hai nghìn tuổi còn rán sức khiêng đi

Xin anh chị em nào có gặp

Hãy theo đưa

Còn bóng tối lẫm lĩ đứng ở ngưỡng thời gian

Làm dấu thánh

Rồi vội vã quay vô

Khiến một thi sĩ nằm phơi thân trên thế kỷ này

Khóc nước nở

Để lệ chảy thấm qua những lần thế kỷ sau

Đời sẽ mục và nấm tình thương lẽ nào rồi
chẳng nhú lên.

BÀI HỌC VỀ VẠN VẬT

Tăng T.

Tôi mọc trên địa cầu

Nên các cảnh huyết quản

Rút nhựa đời không thôi

Làm trái tim chín đỏ

Tôi nằm há miệng chờ

Trái tim muối rụng xuống

Cặp môi tôi phì nhiêu

Đóa lời ca trở ngát

Tôi đành nhịn đói luôn

Thành ra trần hết là

Giơ tay khô hàng đời

Đến rã thành đất mới

Cho thi sĩ sau này

Mọc lên thừa chất bổ

Cho thi sĩ sau này

Thôi nghĩ mình cỏ cây.

TÔ THÙY YÊN

XÂY DỰNG

Ta sức tỉnh vườn mình trong ánh sáng,
Mắt trũng sâu sau giấc mộng kinh hoàng.
Lửa bập bùng rờn rợn tiếng âm vang
Của vũ trụ găm la trong tội ác.
Ta đi sâu dưới khung trời ngơ ngác,
Bóng triều dương vàng ảm đạm linh hồn.
Rừng cô liêu bạt rẽ, núi hồng hoang,
Ngọn sụp đổ chắn ngang triển thế kỷ.
Khắp đây đó nắm xương mòn biến thể
Xác phi cơ chùn vỏ chúi bên đường,

Đồng gươm cùn, trái phá ngậm phong sương

Nằm trơ trên thẹn bốn mùa hoa cỏ.

Ta bước qua những đô thành nín thở,

Đoàn chiến xa gục đổ dưới lưng hào,

Chặng thép gai quấn rỉ khóc binh đao,

Một bông lý nở trong lòng đại bác

Đây bom, lửa khơi tình thương bát ngát.

Dạn cây sâu trong lòng đất khô màu;

Bóng Linh-hồn-trọng-đại trút thương đau,

Về ngự-trị trên lâu-đài-tàn-phá!

Đây sức sống đương tràn theo vạn ngú,

Nhựa băng mình dồn dập dưới chân đi.

Những chồi non từ hủy hoại tân-kỳ

Say đất mới đương hẹn mùa hoa trái.

Chim hy vọng, nghe dòng đời, phấp phới...,

Nhịp lời ca, dân chúng dẫn đường về.

Vui nghẹn lời, ta góp sống diên mê

Giữa tàn phá tô khung trời xanh thắm!

NGUYỄN DUY DIỄN

MỘT THÀNH TÍCH CỦA MỘT QUÂN NHÂN VIỆT NAM: TẠ QUANG CỰ

NGUYỄN THIỆU LÂU

TA QUANG CỰ là một quân nhân Việt Nam đệ nhất, tên được ghi trên bia đá. Bia này là bia Võ công, dựng ở trước sân Võ miếu ở Kinh, vào năm Mậu Tuất tức là năm thứ mười chín triều vua Minh Mạng (1838).

Bia Võ công ghi tên hai mươi vị. Tên Tạ Quang Cự ghi ở số mười một. Tạ Quang Cự là ai?

* * *

Tạ Quang Cự người Nghệ, sinh năm 1771, mất năm 1862 sau khi về hưu. Người thọ chín mươi một tuổi.

Khi người mất, tước Võ lao hầu, hàm Thái bảo. Quân công của Thái bảo, Võ lao hầu Tạ Quang Cự nhiều lắm, cả một quyển sách mới kể hết.

Ta nhắc lại một quân công mà sử đã ghi rõ ràng. Ấy là quân công vào năm Đinh hợi (1827). Quân công này là sự giữ vững miền Nghệ, Tĩnh, chống lại quân Xiêm xâm lăng. Năm đó, Tạ Quang Cự tuổi năm mươi sáu.

* * *

Nguyên là nước Xiêm muốn bành trướng về đất Lào. Họ bành trướng bằng võ lực, về phía Vạn Tượng (Luang Prabang) và về phía Viên Chiên (Vientiane). Người Lào không chống cự nổi. Người Xiêm bèn theo đà xâm lăng mà đánh về phía Trấn Ninh. Trấn Ninh là một cao

nguyên, ở ngay sau miền núi Nghệ An của ta. Quân đội Xiêm có thể thừa thế đánh sang ta, tuy chẳng có lý do chiến tranh gì cả, và cũng chẳng có tuyên chiến.

Việc này là việc to.

Vua Minh Mạng đã lo giữ đất nước.

Ngay tháng năm, năm Đinh hợi (1827) Ngài đã cử Thống chế dinh Long Võ (ở kinh) là Phan Văn Thủy sung chức kinh lược biên vụ đại thần lãnh chức Trấn thủ Nghệ An. Phó tướng Nguyễn Văn Xuân sung chức Bang Tả.

Hai võ tướng cao cấp này đã phải đem rất nhiều quân ở Kinh ra án biên thùy Nghệ An. Quân toàn đi bộ, có voi đi trước dọn đường. Qua rừng, qua núi. Người đi trước lấy quắm chặt cây... Ăn ở đâu? Ngủ ở đâu?

Quân lính ta hồi trước cực lắm: « Ngang lưng thời thắt bao vàng » nghĩa là đeo một ruột tượng đựng gạo để ăn đường. Đến chỗ được

phép nghỉ, anh em tùm năm tùm ba thối cơm chung ăn với muối.

Rồi lại đi. Cứ như thế, đi mãi. Còn ngủ thời ngủ ở trong rừng. Linh Kinh tiếp tục ra Nghệ, dưới sự lãnh đạo của Thống chế dinh Long Võ là Phan Văn Thúy và Phó tướng là Nguyễn Văn Xuân.

Lính Kinh tới Nghệ, tới thành đóng lại. Thành này bây giờ không còn nữa, thành ở ngay Vinh.

Quân đội đóng ở Vinh.

Rồi phải tiến về phía Trấn Ninh, bảo vệ biên thủy. Thống chế Phan Văn Thúy đóng tạm quân ở Vinh và Người phái Tạ Quang Cự, chức Vệ úy đem hơn sáu trăm lính đi tiên phong. Vệ úy Tạ Quang Cự chắc đã phải có voi, ngựa, súng và linh tinh nhuệ.

Ngược thung lũng sông Lam, qua Nam Đàn, qua Đô Lương rồi vượt rừng, lội suối, trèo

núi lên tới Xiêng Khoảng. Chúng ta nhìn bản đồ thời thấy hành trình của Vệ úy, Tiền phong đã như thế nào?

Lên tới Trấn Ninh không phải là để nghỉ mà là để đánh nhau.

Tạ Quang Cự lăn lóc với mặt trận Trấn Ninh suốt bốn năm trời nào là chống quân Xiêm, nào là bảo vệ dân Lào, nào là phủ dụ dân Việt ta. Ở Trấn Ninh, chức của Tạ Quang Cự là Phòng ngự sứ.

Đất Trấn Ninh, Pháp cho vào đất Lào, nhưng sự thực là đất của ta, từ thế kỷ thứ mười lăm. Nhưng vì hẻo lánh nên ít dân lên đây ở, chẳng khác gì nhiều miền cao nguyên Trung Việt bây giờ.

Phòng ngự sứ Tạ Quang Cự ở Trấn Ninh đã làm việc như thế nào?

Sử ta rất dè dặt nhưng cũng đã ghi như sau này:

« Cự ở Trấn Ninh, nghiêm ước thúc, cấm cướp phủ... Trong cõi yên lặng ».

* * *

Quân Xiêm đã không dám xâm lăng nước ta, tay đã hùng hù hỏ hỏ đánh phủ thượng Lào. Và Tạ Quang Cự đã đem an ninh và trật tự cho toàn thể dân chúng ở Trấn Ninh.

Đến tháng tư nhuận năm Canh Dần (1880) Tạ Quang Cự được vua Minh Mạng gọi về, vì đã vất vả quá.

Rồi được thăng làm Tổng Đốc An Tĩnh tức là một chức rất to, trách nhiệm lớn.

Trên đây ta kể qua một quân công của Tạ quang Cự, ấy là sự át quân xâm lăng Xiêm, sự đem an ninh và trật tự cho dân chúng ở Cao Nguyên Trấn Ninh, vào khoảng 1827 – 1830.

Về sau, vị lão tướng này sẽ còn nhiều quân công: công dẹp giặc thổ phỉ ở Việt-Bắc và công đánh quân xâm lăng Tàu ở Cao Bằng Lạng Sơn.

Sau, Chúng ta sẽ nói tới.

NGUYỄN THIỆU LÂU

CAU THANG

DUY THANH

NGUYỄN thở hổn hển vượt mô hôi trên trán nhìn người đàn bà dưới cánh tay chàng. Mặt nàng co dúm, tím bầm, mắt trợn ngược nhìn lên trần nhà, miệng há hốc sùi cả bọt mép, cái làn môi bôi son hồng ấy giờ đây ngắt đi. Phượng đã chết. Sự chết choán cả lấy thân hình mảnh dẻ, kiều diễm mà cách đây ít phút còn đầy trong tay Nguyễn. Cái hơi ấm nóng hổi của sự sống đang thoát dần vào không gian, giữa lạnh lẽo của xưởng vẽ như rộng lớn, với những màu sắc xanh đỏ như reo cười. Phượng đã chết, những móng tay hồng bầu lấy thành giường co quắp.

Nguyên sờ lên gò má bị những vuốt tay nhọn sắc cào lên rớm máu. Chàng không biết đau, chỉ thấy tê đi và có cảm giác từng giọt nhỏ xuống. Chàng nhìn Phượng, nhìn cái xác chết bé nhỏ, nhìn cái cô cao và nắn ấy giờ đây không còn nguyên màu nữa. Chàng giờ hai bàn tay run rẩy xù sì như chiếc rế cây soi trước mắt. Chính, hai bàn tay này đã bóp vào cổ Phượng, siết chặt, cho nàng giãy giụa chết đi, giữa lúc Nguyên cảm thấy yêu nàng hơn bao giờ hết, yêu hơn bao giờ. Phượng! Phượng! Sao Phượng lại chết đi giữa lúc ta yêu nàng đến thế. Nguyên bất giác kêu thảm. Chàng nhớ tới hành động vô lý của mình lúc bóp cổ Phượng. Song trong thâm tâm chàng thấy thỏa mãn một cách khó tả. Vì Phượng chết. Ngoài trời mưa nặng hạt. Tiếng nước đập trên mái tôn rào rào. Gần phía đầu giường dòng nước đột rơi tí tách chảy loang trên nền nhà. Phượng đã chết, những giọt nước như đếm thời khắc qua đi. Trời như trở lạnh. Nguyên rùng mình cảm thấy gai ốc nổi trên người. Chàng thấy một trống vắng ghê gớm tự cõi lòng, từ cái bụng trắng để ngỏ của

Phượng. Cô quạnh lê thê kéo dài từng chùm đến với Nguyên, và vào những lỗ chân lông lạnh toát. Chàng càng cảm thấy nhớ Phượng, yêu Phượng.

“Anh yêu em” giọng chàng lạc trong ngàn mưa. Đưa tay ôm lấy khuôn mặt Phượng, Nguyên hôn lên cặp môi bầm tím đang bắt đầu se lại rồi gục đầu sang một bên khóc nức. Trong ánh sáng yếu của gian phòng đóng kín, bóng hai người thành một khối đen im lẳng trên nếp khăn giải giường xô lệch. Một con ruồi bay về và đậu lên tròng mắt mở của Phượng. Rồi nó lại bay lên, đậu xuống. Phượng vẫn bất động. Cái giá lạnh muôn năm của chết thả dần vào người nàng như nước sông dâng lên một mùa lụt. Dòng sông nước dâng lên, phù sa đỏ ngầu. Có những cánh bèo trôi phẳng phẳng tan tác.

Người đàn bà kéo tà áo, dáng điệu kênh kiệu hơn bao giờ. Nguyên nhìn vào cặp mắt lạnh lùng ấy, anh đốt một điếu thuốc:

– Tôi ưa màu áo của cô, cái màu đen này, cái lối trang điểm không phấn sáp, chỉ hơi một chút hồng ở môi và cái dáng điệu cô đài các như một bà hoàng.

Người vũ nữ cười nhẹ, hơi ngạc nhiên về cách xưng hô và lối nói của chàng, đáp:

– Lần đầu tiên có người khen em như vậy. Chưa có ai khen cái màu đen này bao giờ.

– Thế à?

Nguyên ngừng đầu nói, như câu hỏi cho chính mình, chàng cũng hơi lạ về thái độ chàng hơn là sự cảm nghĩ của người khác.

Âm nhạc nổi gòn gợn trong gian phòng lớn âm thầm ánh sáng. Những cặp trai gái ôm nhau nhẩy trên sàn gỗ du dương. Nguyên hơi nghiêng đầu nhìn về phía nhạc nổi da diết rồi lại chăm chăm ngó khuôn mặt người bàn bà. Một màu trắng xanh trong ánh đèn, mắt mở to một vẻ chán chường bình thản – “Mình ưa cái

kiểu đẹp thế này” chàng tự bảo. “Tên cô là gì?”
“Phượng”. Tiếng nàng vang lên như một trái banh giao nhẹ. Âm thanh trùm trên những làn khói quần quai từ đĩa gạt tàn thuốc. Nguyên nhắc lại: “Phượng! Anh nghĩ tới những xác hoa đỏ rụng trên lề đường dưới gót giày đi qua. Và những giọt máu hoen, màu đỏ ố vô vị khi đổ xuống mặt đất. Sao lại có thể vô nghĩa như thế”.
Người vũ nữ hỏi:

– Anh nói sao?

– Không, có gì đâu, tôi muốn nói những xác hoa, Nguyên chớp mắt đáp lại, cô uống nước đi chứ.

– Vâng cảm ơn anh.

Cục đá lạnh chạm vào thành ly lạnh canh.
Người đàn bà uống mấy ngụm nhỏ:

– Anh không nháy?

Nguyên lắc đầu:

– Tôi chưa hề học nhảy bao giờ.

Phượng không nói gì rụt chân lại ngồi thẳng người trên ghế, kin đáo đưa tay xem giờ.

Nguyễn nói như cho mình nghe:

– Tôi nói chuyện thời hơi vụng. Vả lại cũng ít khi đến tiệm nhảy. Hôm nay không hiểu sao lại đến đây. Có lẽ tôi muốn buồn hơn nữa. Vì mọi lần mỗi khi đi chơi với các bạn hữu vào nơi này tôi lại thấy buồn thêm, không hiểu sao. Có lẽ tôi cho rằng bởi cái không khí giả tạo chẳng? Cũng không biết. Nhưng có điều chắc chắn là không có ai rủ tôi đi chơi nữa. Vì cái kiểu lăm lè như tôi thời cũng chán. Thật ra tôi cũng không biết làm sao khác được.

Phượng nhìn lại, cái môi mím lại, trề xuống gần giống một nụ cười. Nguyễn chợt có một ý:

– Hay tôi mời cô ra ngoài đi dạo một lát.

Người đàn bà hơi ngần ngại, nhưng rồi kéo

ghế đứng dậy. Nàng giơ tay hất hất mái tóc. Cái cổ cao hiện một khoảng trắng nhỏ dưới chân tóc sau gáy thoáng trong một giây.

Mưa vẫn đổ hồi trên mái tôn, Phượng vẫn nằm đấy, gần Nguyên hơn bao giờ hết. Chưa bao giờ Nguyên cảm thấy yêu hơn khi nàng chết đi, khi mà tiếng nói yêu đương không còn thốt ra trên cái miệng hoa ấy nữa. Khi ngàn đời chỉ còn là một câm nín vĩnh viễn. Chàng vuốt mắt cho Phượng, nắm lấy bàn tay nàng đặt lại ngay ngắn. Những họa phẩm treo trên vách mở to những con mắt lạnh lùng nhìn vào không gian. Chàng ôm lấy mình Phượng. Cái thân hình nho nhỏ đã không biết bao nhiêu người ôm rồi.

Sợi dây chuyền vàng nhỏ in trên nền đen của áo với chiếc khóa nhỏ và một chiếc chia nhỏ tí xiu. “Cô đeo thế này là nghĩa thế nào?” “Nghĩa là trái tim còn đóng cửa”. “Thế chưa có ai mở được hay sao?” “Chưa”. Phượng nhếch

miệng cười. Tiếng cười kinh kích nghe hay một cách lạ.

Bến tàu vắng người. Những khối đen lớn lừng lững trên mặt nước sẫm với những ngọn điện xanh đỏ như sao. Dáng Phượng đi kênh kênh thản nhiên như không có Nguyên bên cạnh. Chàng nhớ lại nắm tay của Phượng lúc bắt đầu đến bàn chàng cũng thế: thản nhiên, lạnh lẽo. “Không hiểu sao mình lại bằng lòng nó được?”

– Chúng mình vào kia ngồi nói chuyện có lẽ hay.

Phượng theo chàng không nói gì. Quán nước nhìn ra mạn sông. Tiếng nước vỗ nhẹ vào thành đá róc rách. Nguyên tưởng tượng đấy là một boong tàu mà chàng đương lên đèn trên mặt biển với một người chàng yêu. “Tại sao lại không là nó?” Lúc bấy giờ Nguyên chỉ biết đến người đàn bà trước mặt. Những hình ảnh con gái khác chìm đi không có một tiếng vang nào,

như những lớp sóng xô nhau ra ngoài bể.

Chưa bao giờ Nguyên nghĩ có thể yêu một cô gái nhảy. Những tình cảm của chàng với Phượng tự dưng có một sự gì khác biệt. Không phải lần đầu anh thấy Phượng. Nguyên nhớ có bận đi ở phố anh đã gặp nàng đi với một gã trai trẻ khác và lần ấy chàng đã thấy xao xuyến lạ. Lần này gặp Phượng thật tình cờ. Sự tình cờ tàn nhẫn của định mệnh, tàn nhẫn như thái độ của nàng.

– Ở ngoài Bắc, Phượng ở vùng nào nhỉ?

Giọng chàng nổi như một hơi thở từ đâu lại. Người vũ nữ nhìn xuống dòng sông. Những cột ánh sáng chạy dài lung linh trên mặt nước đen kịt.

– Em là người Lào chứ có phải người Việt đâu. Trước có ở Hà Nội mãi. Em đời tên Phượng vì bây giờ em là Việt Nam rồi.

Nguyên thấy ghét đứa con gái với cái giọng

nói thản nhiên ấy. Có thể cũng câu nói thế nhưng biểu lộ một cách khác có phải hay hơn không? Anh muốn ném Phượng xuống dòng sông nước đen như mực.

– Có bao giờ em muốn tự tử chết?

– Kể bao giờ khô lắm thì tìm cách chết. Còn tự tử vì tình thì không bao giờ.

Thì bây giờ mày đã chết rồi nhé. Mày không tự tử chết nhưng tao đã giết mày. Giết như một con ngoé. Phượng còn nằm đấy. Cái xác chết ngu xuẩn của nàng không còn gì nữa. Khi mà sự sống bỏ đi thời hết. Hết không còn gì. Nàng chỉ còn là một nắm đất mà rồi bị sắp đùn lên thối rữa. Nguyên thấy lợm giọng, chàng vùng dậy. Bên ngoài mưa chưa ngớt. Vũng nước chảy loang lổ trên sàn gạch in bóng chàng xuống giống một thầy ma. Bức tự họa treo trên vách ngó xuống như cười lên sảng sặc. Nguyên ôm lấy đầu. Tất cả những đồ vật, những thú vô tri giác nhất ở trên đời này bỗng cười lên

một nhịp. Rồi im Tặng. Sự im lặng gõ choáng trong đầu chàng inh ỏi tiếng thanh la. Cái xác của Phượng ườn trên giường như trong điệu bộ hoan lạc bản thủ với những gã đàn ông mà Nguyên chưa bao giờ biết mặt. Chàng đã ghen với cả quá khứ của Phượng khi nàng nói có một con, nhưng thật ra Phượng nói dối: Hai đời chồng chính thức và ba con. “Sao con bé nó còn trẻ thế”. Câu hỏi bữa nào hiện đến khi chàng gặp Phượng lần thứ hai.

– Em năm nay bao nhiêu tuổi?

– Em ba mươi hai, và nàng ngỏ chàng: – Chắc em hơn tuổi anh nhiều?

– Cũng không nhiều, chừng năm tuổi.

Cũng có khi nó nói thật, chàng nghĩ thâm nhưng mình không chịu được cái lối thản nhiên của nó.

– Anh yêu em – chàng nắm lấy tay Phượng ắp lên má. Bàn tay trắng, nhỏ, xanh những

đường gân. Nàng để im. Và im lặng cả khi Nguyên hôn nàng.

– Sao em cứ thản nhiên như không vậy?

Nguyên kêu lớn, anh ngó vào cặp mắt Phượng.

Nàng vẫn bình tĩnh nhìn chàng:

– Thì tính em vẫn thế chứ sao?

“Nó vẫn coi thường mình mà mình thời yêu nó. Phi lý” Nguyên yêu cái hình ảnh của Phượng. Yêu một cách lạ kỳ, chính chàng cũng không hiểu sao. Khi mà nàng cũng không còn trẻ trung gì. 28 tuổi. Lúc mà Phượng bảo 32 tuổi chỉ là câu nói đùa. “Có thể chứ” Nguyên thấy bằng lòng hơn khi biết Phượng chỉ trạc tuổi chàng nhưng nó già dặn hơn mình nhiều, có lẽ cũng là một cơ để mình yêu hơn; nhưng mà nó có ba con rồi. Ý nghĩ làm chàng khó chịu.

Nguyên thường bức dọc mỗi khi vấp phải những ý tưởng không hay. Chàng nghĩ muốn lấy Phượng làm vợ, và cũng nghĩ rằng muốn giết nàng chết để khỏi thấy nàng trong tay người khác. Nhưng lấy Phượng thì làm sao mà sống. Chính Nguyên cũng còn chật vật với cái nghiệp chướng của chàng. Nhiều khi chàng chua chát thấy những tác phẩm chỉ là một con số không lớn, chưa mang lại một cái gì cho chàng cả. “Có lẽ chúng chỉ có nghĩa lý khi mình chết rồi chắc?” Nguyên thường tự bảo. “Nếu sung túc mình sẽ lấy Phượng và cung phụng nàng như một bà hoàng. Dù nó sẽ làm khổ mình. Điều đó thì chắc chắn rồi”. Phượng vẫn đi với nhiều người khác. Nhiều lần Nguyên vẫn nhìn thấy. Những lúc ấy Nguyên giận lạnh người, nhưng vẫn muốn gặp Phượng. Thỉnh thoảng chàng vẫn đưa tiền bằng cách kín đáo để vào ví nàng và Phượng vẫn dễ yên như lúc Nguyên ôm lấy nàng.

– Có bao giờ em nghĩ là yêu anh?

– Không, em chỉ cảm tình với anh thôi.

Lúc ấy giá Phượng nói dối có phải chàng bằng lòng bao nhiêu. Nguyên có cảm giác là nàng vẫn yêu một người nào xa lắm. Tất cả những ân tình đối với chàng hay với ai khác chỉ là một thói quen. Của một tâm hồn đã chai sạn, đã trở đi như một viên cuội. “Thế mà tại sao mình cứ mê nó”. Chàng muốn kêu lớn như vậy. Nguyên đau khổ, thấy mình bị dẫn vật ghê gớm, vu vơ. Chàng nhớ cung cách thân nhiên của Phượng, giọng nói, làn da, hương thơm của nàng. Phát biểu ý nghĩ ấy cho Phượng, nàng chỉ cười mà nói:

– Cái anh khỉ này chỉ vợ vẩn, anh đòi hỏi nhiều quá. Thế mà không hiểu sao cái hôm đầu tiên ấy em lại theo anh đi được. Nàng ngừng một lát rồi nói tiếp: Chính tại cái thái độ kỳ quặc của anh hôm ấy đấy. Có đời nào đến tiệm nhảy lại gọi vũ nữ bằng cô bao giờ.

Những lúc Phượng hồn nhiên như vậy

chàng lại thấy yêu nàng thêm. Nhưng biết thế nào mà chiều. Nguyên thường vụng về nhất là trong cách đối xử với đàn bà. Các bạn chàng thường bảo:

– Mà mà cứ còn thế, thì cả đời chẳng có ai thèm yêu mà.

Nguyên chỉ cười nói:

– Thì tao cứ sống đúng chất của tao, ai yêu được thì yêu, cần gì.

Rồi khuôn mặt Phượng nở ra như một bông hoa vĩ đại trong tâm tưởng Nguyên. “Nếu nó hiểu mình thêm chút nữa”.

Mưa ngớt dần. Một giọng nói của ai vang lên sau vách gỗ:

– Biết mưa không quá ngộ mà.

Nguyên ngồi bên thành ghế ngơ ngẩn nhìn ảo mình bị rách toạc lấm tẩm những giọt máu

tím sẫm. Phượng đã chết nằm kia, chiếc áo dài tím của nàng vắt trên tay ghế, Nguyên ngửi mùi hương Phượng còn nguyên vẹn trong tấm áo dài. Chàng chưa thấy hối hận đã giết Phượng. “Có thể nó mới còn là của ta”. Chàng đã tạo ra một cái chết, tạo ra một tình yêu. Nguyên bỗng cười lên, tiếng cười đập vào bốn phía tàn nhẫn như Phượng vậy.

Cô hàng xóm nói lên với ai:

– Cái ông thợ vẽ bên cạnh này khoái cái gì mà cười nghe khiếp thế.

Nguyên vừa giết người mà không ai hay biết gì cả. Chàng muốn chạy ra nói to cho họ biết song lại thôi. “Họ làm sao mà hiểu được”. Vả lại làm thế Phượng sẽ không bằng lòng. Mặc dầu nàng chết. Nhưng sự có của nàng vẫn đầy rẫy trên từng khúc cảm giác của Nguyên. Chàng rửa mặt, thay đồ ra đường. Tự dưng Nguyên muốn đi, như tuân theo một sức mạnh vô hình nào. Cái ngõ nhỏ lầy lội xòe ra trước mặt chàng

thăm thẳm. Nguyên cẩn thận đóng kín cửa mà trong ấy Phượng còn nằm dài. Trước hiên những giọt nước rỏ xuống tí tách. Trời hãy còn rưng rưng. Bà già bên cạnh kỳ cạch xách thùng nước mưa hứng ở máng tôn trước cửa nom thấy chàng hỏi vọng:

– Thầy hai làm sao mà mặt mày bị xước cả ra thế kia?

Nguyên không đáp lăm lũi bước đi. Không vì biết mình vừa giết Phượng. Không ai biết. Chàng đi trên những con đường nhựa bóng nhẫy nước. Cuộc đời còn nhòa sau những hạt mưa thưa thớt. Nguyên đi mà không biết mình đi đâu. Chàng không thấy đói, không muốn nghĩ gì. Hoàn toàn một trống vắng lớn. Chàng không nhìn thấy ai. Chỉ cảm giác rằng mình đang đi xa dần xưởng vẽ của chàng, nơi mà Phượng đang nằm giấc ngủ ngàn đời.

Nguyên đi ra phía bờ sông. Qua một quán rượu nhỏ bán cho thủy thủ lúc này không

còn người, bản nhạc ngoại quốc nào vắn lên não nuột. Nguyên đã vào quán này mấy lần uống nước và nghe bản nhạc “Si toi aussi tu m’abandonnes”. Mỗi lần nghe chàng đều nghĩ đến Phượng tha thiết. Nguyên lại muốn nghe lại đĩa đó. Âm thanh rạt rào nổi lên não nuột. Người gái già coi bar thấy dáng điệu Nguyên có vẻ khác thường nên cũng không muốn nói gì chỉ lẳng lặng làm theo ý của chàng. Giọng nàng ca sĩ trong đĩa hát xoắn vào tim Nguyên. Đây những hình ảnh của Phượng. Như bao giờ, Nguyên lại nhớ đến Phượng hơn bao giờ hết. Hình ảnh Phượng hiện lên ở mỗi chiếc ghế bỏ không, mỗi bậc gạch, mỗi khung cửa. Chàng thấy yêu hơn. Bây giờ Phượng mới chính là của Nguyên. Khi nàng chết.

Dĩ vãng đầy tràn. Nguyên uống vào ly rượu đỏ quạch. Bóng Phượng nằm trong đó. Tiếng hát quận đi vút lên rồi tắt, chàng muốn nghe thêm một lần thứ hai. Người gái già lại lẳng lẽ làm theo ý Nguyên.

“Sao Phương lại bỏ anh?” “Anh cứ hỏi mãi, em định đi Nam Vang ít bữa” “Đáng lý hôm nay em phải ngồi cho anh vẽ một bức” “Em chịu thôi, em phải đi đàng này. Với tại trời sắp mưa rồi”. “Nó lại đi với nhân tình khác chứ gì”. Nguyên nghĩ thế. “Có lẽ nó đi Nam Vang cũng để thăm thằng nào bên đó chắc”. Chàng thấy mình vô lý một cách lạ kỳ, nhưng cảm thấy mình rất tỉnh táo. “Anh cứ hoạn em nhiều thế không sợ em đau tim chết sao. Anh biết em yếu tim đấy chứ”. “Sao nó không ngắt đi hay chết giữa lúc này thời hay biết bao”. Chàng chỉ bảo. “Mỗi lần yêu anh thấy một lần đau tim”. Có một cái gì quặn lại trong tâm can khi yêu Phương, nhớ đến Phương, thấy Phương không phải của chàng. Nghe bản nhạc này Nguyên cũng thấy lòng mình tê điếng đi. Như kim châm giữa trái tim.

Nguyên trả tiền đứng dậy bước ra. Dư âm của bài hát còn đuổi theo, đuổi theo chàng mãi không dứt. Nguyên muốn gần Phương. anh muốn tìm về gần Phương. Con đường chạy dài

ra, những chùm lá cây rũ nước đọng sau cơn gió nhẹ thổi, Nguyên thấy mệt mỏi, chán chường. Mệt vì đã sống trên cõi đời này với những trống trớn. Những gì tươi đẹp đến với chàng cũng để tắt đi không còn gì. Miệng đắng chát, Nguyên không muốn trèo lên xe đi về nhà mặc dầu chàng muốn gần Phượng. Chàng đã giết nàng nhưng điều đó chưa mang lại một đổi thay gì mà Nguyên mong mỏi. Một chiếc xe chạy vụt qua, nước bắn tung tóe, chàng thấy ghét cay đắng những người có ô-tô. Anh đi từng mong muốn có một cái ô-tô đi rong ruổi trong thành phố như trăm nghìn người khác, tìm quên trong cuộc sống chật vật hàng ngày những ước vọng rất tầm thường. Anh nhớ tới cặp mắt Phượng sáng lên mỗi lần nhìn thấy chiếc xe hơi choáng lộn đi qua. Chỉ trong một giây thôi chàng đã thấy niềm cay chua ở lên trong cổ họng. Nếu có ai mang xe đến đón Phượng đi chắc chắn nàng sẽ từ giả chàng một cách rất lạnh lùng để bước lên. Anh không trách vì thấy đó là sự dĩ nhiên nhưng anh nghĩ đến cái nhục của những kẻ sống để nhìn người khác sống hơn mình.

Phượng chết là phải. Nguyên vẫn thấy chàng có lý.

– Anh vẽ thế để làm gì? Mà cũng không đẹp. Ở đường La-Som có người vẽ giỏi, giống như hệt.

– Thế à? Tại của anh nó là nghệ thuật.

Phượng quay đầu không buồn nói. Nàng ngồi ở giường lấy tay hất hất mái tóc nhìn đi đâu. Nguyên xà đến hôn vào cổ rồi hôn lên miệng nàng mà bảo:

– Em tàn nhẫn lắm. Vậy anh giết em nhé.

Lúc bấy giờ Nguyên mới nảy ra ý giết Phượng. Ngón tay gân guốc của chàng đang mơn man bỗng khép lại chít lấy cái cổ trắng gầy yếu. Cái cổ trắng dựng trên bờ vai mà Nguyên rất yêu đó kêu ằng ặc dưới đốt tay chàng. Phượng cố đẩy ra, nhưng muộn rồi, móng tay nàng cào vào người Nguyên, toàn thân quằn đi như một con giun. Chàng dần dần thấy mình

lần đầu tiên tàn nhẫn một cách thảm nhiên như Phượng.

Nguyên mở khóa bước vào nhà đóng cửa lại. Ánh sáng chập choạng trong gian phòng khép kín. Chàng đi thẳng lại chỗ ngăn kéo lấy một lưỡi dao cạo nhỏ. “Sao? Mình định tự tử chắc”. Chàng cũng không hiểu sao đã tìm đến lưỡi dao mỏng xanh ánh thép. Chàng đến gần Phượng quỳ xuống bên cạnh nàng. Sờ tay vào mái tóc rối Nguyên thấy nàng còn nguyên vẹn. Chỉ còn chàng và Phượng. Và cũng thảm nhiên, lần đầu tiên Nguyên muốn không nghĩ chút gì cả. Đưa lưỡi dao cạo vào cổ tay chàng khía mạnh vào mạch máu rồi từ từ nằm xuống cạnh Phượng.

Máu rỉ ra chạy theo những ngón tay thòng xuống mặt đất hòa vào nước mưa thành một vũng lớn. Trong một lúc Nguyên lại bắt đầu nhớ cái sống. “Nếu có ai đến bây giờ thì mình sống”. Không hôm nay không có một người quen nào đến chơi với Nguyên giữa lúc này.

Chàng thấy một sự liêu lĩnh và vào bằng bước chân của chết.

Một con nhặng xanh đang đậu ở làn môi bầm tím của Phượng bằng vùng lên hay một vòng rồi sà xuống giữa cái mồm xám ngoét của Nguyên.

DUY THANH

**TRƯỜNG HỢP
FRANÇOISE SAGAN
HAY VẤN ĐỀ LUÂN LÝ
TRONG TIỂU THUYẾT**

HOÀNG THÁI LINH

NGUỒI ta có thể không đọc qua cuốn truyện nào của Françoise Sagan, mà vẫn biết Sagan là ai. Tiểu thuyết của cô đứng hàng đầu trước các hiệu sách. Tên cô xếp bằng chữ lớn trên các mặt báo, ảnh cô chen lẫn bên cạnh ảnh nữ hoàng Elisabeth hay một minh tinh màn bạc danh tiếng trên bìa các tạp chí tranh ảnh. Cô đã trở thành một “hiện tượng”. Quần chúng để ý như đình từng cử chỉ, hình động của cô. Cái tai nạn xe hơi trong một

chuyến đi cũng làm đầu đề cho những cuộc bàn tán sôi nổi...

Trước sức tấn công rầm rộ của quảng cáo, người “đứng đắn” không thích “a dua” cũng phải tự hỏi: “không biết cô nàng trẻ tuổi này làm thế nào để chiếm được danh dự, được thế giới biết đến và khâm phục”? Những tác phẩm của cô đã gây sự tò mò ngay cả nơi những người “đứng đắn” lãnh đạm với tiểu thuyết cũng phải muốn “coi xem sao” chứng tỏ sự thành công của quảng cáo và phê bình văn nghệ. Truyện đầu tiên “Bonjour Tristesse” (1954) bán tới 760.000 cuốn ở Pháp và 2 triệu ở Mỹ. Tập truyện thứ hai “Un certain sourire” (1956) đang bán đến con số 510.000 cuốn, và truyện thứ ba “Dans un mois, dans un an” (1957) bán 200.000 cuốn trong 8 ngày.

Sách bán chạy như thế một phần lớn nhờ quảng cáo và nhờ phê bình văn nghệ; nhưng không thể quả quyết là hoàn toàn nhờ quảng cáo. Cũng như tuyên truyền và quảng cáo đã

phổ biến nước Coca Cola khắp thế giới. Đã đành là nhờ quảng cáo nhưng không thể nói Coca Cola không mang đến một hương vị đặc biệt gì. Thiết tưởng những ai đã đọc ba quyển truyện của Françoise Sagan đều đồng ý với hội đồng phê bình văn chương gồm những nhà văn, nhà phê bình tên tuổi hay có chân trong hàn lâm viện như E. Herriot, G. Marcel, G. Bataille, Jean Grenier, Henri Clouard, Robert Kemp. Robert Kauters, Thierry Maulnier, Maurice Nadeau, Jean Paulhan v. v... đã tặng giải thưởng văn chương (Prix des critiques) năm 1954 cho cuốn *Bonjour Tristesse* về tài năng lỗi lạc của Sagan và giá trị nghệ thuật tiểu thuyết của cô.

Mới 18 tuổi, lần đầu tiên viết truyện, Sagan đã trưởng thành trong nghề viết văn. Cái lối văn đơn sơ đến trong suốt, giản dị nhưng hàm xúc, gợi cảm, ít lời mà thực nói rất nhiều... Sagan đã biết tả linh động một sự kiện, một tâm trạng bằng hai ba dòng trong khi người khác có lẽ phải kể lể hàng trang.

Cô Sagan đã thành công ở chỗ làm cho người nghe chuyện chỉ bị lôi cuốn về cốt chuyện, dường như chỉ để ý đến điều người kể mà quên hẳn cách kể. Phải là tài năng mới đạt tới chỗ sử dụng nghệ thuật mà như không cần nghệ thuật. Cô đã đi « thẳng vào vấn đề », không mảnh khoe, kỹ thuật trang điểm hoa hòe. Đó là một đặc điểm của tiểu thuyết Pháp hiện đại đồng thời cũng là một đặc điểm tâm tình thanh thiếu niên Pháp ngày nay. Biết bao độc giả thanh niên ca tụng Sagan vì đã tìm thấy mình trong tâm tình, giọng nói, lối sống của những nhân vật trong tiểu thuyết Sagan.

Nhưng những tâm tình và lối sống đó có luân lý không? Và nếu vô luân lý có nên phô diễn, trình bày với một nghệ thuật tài ba không?

Nhiều người đã kết án nghiêm khắc Sagan về phương diện luân lý, mặc dầu giá trị nghệ thuật của tác phẩm. Đó là một điều làm cho người ta thắc mắc: có thể căn cứ vào luân lý để xác định giá trị của một tác phẩm văn chương

không? Thế nào là một tiểu thuyết luân lý hay vô luân lý? Người ta nhận thấy vấn đề có thể đặt ra với một truyện Kiều chẳng hạn (Tôi đã nêu lên trong bài: Đặt lại vấn đề truyện Kiều đăng trong Tạp chí nghiên cứu Đại-Học, số 1 tháng 3-1958.). Nhưng với phần lớn tiểu thuyết Pháp hiện thời (Sartre, Camus, Simone de Beauvoir, Françoise Sagan) tính cách phi luân lý được bộc lộ một cách hầu như chủ ý. Thái độ đó bắt buộc người ta phải suy nghĩ và đi tìm một giải đáp cho vấn đề tương quan giữa luân lý và văn chương.

Bonjour Tristesse. – Mùa hè năm đó, Cécile 17 tuổi đi tắm bể với cha nàng và Elsa nhân tình của cha ở Saint-Tropez. Raymond ông bố, chạc 40, góa vợ là một người đàn ông biết quyền rũ đàn bà với những mối tình sáu tháng...

Mặc dầu thế, Cécile rất yêu quý và mến phục người cha có tấm lòng quảng đại, vui tính, nhẹ dạ, thích ăn chơi, giáo dục con gái bằng cách cho con tham dự vào cuộc đời đàn

điểm của mình trong các tiệm nhảy hay ở các quán rượu. Cho nên Cécile rất hợp tính cha và nàng coi việc đi tắm bể với một đôi nhân tình là một điều tự nhiên, không có gì là bất tiện cả. Tội gì mà từ chối... Cuộc đời dễ dãi, vô tư, êm đẹp: tắm nắng, khiêu vũ uống rượu, tập cho cha nhảy bebop, và tình tự với Cyril, anh chàng sinh viên trường luật ở nhà bên cạnh mà nàng mới được quen biết. . . Rồi một ngày, Anne bạn cũ của mẹ Cécile cũng đến nghỉ mát do lời mời của Raymond. Anne thuộc hạng đàn bà khác hẳn với Cécile, Elsa. Họ là những người nề nếp, nặng óc gia đình, thích ngăn nắp trật tự, lễ nghi, biết lo xa và rất mực đảm đang.

Những ngày đầu, gia đình giả tạo đó vẫn giữ được không khí vui tươi... nhưng rồi Cécile bắt đầu thấy khó chịu vì cái tính ngăn nắp của Anne, đồng thời một lúc Raymond cũng bắt đầu yêu Anne và hai người đã bàn chuyện lấy nhau... Cécile cô gái tinh quái biết cả, và nàng lo lắng nhận thấy cuộc đời dễ dãi, vô tư của hai người sắp tan vỡ để cả cha lẫn con sẽ

phải uốn mình vào khuôn khổ một đời sống nề nếp... Một hôm cả bọn đi Cannes chơi, nhảy và trong đám đông họ cố ý lạc nhau: Anne và Raymond ra tình tự ngoài vườn bỏ mặc Elsa và Cécile nhảy với một chàng Nam Mỹ say rượu. Cécile đi tìm và bắt gặp hai người. Elsa khóc nức nở, không về nữa; nàng trở lại cuộc đời giang hồ quán rượu của mình. Còn Anne từ nay nàng săn sóc cửa nhà như một bà nội trợ, và bởi nàng là con người nề nếp, nên nhất định « sửa sai » ông chồng tương lai và cô con gái, cho họ vào khuôn phép. Anne bắt gặp Cécile và Cyril trong rừng. Nàng cấm chỉ Cyril từ nay không được quyến rũ con gái chồng: « Tôi không muốn thấy mặt anh nữa ». Rồi nàng bắt Cécile học thi lại khóa hai, coi sóc sức khỏe và lời ăn tiếng nói của cô bé. Nhưng Cécile, cô gái sống không tôn chỉ, bây giờ trở nên độc ác. Nàng lập mưu phân ly Anne và Raymond bằng cách làm cho Raymond ghen tuông khi thấy Elsa, tình nhân cũ của mình điểm lệ trong tay một người khác. Người khác đó là ai? Chính là Cyril mà nàng đã bó buộc phải thi hành thủ

đoạn như điều kiện cần thiết để bảo vệ tình yêu của hai người. Cécile bày mưu cho Elsa và Cyrill đi thuyền với nhau và tình tự với nhau trong rừng rồi tổ chức đi tắm, đi chơi cho cha nàng bắt gặp.

Thế là Raymond lại thêm muốn người cũ và Cécile tạo dịp cho Cha gặp Elsa. Cá mắc câu và âm mưu thành công. Anne bắt gặp Elsa và Raymond. Bị phản bội, nàng hấp tấp chạy về, lên xe ra đi và chết vì tai nạn giữa đường. Rủi ro hay cố ý? Ai mà biết được...

Nhưng lòng ân hận cũng chỉ thoáng qua tâm hồn những kẻ vô tư. Rồi họ lại trở về nếp sống cũ. Cécile bỏ Cyril, yêu một người khác và qua hè năm sau, lại đi tắm bể với cha nàng bây giờ đã có một nhân tình mới... Nhưng dù sao Cécile đôi lúc không khỏi nghĩ đến Anne và trăn lòng khi gọi tên nàng: « Quelque chose monte alors en moi que j'accueille par son nom, les yeux fermés: Bonjour tristesse ».

Un Certain Sourire.— Đây cũng là một chuyện tự thuật của Dominique cũng như của Cécile trong « Bonjour Tristesse ». Dominique sinh viên, sống ở Ba Lê xa cha mẹ ở nhà quê. Nàng không có tiền, nhưng cần gì tiền vì bao giờ chỉ có bạn trai gái trả tiền cho nàng khi uống rượu, mua đồ, hút thuốc lá. Nàng đi học ở xóm La-tinh nhưng cần gì nghĩ đến thi cử. Cả ngày la cà ở các tiệm nháy hay nghe đĩa hát trong các quán rượu. Đi hết tiệm nọ sang tiệm kia xem có gặp ai trong bọn gần sáng mới về ngủ và quá trưa mới thức dậy. Dominique có một tình nhân, Bertrand, chàng sinh viên vô tư, không thích hứa hẹn, nhưng cũng không muốn thấy tình yêu bị san sẻ... Trái lại Dominique cũng không chịu được sự gò bó của một mối tình. Nàng muốn yêu tự do, cũng như sống tự do... Cho nên nàng luôn luôn phải bất mãn, đi tìm. Nàng không sướng cũng không khô, nhưng buồn (sennuie). Bertrand có một ông chú ruột. Luc, quảng bốn mươi, vui trẻ, thành thạo, khéo đối xử với đàn bà. Luc có bà vợ hiền, ngoan, rất độ lượng là Françoise. Françoise đem lòng

quý mến Dominique như cô em ruột. Thế là thành hai đôi lứa: gia đình Luc và Bertrand — Dominique.

Nhưng dần dần, Luc lôi cuốn được Dominique. Không phải Dominique ngây thơ mắc mưu đâu. Nàng thừa biết không thể liều thân hoàn toàn với Luc, đồng thời cũng không muốn đánh lừa Françoise, người « chị » đáng yêu, quảng đại và cũng không sợ có thể tuyệt giao với Bertrand, tình nhân của mình. Nàng theo Luc vì thích như thế. Còn Luc cũng không muốn phản bội Françoise vì Françoise vẫn đáng yêu, đáng phục. Luc « muốn » Dominique cũng vì thích như thế.

Cả hai đều ý thức rõ rệt như vậy và bắt đầu cuộc phiêu lưu ái ân của họ trong sự nhận định sáng suốt đó. Dominique và Luc đi Cannes trong khi Françoise về quê thăm nhà. Họ ở lại tám ngày rồi kéo dài thêm tám ngày nữa. Quá nửa cuốn truyện, Dominique kể lại một cách rõ ràng những thú vui của tắm nắng, giấc ngủ,

ái tình, say Whisky... trong cái « hững hờ của ngày tháng nhạt nhẽo trôi qua ». Thế rồi cuộc phiêu lưu chấm dứt, họ trở về Ba Lê. Dominique cũng bắt đầu buồn chán một cái gì dở dang, lười thôi khi thấy mình lại trở thành bạn người vợ của nhân tình mình. Dominique gặp lại Françoise và Françoise độ lượng tha thứ một cách thầm lặng cho cả hai người, coi như không có chuyện gì xảy ra. Nhưng thỉnh thoảng Dominique và Luc lại tìm cách gặp nhau để sống lại cuộc phiêu lưu của họ.

Câu chuyện kết thúc trong mỗi tình dở dang ngang trái đó, mỗi tình mà Dominique chấp nhận không thắc mắc, một cách sáng suốt. Ôi! sự sáng suốt của tuổi trẻ: « Nhưng nào, có gì. Tôi là người đàn bà yêu một người đàn ông. Đó chỉ là một vấn đề quá tầm thường, giản dị! việc gì phải nhăn nhó ».

Nàng thật « cứng rắn » đến nỗi có thể mỉm cười khi nghĩ đến sự thể nhỡ nhàng kia. “Ngày thứ mười lăm tôi tỉnh giấc và nghe tiếng nhạc

ở một máy thu thanh người lảng giềng phát ra. Đó là giọng nhạc Mozart, như bao giờ cũng gọi lên bình minh, cái chết và một nụ cười nào đó: « C'était un bel adante de Mozart, évoquant comme toujours l'aube, la mort, un certain sourire ».

Dans Un Mois, Dans Un An.– Cốt truyện cũng đơn giản ngắn ngủi như trong « Un certain sourire ». Khác một điều là không còn phải lối văn tự thuật ở ngôi thứ nhất nhưng là lối thuật chuyện của một người ngoài cuộc: « Bernard vào quán rượu » hay « người bồi đặt dây nói xuống » hay « nàng bồ ngỗ nhìn chàng và tự hỏi không biết hẳn làm gì thế ».

Những nhân vật trong truyện là một bọn bốn cô năm cậu. Họ là Jacques, Bernard, Edouard, Alain, Jolyet và Joséé, Nicole, Beatrice, Jacqueline... Thực khó mà phân biệt được họ. Họ đi đi, về về, ngủ chung chạ từng cặp, nhưng lại thay đổi luôn luôn, hoặc cố ý hay vô tình. Đây là Jacqueline, cô gái của các quán

rượu. Béatrice đẹp, mắt nâu nhưng tham lam, có thể chiếm đoạt cả « ba lão » trong bọn mà không gán bó với lão nào cả. Nicole nhỏ bé, có chồng, thường tủi tê vì không có con. Còn Josée, táo bạo, đang nằm ngủ với một lão (Un type), bốn giờ sáng có người kêu dậy nói. Lão đó nghe và người gọi chính là một lão khác, cũng tình nhân của Josée, gọi hỏi xem Josée có nhà không.

Tất cả cuốn chuyện 189 trang chỉ là những cuộc trao đổi ái tình vô tình hay hữu ý. Edouard yêu Béatrice nhưng bị nàng bỏ rơi; Josée yêu mà thực sự không yêu Jacques. Còn Bernard tuyệt vọng vì không chiếm được trái tim Béatrice, đi nghỉ ở Poltiers và gặp Joseé cũng muốn đi theo để: « đổi khí ».

Với những có những cậu này ngủ chung chạ với nhau chẳng có gì là quan hệ cũng như nốc một cốc Whisky hay hút điếu thuốc lá thôi. Và những mối tình của họ cũng chỉ kéo dài bằng một khoảnh khắc hút xong điếu thuốc hay tu

hết chén rượu, như chính Joseé đã thú nhận: « chừng một tháng, một năm, anh sẽ không còn yêu em nữa » (Dans un mois, dans un an tu ne m'aimerais plus).

Đây là những mẫu chuyện. Người ta cho rằng chúng ảnh hưởng tâm tình thanh thiếu niên Pháp hiện nay cũng như thanh niên Âu châu hay cả thế giới, tại sao không, nếu tất cả những thành phố trên thế giới đều có những tiệm nhảy, quán rượu, rạp chớp bóng giống nhau và tất cả thanh niên trên thế giới đều cùng nghe một thứ nhạc, yêu một thứ đào kép, nếm một thứ rượu ấy...

Tâm trạng đó là một tâm trạng lãnh đạm hoàn toàn với cái xấu cũng như cái tốt. Họ không còn ý thức gì về thế nào là tội lỗi. Đối với họ chẳng có gì quan trọng: học cũng như chơi, nghe nhạc hay nhảy múa. Chũ đúng nhất là: Phớt! Phớt tất cả, bất xét, mọi thứ lễ nghi, lễ lỗi, tập

quán của xã hội, người lớn. Hãy nghe Cécile nói: « Nàng (chỉ Anne con người đại diện cho trật tự lễ nghi) đứng mà nói với tôi và nhìn tôi làm cho tôi buồn chết được. Nàng là hạng đàn bà có thể nói năng, người đứng thẳng không cựa quậy, còn tôi, tôi cần phải dựa vào cái ghế hay một vật gì để cầm tay như điều thuốc lá và chân phải đưa đi đưa lại để nhìn nó đưa đi đưa lại. . .

Không lễ nghi, nghĩa là phải tự nhiên, có thể nào thì nói thế, muốn gì làm nấy không thắc mắc, suy tính. Dominique, kể: « Việc Luc đề nghị ngủ với anh ta tôi thấy là một điều rất tự nhiên ». Cũng như khi Luc mua cho Dominique một chiếc « manteau », Dominique coi đó là một điều rất tự nhiên, cần gì phải giữ ý tứ mặc dầu là có tình nhân bên cạnh. Cho nên Bertrand gắt: « Thật không thể tưởng tượng được. Bất cứ ai cho em bất cứ cái gì mà em cũng cứ nhận à! Nhất là em không lấy làm bỡ ngỡ sao? » (trang 28 – Un certain sourire).

Thật là ngây thơ đến tự nhiên, nhưng tự nhiên có ý thức, sáng suốt chứ không phải ngây thơ con nít; nghĩa là hiểu biết nhưng bất xét những hậu quả có thể xảy ra: « Vì sau cùng, khi người ta còn trẻ, trong cái trò gian lận lâu dài là cuộc đời này, không có gì đáng mong một cách tuyệt vọng hơn là sự dại dột (*imprudonce*). Tôi (*Dominique*) chẳng bao giờ quyết định. Bao giờ tôi cũng bị chọn. Tại sao tôi không để mặc... một lần nữa có hề gì? Có *Luc* duyên dáng, nổi buồn tẻ hàng ngày và những buổi chiều. Đi tìm hiểu làm gì vô ích! (*Un certain sourire* — trang 42)

Cuộc đời trở thành vô tư, không cần tính toán, lo toan cho ngày mai sẽ ra sao. « Tôi hiểu rằng vô tư là tình cảm độc nhất có thể hướng dẫn đời người và không cần tìm lý do để tự bào chữa ». (*Bonjour tristesse* — trang 75). Vô tư, những ngày tháng trôi qua trong quán rượu sặc mùi thuốc lá, vang dội nhạc Jazz. Đó là những phút thực nhất đáng kể nhất, vì thú vui là những khoảnh khắc đó. Tình yêu không

phải là cái gì « âu yếm, lâu dài, bền vững » như Anne nghĩ, nhưng là một chuỗi những cảm giác độc lập không cần liên lạc với nhau. Cé-cile nói: “Tôi nghĩ rằng tất cả những tình yêu của tôi đều như thế. Một xúc động đột ngột trước một khuôn mặt, một cử chỉ, hay vì một cái hôn. Những khoảnh khắc tràn đầy nhưng không liên lạc với nhau, đó là những kỷ niệm tôi nhớ được. » (Bonjour Tristesse — trang 47). Cũng như cha nàng không muốn công nhận tình yêu là cái gì trung thành, nghiêm trọng, bền phận vì cho là vô lý, vô ích, không đi đến đâu, nàng bảo: « Cái quan niệm đó quyến rũ tôi làm: những mối tình nhanh chóng, bạo tợn và tạm thời. Tôi không phải ở cái tuổi mà lòng trung tín có thể quyến rũ được. Về tình yêu tôi chỉ biết: những hẹn hò, những cái hôn, và những mệt mỏi. » (Bonjour Tristesse trang 21). Nhưng nếu chỉ là vấn đề yêu, tìm đời sống dễ dãi, những thú vui trong chốc lát, thì đã có gì lạ. Với những đứa con thời đại này, nét đặc điểm nhất bộc lộ tâm tình họ là sự sáng suốt trong cuộc sống đàng điếm đó. Họ không phải

những đứa trẻ ngây thơ đi tìm hạnh phúc một cách mù quáng để rồi than khóc khi phải chịu cái quả oan trái, những hành động dại dột của mình. Nhưng họ tinh lắm, biết hết cả, thẳng thắn hưởng thụ mà không tự lừa dối hay lừa dối người khác. Họ không thèm khóc đâu vì khóc có vẻ ủy mị, tình cảm làm cho họ buồn cười. Dominique biết rằng mình muốn hạnh phúc và bằng lòng chấp nhận từ trước những hậu quả sẽ xảy ra sau cuộc phiêu lưu ái ân với Luc. Cũng như Joseé thừa hiểu những mối tình mỏng mảnh của một tháng, một năm mà Sagan giải thích thêm: « Một mình nàng (chỉ Joseé) hiểu thế nào là thời gian », nghĩa là không ngây thơ tin vào cái gì có thể là vĩnh cửu, không hề thay đổi phai nhạt, trong khi người khác « như bị một thứ bản năng thúc đẩy, họ cố tin vào vĩnh cửu và vào sự có thể chấm dứt hoàn toàn được nỗi cô đơn của lòng họ ». Đặc biệt là những cô gái cũng tỏ ra không kém gì bạn trai; Họ không than khóc đâu; trái lại cũng biết liều, « phớt » một cách ý thức, sáng suốt như con trai. Họ là hạng « đàn bà cứng rắn ». Do-

minique đứng trước viễn ảnh một cuộc vui sắp chấm dứt, không hề tỏ ra ủy mị, yếu đuối. Và câu nói của Luc gồm tóm tắt cả cuốn truyện, đồng thời cái vẻ đặc biệt của người con gái hiện đại: « Em thật là một cô bé cứng rắn, vô liêm sỉ. Anh thích em ». (Tu es une vraie petite dure, cynique, tu me plais).

Đó là những thanh niên thối nát, trụy lạc, buồn tẻ, nhạt nhẽo, đàng điếm, vô luân lý... Nhiều nhà phê bình Pháp đã coi tiểu thuyết của Sagan là bôi nhọ người thiếu nữ Pháp và danh dự nước Pháp ở ngoại quốc. Nhưng thiết tưởng những hành động chính trị qua những lời tuyên bố của ông Thủ tướng này ông Bộ trưởng kia về Đông dương và Algérie chẳng hạn như « Bảo vệ quyền lợi nước Pháp ở Algérie là bảo vệ quyền lợi của thế giới tự do », qua những vụ biển thủ tày đình, những hỗn độn về kinh tế, bộ máy quốc gia còn vô liêm sỉ làm mất danh dự thực sự của nước Pháp ở ngoại quốc hơn là một văn sĩ chỉ kể lể cái có thực như một chứng nhân của thời đại mình. Những

nhà luân lý đó tưởng rằng cứ không nên nói ra là giải quyết xong vấn đề, thế là « yên lương tâm ».

Tôi nhận rằng những tiểu thuyết của Sagan là vô luân lý. Người đọc xong chuyện cảm thấy một cái gì buồn khi nhìn những tâm hồn mười bảy, mười tám đã cứng rắn, lãnh đạm, ích kỷ, không còn chút hương vị của một tuổi trẻ quảng đại, giàu nghị lực, lý tưởng... Nhưng chính chữ « vô luân lý » tôi vừa dùng làm cho tôi phải thận trọng và do đó thúc đẩy tôi đi tìm hiểu tại sao một tác phẩm lại « cố ý » vô luân lý như vậy?

Không phải chỉ có tiểu thuyết của Sagan có tính cách vô luân lý, người ta còn nhận thấy một ý định tương tự trong các tiêu thuyết của Sartre hay Simone de Beauvoile chẳng hạn. Tính cách vô luân lý đó hình như được đặt trên một cơ sở lý thuyết, một siêu hình học. Trong bài « Le

Homan et la Métaphysique » giới thiệu chuyện
 l'Invitée của Beauvoir (sens et non sens — trang
 51), M. Merleau Ponty, hiện nay giáo sư triết lý
 ở College de France, bàn đến sự tương quan
 mật thiết giữa triết lý và văn chương đồng thời
 chứng minh rằng một văn chương siêu hình
 (Tôi đã có dịp nói đến tình cách siêu hình của
 văn chương Pháp hiện đại như thế nào, trong
 bài « Văn chương và siêu hình học » Sáng Tạo
 số tháng 7-1957.) tất nhiên cũng sẽ là vô luân
 lý. D'autre part, une littérature métaphysique
 sera nécessairement, dans un certain sens, une
 littérature amoral. Car il n'y a plus de nature
 humaine sur laquelle on puisse se reposer. Dans
 chacune des conduites de l'homme, l'invasion
 de la métaphysique fait exploser ce qui n'était
 qu'une vieille coutume » (trang 50). Tại sao
 một văn chương phải là vô luân lý? Vì một lẽ
 rất giản dị là không có luân lý. Chữ luân lý đây
 chỉ thị một luân lý khách quan phổ quát gồm
 những tôn chỉ, nguyên tắc cũng khách quan,
 phổ quát, vô ngã (impersonnel) áp dụng cho
 mọi người ở mọi nơi, mọi lúc. Nền tảng luân

lý khách quan đó có thể là Thượng đế, Tạo hóa hay Xã hội. Một người có luân lý hay không có luân lý tùy theo người đó uốn mình vâng phục những qui tắc khách quan của luân lý phổ quát nghĩa là bó buộc dù trái với ý muốn, tự do của mình.

Sự từ chối một luân lý khách quan, đặt cơ sở trên một siêu hình học không công nhận con người có một bản tính. Nếu con người là một bản tính, bản tính đó cũng khách quan, phổ quát, tồn tại trước khi tôi sinh ra và sau khi tôi chết. Vậy ý nghĩa và cứu cánh con người đã được ấn định từ trước. Khi tôi sinh ra, có bản tính con người, tôi sẽ phải chấp nhận ý nghĩa và cứu cánh chung đó như ý nghĩa và cứu cánh đời tôi. Trái lại nếu không nhận có một bản tính (*nature humaine*) tức là công nhận đời tôi có trước bản tính, cuộc đời tạo ra bản tính. Bản tính không còn là một thực tại bất biến, im lìm, trước sau vẫn thế, nhưng là luôn luôn đang thành hình, đang được cấu tạo... Như thế con người chỉ có thể là tự do, tự do tạo cuộc

đời mình bằng hành động, nghĩa là phải tự tìm cho đời mình một ý nghĩa. Không có những nguyên tắc khách quan nào hướng dẫn việc tìm kiếm đó và mọi hành động của ta. Ta hoàn toàn làm chủ, trách nhiệm cuộc đời ta, không ai thay thế được. Mà bởi vì không ai trách nhiệm cuộc đời ta nên cũng không ai có quyền hướng dẫn, chi phối cuộc đời ta.

Vậy những chữ Bốn phận, Thiện Ác đều vô nghĩa vì chỉ là những danh từ trừu tượng. Người ta không gặp trong đời sống. Thiện Ác trừu tượng, nhưng cái này là tốt, cái kia xấu; cũng như không có vẻ đẹp khách quan, trừu tượng; ta chỉ thấy cái hoa này đẹp; bức họa kia đẹp; nghĩa là chỉ có những trường hợp, hoàn cảnh đặc biệt, độc nhất mà ta phải ở trong mới hiểu được: « Elle sait maintenant qu'il y a des situations incommunicables et qu'on ne peut comprendre qu'en les occupant » (sens et non sens trang 65). Nếu như thế, không thể phán đoán một hoàn cảnh bằng cách đứng ở ngoài đồng thời những tôn chỉ khách quan ta dựa

vào để phán đoán cũng trở nên vô giá trị.

Mỗi người hành động từ một vị trí, hoàn cảnh đặc biệt, và hành động đó đụng chạm đến vị trí người khác. Chính vị trí đó tôi cũng không hoàn toàn trách nhiệm: tại sao tôi lại sinh ra là người Việt Nam, là đàn ông, ở trong gia đình ấy, nơi ấy, chịu một nền giáo dục ấy... Tôi không hoàn toàn trách nhiệm những yếu tố quy định đời tôi; đồng thời khi tôi hành động, là hành động trong một hoàn cảnh, bị lệ thuộc một phần nào hoàn cảnh (vì tình thế, người khác như thế, nên tôi xử trí như vậy). Nhưng tôi cũng trách nhiệm hành động của tôi, vì tôi đã chọn và quyết định. Cho nên ai cũng có lỗi và ai cũng có thể vô tội, không thể xác định rõ ràng được phần trách nhiệm: « Il est impossible de faire le compte de ce qui revient à chacun dans le drame, d'évaluer des responsabilités, de donner une version vraie à l'histoire, de mettre en perspective les événements... Non seulement nous ne connaissons pas la vérité du drame, mais encore il n'y en a pas, pas d'envers

des choses où le vrai et le faux, le juste et l'injuste soient départagés. Nous sommes mêlés au monde et aux autres dans une confusion inextricable- (ibid. trang 71-72.)

« Il n'y pas d'innocence absolue et pour la même raison, pas de culpabilité absolue. Toute action répond à une situation du fait que nous n'avons pas entièrement choisie et dont, en ce sens, nous ne sommes pas absolument responsables. Est-ce-que la faute de Pierre et Françoise s'ils ont tous deux trente ans et Xavière vingt? Est-ce-que leur faute s'ils sont nés? Comment pourrions-nous jamais nous sentir absolument solidaires d'aucune de nos actions, même de celles que nous avons délibérément choisies, puisque au moins la nécessité d'un choix nous a été imposée du dehors et qu'on nous a jetés au monde sans nous consulter? La culpabilité générale et originelle dont le sort nous charge en nous faisant naître dans un certain temps, dans un certain milieu, avec un certain visage, conditionne et déborde toute culpabilité par-

ticulière, et si, quoi que nous fassions, nous ne pouvons jamais nous sentir justifiés, notre conduite ne devient elle pas indiffé- rente? Le monde est fait de telle sorte que nos actions changent de sens en sortant de nous et en se déployant au dehors-(Trang 75.)

Nếu những hành động của tôi chỉ mình tôi hiểu và người khác thường hiểu khác đi vì đứng ở ngoài; cũng như mối tình giữa hai người yêu nhau là cái gì đẹp, trong sạch, lại có thể chỉ là bùn nhơ bỉ ối với người khác ghen tuông; Số phận của tôi bao giờ cũng là bị người khác nhìn không như tôi muốn nhìn, vậy tôi có quyền coi phán đoán của họ không liên lạc gì đến tôi: Comme il en est toujours ainsi, com- me c'est pour nous un destin inévitable d'être vus autrement que nous nous voyons, nous avons à bon droit le sentiment que les accusations qui viennent du dehors ne nous concernent pas tout à fait, la contin- gence fondamentale de notre vie fait que nous nous sentons étrangers au procès que nous font les autres (Trang 76).

Trong viễn tượng từ chối luân lý khách quan, nguyên tắc phổ biến, những phán đoán luân lý đều vô nghĩa; và một văn chương nhằm mục đích thể hiện quan niệm siêu hình về cuộc đời như trên tất nhiên cũng nhằm chống lại những luân lý tự phụ là luân lý khách quan phổ quát. Nếu văn chương đó có tính chất vô luân lý, và một cách cố ý, là như phản đối lại những cái gì là hình thức, những nề nếp, lễ nghi giả tạo bề ngoài mà người ta vẫn cố giữ lấy vì bỏ buộc như thế. Cũng như những xã giao, những bài diễn văn, tuy không ai tin những lời nói hay đẹp trong đó, nhưng cũng cần phải nói thế, và cho là quan trọng. Cho nên những đứa trẻ của thời đại này chán ngán, phớt tắt, chẳng còn cho cái gì là quan trọng. Họ làm như họ nghĩ và nghĩ thế nào làm thế. Điều làm khó chịu các nhà đại diện luân lý, không phải chỉ vì các tác phẩm Sagan phơi bày những hành động trụy lạc, ngoại tình, dâm dăng, rượu chè v. v. nếu chỉ là thế, đã có gì lạ? Xã hội nào chẳng có những người ngoại tình, tuy bề ngoài vẫn có thể là ông nọ bà kia, những kẻ có tội. Nhưng

họ phạm tội mà không đảm bảo những nguyên tắc luân lý. Trái lại, điều người ta không thể chịu được trong tiểu thuyết Sagan, là thái độ phạm tội một cách ngây thơ đến tự nhiên của tuổi trẻ, cái tâm tính bất xét, không coi cái gì là quan trọng và nhất là « cứng rắn » như không hề biết ân hận tủ nhục.

Nhưng có thể quan niệm một thái độ tuyệt đối vô luân lý cũng như một văn chương tuyệt đối vô luân lý được không? Không thể được. Vì bất cứ một thái độ nào cũng bao hàm một ý hướng luân lý, dù là thái độ từ chối luân lý. Tôi chỉ từ chối một điều gì nhân danh một điều gì khác. Bất cứ sự từ chối nào cũng vẫn là một quả quyết. Khi tôi nói: « Tôi hoài nghi cả, tôi không tin có chân lý », có nghĩa là tôi tin rằng hoài nghi như thế là đúng và tôi có lý, nghĩa là tôi vẫn không tránh được tin tưởng, quả quyết, và tin tưởng quả quyết bằng cách căn cứ vào chân lý.

Cũng vậy, nếu tôi từ chối mọi luân lý, tôi cũng nhân danh một luân lý nào đó để từ chối. Tôi nói: « Có luân lý hơn nếu không sống theo luân lý nào khác nghĩa là ý hướng luân lý vẫn là nền tảng bao hàm trong mọi quả quyết hay phủ nhận về luân lý ».

Cho nên không thể có thái độ hoàn toàn vô luân lý theo nghĩa luân lý là ý hướng thiết yếu gắn liền với một hành động là hành động của con người.

Trong viễn tượng đó, khi văn chương hiện đại của Pháp, cố ý vô luân lý, không phải muốn xóa bỏ mọi luân lý nhưng là để chống lại với một thứ luân lý nào đó mà họ không công nhận và đề nghị một luân lý khác. Ý hướng luân lý đó có thể bộc lộ chẳng hạn trong ý chí muốn trung thành với chính mình, sáng suốt không giả dối, chân thực v. v. ...

Sự phân biệt luân lý thành hệ thống và ý hướng như thế có lẽ giúp ta nhận định một

cách thanh bình hơn vấn đề luân lý trong văn chương, và do đó một cuốn truyện rất có thể là vô luân lý nếu đứng trên phạm vi luân lý là hệ thống và luân lý nếu xét trên bình diện ý hướng luân lý. Dĩ nhiên sự phân biệt đó ở trong lãnh vực phê bình. Đứng trong công tác giáo dục, nguyên tắc lại khác. Ở đây sẽ là cảnh giác, đề phòng, ngăn ngừa, cấm đoán, không phải chỉ vì cái đó là xấu, nhưng nhất là vì khả năng chấp nhận, lãnh hội của độc giả. Đảng khác, cũng cần nhận định rằng không phải cấm đoán, che đậy, không cho nói là như đã thanh toán xong vấn đề, diệt được cái xấu và yên tâm! Những biện pháp đó mới chỉ là tiêu cực, đòi hỏi một sự bổ khuyết bằng những biện pháp tích cực căn cứ vào những phân tách hoàn cảnh xã hội, tâm tính những con người thời đại...

Sau cùng, nếu phải đưa ra một ý kiến về vấn đề luân lý trong tác phẩm của Françoise Sagan, tôi xin nói rằng: truyện của Sagan vô luân lý xét về phương diện luân lý hệ thống và có luân lý nếu xét theo ý hướng luân lý.

Một tác phẩm bao hàm ý hướng luân lý nếu trong cảnh nhớ bản, sa đọa của truy lạc còn để lộ một chút thắc mắc, một tình cảm ân hận, hay để rơi một vài giọt nước mắt. Khi buồn chán, đau khổ, bất mãn bắt đầu xâm nhập và bao phủ tâm hồn tội lỗi cũng là lúc luân lý bắt đầu nổi dậy, xuất hiện. Buồn sâu, thất vọng chưa phải là luân lý, nhưng là khởi điểm của luân lý: chào mi, hỡi buồn sâu — Bonjour Tristesse.

Khi Anne bị phản bội, hối hả chạy về, lên ô tô ra đi Cécile mới « hiểu ». Nhưng Anne đã lên xe rồi và dận ga.

« Anne đừng đi, hiểu nhầm đấy, lỗi tại tôi, tôi sẽ cắt nghĩa cho... Nhưng Anne không thềm nghe, không thềm nhìn tôi và cứ đi. . .

– Anne chúng tôi cần chị.

Nàng ngừng đầu lên rồi gục xuống, khóc nức nở. Bấy giờ tôi mới hiểu rằng tôi đã động đến một người sống và biết xúc động chứ không phải là một con số như tôi tưởng. Nàng cũng

đã là một cô gái bé, kín đáo, rồi là một thiếu nữ, và sau cùng là một người đàn bà. Nàng 40 tuổi, cô độc, yêu một người đàn ông và đã thâm ướm sung sướng với người đó mười năm hay có lẽ hai mươi năm... và tôi... ôi chao khuôn mặt kia... khuôn mặt kia là do tôi. Tôi kinh hoàng run rẩy tựa vào tường.

Nàng nói:

– Các người không cần ai cả, cả cô lẫn cha cô.

Máy nổ. Tôi thất vọng, nàng không thể đi như thế được:

– Chị tha thứ cho tôi, xin chị ...

– Tha thứ gì?

Nước mắt nàng lăn tròn trên má, mà hình như nàng không để ý tới, bất động nàng nói:

– Tội nghiệp cô bé của tôi.

Nàng để tay một lần thứ hai trên má tôi và đi. Tôi nhìn theo chiếc xe biến sau góc nhà. Tôi hoảng sợ... Mọi sự đã xảy ra nhanh quá! Và khuôn mặt của nàng, ôi khuôn mặt của nàng ...

Tôi nghe thấy tiếng chân đằng sau tôi: Cha tôi. Người vừa mới chùi sạch vết son do môi Elsa và chải xong những đốt là thông còn đâm vào quần áo. Tôi ngoảnh lại và chạy xô đến người: Khốn nạn! khốn nạn quá! Tôi nức nở khóc.

– Cái gì thế! Có phải Anne đã...? Cécile, Cécile...

Thế rồi hai cha con vào nhà, bản khoản không biết làm gì, Một lúc sau, Cécile nghĩ được một kế – Viết thư xin lỗi Anne và van nài Anne trở lại. Hay quá! Cả hai đều sung sướng như đôi trẻ sắp được quả, đi tìm bút mực, mỗi người viết một cái thư trong lòng tràn ngập hy vọng, mừng tượng đến cái bắt tay, lời tha thứ đầy ý nghĩa, âu yếm ở Ba lê... khả năng trở về...

Đó là những trang cảm động nhất kết thúc câu chuyện. Gấp sách lại, người đọc như còn giữ lấy một cái gì buồn buồn đượm một lòng yêu thương những con người... Và như thế, Sagan đã thành công, đã hoàn thành sứ mệnh đời đời của nhà văn, không phải là mô tả con người trong lý tưởng, nhưng là trong thân phận đích thực của nó là một vật yếu đuối, yên sống, đi tìm lẽ sống và sống bằng những kinh nghiệm đau đớn. Văn chương bao hàm tính chất nhân bản và nhân bản là gì nếu không phải là một tấm lòng yêu đương con người trong những khía cạnh thâm kín và yếu ớt nhất của nó.

HOÀNG THÁI LINH

H A N H P H U C

Mắt đọc từng trái tim

Ngủ nhà chung mộng

Ai vào thế kỷ đừng khen đóng

Cho tôi rời rã cả chân tìm

Thực tại mặt trời báo mộng

Tóc trắng già nua

Xe tang nghĩa địa đợi chờ

Chỉ em bé vượt công viên vào lửa sống

Em hát bài ca vừa học đồng thanh

132 | Sáng Tạo số 22 _ 7.1958

Sao sáng tạo mọc hiền lành

Nở vào mắt biếc đèn sơ sinh

Từng giọng nói dịu nhau từng giọng nói

Miệng nằm nôi chốn công trường nghe tiếng
gọi

Bệnh viện mừng khi thoáng đại lộ cười

Áo đùa sữa nắng lả lơi

Tình về trôi hết mồ côi

Đời lúa gạo

Đừng nói chuyện trần truồng không cơm áo

Vải trần gian làm báo chuyển yêu thương

Vũ trụ hồi sinh

Nhân loại niên hoa cần chỉnh choáng

Dĩ vãng cơn mê nào hốt hoảng
Cho tôi xin đừng ngao ngán chết linh hồn
Rượu say cốc người được cuộc
Các anh bảo từ lâu rồi đợi phúc
Quẩn quanh hoài chưa thấy mọc hoa đăng
Bây giờ điệu chảy xuôi băng
Chảy vào chung lộc tay đang
Nghe người tình thâm nhịp suối
Chúng tôi uống hôn nhau chưa kịp cười
Ở ngoài kia đại hội cũng vừa khai
Trở yếu đau xe đám mặt đường dài
Không ai muốn theo sau dù chuyển cuối
Mọi người đều mặc áo xuân

Không nhớ số cũng không cần nhỏ tuổi

Hôm nay thịnh vượng trở về đời

Người nghệ sĩ ôm đàn qua lâu đài sớm tối

Triển lãm anh em nào biết mỗi

Màu sắc nguy nga dàn mấy cõi

Thơ vào cuộc sống nổi ngàn tim

Máy thợ hồi âm thanh đánh ngã im lìm

Đừng do thành phố vui vô mục

Đồng quê thiên nhiên trâu thưởng thức

Hư vô hội lúa ghêu ngao

Chúng ta đổ ra đại dương

Mà hô đáp số

Ai ngoài bể cả tiếp yêu thương

Và cũng cười không thước độ

Phóng thanh từ Bắc xuống Nam phương

Gào nhớ tim nhau, đều một buổi

Sau hết nhớ tin này

Chúng ta dừng lại cơn say

Phát ngôn viên vừa yêu cầu im lặng

“Trái Hạnh Phúc mọi cửa buông nhập cảng”

Và tiếng cười vỡ theo không kịp thắng

MAI TRUNG TĨNH

CHIEU

Tôi đi trong chiều mù khơi

Cuộc đời đang đổ mới

Người ta vừa giết nhau

Như thú dữ tranh mồi

Có đôi nhân tình nhỏ

Lú lú bước đi quanh

Tôi nghĩ cuộc đời mình

Tôi nghĩ tôi bước nhanh

Chiều mờ sâu bóng tối

Mắt người yêu u buồn

Một hồi chuông nho nhỏ

Áo trắng bay mờ sương

Những người của ngày mai

Từng bừng rời lớp học

Tôi đi và ngày đi

Bỗng dưng lòng muốn khóc

VƯƠNG TÂN

HÌNH THỂ TRONG HỘI HỌA

THÁI TUẤN

TẤT cả mọi sự vật mà mắt chúng ta trông thấy được, đều có một hình thể. Làm công việc nghệ thuật hội họa, chúng ta thường mượn những hình thể của sự vật để diễn tả những thứ không có hình thể. Thị giác đảm đương việc thu nhận các hình thể của sự vật rồi truyền vào cho khối óc, cho tâm hồn nghệ sĩ. Vậy chúng ta thử theo dõi công việc thu nhận của thị giác đã diễn hành ra sao.

Thường thường chúng ta ai cũng tưởng rằng: thị giác chỉ đưa lại cho chúng ta có một hình ảnh; nhưng thực ra chúng ta vẫn thường nhận được những hai hình ảnh. Người bình

thường ai cũng có hai con mắt, mỗi con mắt đưa lại một hình ảnh hơi khác nhau. Thí dụ: trước mặt ta có một cái bàn. Con mắt bên phải của chúng ta sẽ đưa lại một hình ảnh của cái bàn nhìn ở phía bên phải; và con mắt phía bên trái đưa lại một hình ảnh của cái bàn ở phía bên trái. Nếu chúng ta chỉ lấy một trong hai hình ảnh đó (khi nhắm một mắt lại) thì chúng ta sẽ không quan niệm nổi vị trí trong không gian của cái bàn, và cũng vì thế mà ta không trông thấy bề nổi bề sâu của nó. Khối óc chúng ta, nhận lấy cả hai hình ảnh đó và xây dựng nên một hình ảnh thứ ba hoàn hảo hơn, vì ngoài cái hình thể bình diện, hình ảnh mới được tạo nên còn làm cho ta nhận thấy cái bề thứ ba là bề dày, là cái khối của sự vật, và sự tương quan của nó với quăng không gian bao bọc nó. Thị giác chỉ làm công việc phản chiếu lại sự vật, cho nên cái hình ảnh thô sơ, thuần khiết của lúc ban đầu đó là hình ảnh của thị giác. Đó là trường hợp những hình vẽ của thiếu nhi, những hình vẽ khác trên vách đá của loài người hồi nguyên thủy, hoặc là ở hình vẽ ở các pho tượng gỗ của

những dân tộc chưa hề tiếp xúc với nền văn minh.

Sau khi thu nhận cái hình ảnh của thị giác đem lại, trí óc chúng ta đem nó ra đối chiếu, so sánh với những hình ảnh khác, với kinh nghiệm hiểu biết mà trí nhớ chúng ta đã gom góp và ghi lại từ trước. Nhân đấy chúng ta nhận biết được sự vật. Hình ảnh thị giác vì vậy đã được khối óc, trí thông minh của chúng ta, biến đổi thành một hình ảnh của lý trí của nhận thức. Nó không còn giữ cái hình ảnh thô sơ đơn giản lúc ban đầu nữa. Đó là trường hợp của những bức hình vẽ dùng làm tài liệu giải thích, những bức truyền thần của thợ vẽ, những bức hình vẽ của những bài học vẽ, nói chung là tất cả cái hình vẽ không có cảm xúc. Hình ảnh của lý trí được tình cảm của chúng ta góp phần phê phán: hoặc là ưa thích, ghét bỏ hay sợ hãi v. v... Cộng thêm vào đó còn có ảnh hưởng của những trạng thái về tâm lý, hoặc sinh lý biến đổi tùy theo từng không gian hay thời gian. Và đó là hình ảnh của cảm xúc.

Cả ba thứ hình ảnh ấy, đều cần thiết cho việc sáng tác của nghệ sĩ, cũng như cho hết thảy mọi người. Nhưng, không phải vì vậy mà mọi người ai ai cũng đều nắm giữ được cả ba hình ảnh đó.

Con người khi còn ở thời kỳ nguyên thủy, những con người sống trong tình trạng xa cách nền văn minh, những con người ít kiến thức (như trẻ con). Thường quan sát sự vật bằng hình ảnh của thị giác nhiều hơn và thường hơn. Những người giàu tình cảm sống xa thực tế, những người có một năng lực trực giác bén nhạy, những người mà chúng ta thường gọi là mơ mộng; thường nhìn sự vật theo hình ảnh của cảm xúc, hoặc bằng hình ảnh của thị giác. Nhưng phần lớn, đa số trong chúng ta thường vẫn quen nhìn sự vật theo sự nhận thức, hiểu biết của chúng ta. Nghĩa là nhìn theo hình ảnh của lý trí vì vậy chúng ta nhìn sự vật một cách thực tế, nhìn theo phía hữu ích, thực dụng của mọi vật.

Theo sự nhận xét chung đó ở địa hạt nghệ thuật hội họa, nhiều quan niệm đã được đưa ra khác nhau nếu không nói là chống đối nhau.

Có những quan niệm cho rằng: sự vật mà nhìn theo cái hình ảnh của thị giác thì chỉ nắm được cái vẻ ngoài của sự vật, không đi sâu vào được trong lòng sự vật. Vì thế không thể tìm thấy được cái chân lý của sự vật. Họ chủ trương mổ xẻ phân tích sự vật, họ dùng phương pháp suy diễn đi từ phần bên trong đi ra. Họ đã kích cái nhìn của thị giác là quá thô sơ, hời hợt. Họ chê cái nhìn của cảm xúc là bóp méo bản chất, bản thể sự vật, là tô nhuộm sự vật. Con đường do họ vạch lối đã đi đến lập thể và đã bế tắc ở đó.

Quan niệm bảo vệ cho cái nhân của cảm xúc thì nhận định rằng: hình ảnh của lý trí nô lệ cho sự vật, là máy móc; mổ xẻ phân tích sự vật là hành hạ, là giết chết sự vật. Nhìn như vậy là nông cạn, là cái nhìn cận thị. Còn lối nhìn của thị giác họ cho là giả tạo, là “tủ kính

đóng khung” sự vật, cho nên họ đã mở một con đường thoát bằng siêu hình, bằng trừu tượng, bằng cách phá vỡ tan hoang hình thể sự vật để đi đến chỗ vô hình thể.

Khi trông thấy một trái cam, chúng ta biết ngay là một thứ trái cây, ngon ngọt. Nhìn về mặt thực dụng của nó, chúng ta nghĩ ngay đến chuyện dùng để ăn. Trông thấy nước là chúng ta nghĩ ngay chuyện dùng để uống. Và để tiện việc cho trí nhớ chúng ta gán ngay cho mỗi vật một màu sắc nhất định. Cho nên khi tưởng nghĩ đến trái cam là ta nghĩ đến màu vàng và hình tròn. Như thế là chúng ta giản dị hóa hình thể và màu sắc của trái cam để thành một hình tượng trưng.

Khi chúng ta đã có một định kiến về những sự vật quen thuộc như vậy, thì có trông nhìn sự vật chúng ta cũng chỉ nhìn qua, nhìn thoáng. Chúng ta có nhìn trái cam ở trước mặt ta, thường thường là chúng ta vẫn nhìn theo trái cam mà chúng ta hiểu biết và trí nhớ đã ghi lại

trong đầu. Vì thế chúng ta nhầm tưởng rằng mọi trái cam đều không khác gì nhau. Nhưng thật ra thì không bao giờ chúng ta có thể tìm thấy được hai trái cam giống y như nhau về hình thể.

Nếu chúng ta muốn tìm được cái hình thể đơn thuần nhất, đúng nhất của một trái cam, nghĩa là cái “nguyên hình” của nó, thì chúng ta phải tạm quên định kiến của chúng ta về những trái cam. Chúng ta phải trở về nghiên cứu lại cái nhìn của thị giác. Hình thể của sự vật nhìn theo hình ảnh của thị giác sẽ đơn thuần thanh khiết hơn. Vì như vậy nó đã được gạn lọc, tước bỏ khỏi những cái phần phức tạp, rườm rà không cần thiết cho việc sáng tác. Trái cam dưới cái chiều ánh sáng mới đó sẽ trần trụi nhưng không nghèo nàn. Lúc đó nó sẽ thuộc về thế giới hình thể của hội họa, nó là trái cam của hội họa. Tuy không ăn được, nhưng thật hơn mọi trái cam thật. Sự đơn sơ, thuần khiết của nó không đưa đến sự giản dị, nó không phải là những hình thể tượng trưng hay hình

thể ký hiệu; bởi vì nó nhận sự vuốt ve của cảm xúc, nhận sự hướng dẫn của trực giác.

Hình thể, dù chỉ là gợi ý, cũng không thể nào cố gắng hiển cho ta chân lý của sự vật. Chỉ có sự hiểu biết nông cạn về sự vật mới tưởng rằng hình thể tượng trưng xây dựng được sự thực, chân lý. Chúng ta không thể nắm được chân lý trong một thể tĩnh. Chúng ta sẽ bắt gặp chân lý trong cuộc chuyển hành không ngừng của nó trong dòng thời gian. Trong một tác phẩm hội họa, cái phần trừu tượng là tư tưởng, là cảm xúc và cái phần cụ thể là màu sắc, là đường nét, là hình thể. Hai phần đó không thể nào tách rời nhau trong một tác phẩm. Nói rằng hình thể, màu sắc trên bức họa chứa đựng tư tưởng thì không đúng hẳn. Màu sắc, hình thể trong tác phẩm là chỗ cho tư tưởng bám víu, là cái “mắc áo” cho tư tưởng. Tư tưởng ví như ánh sáng, ta chỉ trông thấy nó khi ta bám vào sự vật, sự vật ngăn giữ và phản chiếu nó lại. Chúng ta không tài nào nhìn thấy một luồng ánh sáng, dù là mạnh tới đâu, chiếu vào cõi không gian

vô hình. Một hạt bụi có thể giữ ánh sáng lại hơn cả một bầu trời vô tận. Khi ánh đèn trên sân khấu vừa bật sáng thì mọi người reo lên: “Ồ, ánh sáng đẹp quá”. Người ta chú ý đến ánh sáng nhiều hơn là đến đồ đạc bày biện trong một cảnh trên sân khấu. Nhưng khi ánh đèn được chiếu sáng trong một căn phòng thì ít khi người ta để ý đến ánh sáng, mà chỉ lưu ý đến căn phòng, đến đồ vật. Bởi vì nó là phòng thật và đồ đạc thật.

Cũng vậy, nếu trong một bức họa hình thể được tô chuốt quá khéo léo cầu kỳ như thật là bắt chước cho đúng sự vật, làm giả sự vật, đánh lừa con mắt người thưởng ngoạn tức là chúng ta giới thiệu sự vật bằng chính sự vật. Hình thể trong một bức họa sẽ trở nên vô nghĩa nếu nó tách rời khỏi phần nội dung để tự đứng một mình, riêng rẽ.

Nó không thể như cô đào hát trẻ, trong khi phải đóng vai bà lão già mà cứ muốn làm đóm, như vậy là nó tự tiêu hủy vai trò. Vì chính cái

đẹp của nó ở rong khuôn khổ vỡ kịch, ở trong khuôn khổ bà lão, chứ không phải ở trong hình ảnh của một cô gái dậy thì. Trái lại tư tưởng mà đứng đơn độc không có hình thể để mà bám víu thì cũng chỉ là tư tưởng suông. Tư tưởng suông chưa phải là tác phẩm, vì thiếu hình thể, và, vì thiếu hành động. Một tác phẩm hội họa phải gồm cả phần suy tưởng lẫn phần hành động. Hành động là cái phần của người thợ, nhưng cũng là cái phần của nghệ sĩ. Chúng ta sáng tác một tác phẩm hội họa là chúng ta suy tưởng bằng khối óc của người nghệ sĩ, và hành động bằng công việc và bàn tay của người thợ. Chúng ta không thể chối cãi được trong một tác phẩm hội họa có cả phần sáng tạo lẫn phần chế tạo. Đứng ở hiện tại chúng ta không thể nào có một ý niệm, một sự hiểu biết trước rõ ràng về một tác phẩm ở tương lai. Khi họa sĩ chưa bắt tay vào việc làm bằng hành động thì tư tưởng, ý định chỉ hoạt động ở một quãng trống không, tưởng tượng thì bao giờ cũng vẫn là đẹp, nhưng lại hết sức mơ hồ. Chỉ khi nào

họa sĩ đã vẽ được nét bút đầu tiên, đã bôi một mảng màu căn bản, lúc ấy tư tưởng và tưởng tượng mới bám vào đấy nương theo đấy mà thành hình. Màu sắc sẽ kêu gọi nhau, đường nét sẽ kêu gọi nhau, âm thanh sẽ kêu gọi nhau, vần điệu sẽ kêu gọi nhau, cứ như vậy cho đến khi hoàn thành xong tác phẩm.

Một tác phẩm lại là ngẫu phát ngẫu sinh, không hề định trước. Nhưng không phải vì vậy mà không có sự lựa chọn. Ở địa hạt thi ca cũng vậy, những vần những chữ sẽ kêu gọi nhau. Thi sĩ làm sao biết trước được rằng: trong bài thơ mình sắp làm sẽ có bao nhiêu là chữ bao nhiêu là vần. Trong trường sáng tác có khi những cái mình đã làm xong còn đẹp hơn, thành công hơn, vượt hơn cả những cái mình đã định làm. Có thể nói là bất ngờ, là ngẫu hứng nhưng đồng thời nó cũng là kết quả của một sự biết lựa chọn. Cũng vì có ấy mà những bức tranh “chép lại” không còn có giá trị của nguyên bản, vì ở trường hợp ấy, mọi hành động, mọi cử chỉ

của kẻ sao chép đã bị đo lường, đóng khung trong một hành động máy móc, nghĩa là không có tự do.

Tác phẩm nghệ thuật là kết quả của sáng tạo vì vậy nó gạt bỏ mọi tính toán, mọi xếp đặt sẵn. Và nếu sự bất ngờ sự ngẫu phát được công nhận tức là chúng ta không chối bỏ cái phần của trực giác.

THÁI TUẤN

SÁCH ƯỚC

DOÃN QUỐC SỸ

I.

TÔI GẶP CHA MẸ

Tôi gục mặt xuống trang sử Hồng Bàng thấp thoáng những tên cổ kính: Thần Nông, Đế Minh, Ngũ Lĩnh, Lộc Tục, Long Nữ. . . Trang sách bỗng mở rộng thành khung cảnh rộng lớn có núi rừng và biển, rồi một vị tiên ông, một vị tiên bà xuất hiện.

* * *

Vị tiên ông đẹp lắm, dáng người cao, lưỡng quyền cao, mắt sáng, lông mày sát mắt. Hình như ngài chính là cha tôi thì phải: đức Lạc Long Quân. Tiên bà đẹp không kém da trắng, mặt tròn, dáng đi thanh thản. Hình như ngài chính là mẹ tôi thì phải: thần nữ Âu Cơ.

Vị tiên ông từ trên thuyền bước xuống. Thuyền bề ngang hẹp nhưng dài, mũi và đuôi thuyền được hóa trung thành đầu chim và đuôi chim. Những thuyền khác theo hầu tiên ông cùng một dáng như thế nhưng nhỏ hơn. Thuyền nào thuyền nấy chật ních những người mặc áo có trang sức bằng lông chim, người nào cũng hao hao giống tiên ông nghĩa là dáng người cao, lưỡng quyền cao, mắt sáng, lông mày sát mắt.

Tiên bà đăng vân từ trên núi xuống, xung quanh có rất nhiều thị tì. Hai vị gặp nhau cúi đầu thi lễ, thân mặt đẩy mà nghiêm kính đấy. Tôi tiến lại cúi lạy rồi thưa:

– Thừa cha mẹ con vẫn biết dân tộc ta và cả nhân loại nữa chẳng bao giờ bị tiêu diệt nhưng chẳng hay cha mẹ có thể ban cho con cuốn Sách Ước?

Tiền ông vỗ vai tôi rồi nói, giọng trầm ấm:

– Con ơi, ánh sáng của thế kỷ chiếu sáng cả từng kẽ lá của rừng cây, từng khe sâu của dòng suối, đã từ lâu tiên và người cách biệt con dùng Sách Ước sao được?

Tiền bà thương tôi lắm thì phải, người nhìn tôi suy nghĩ giây lâu rồi nói:

– Để ta giúp con!

Người tiến tới cúi xuống thổi vào đầu tôi. Người thổi nhẹ mà mớ tóc tôi tung lên, đồng thời tôi cảm thấy một làn gió nóng như tự lò ánh sáng mặt trời lửa tới bùng bùng thấm dần vào não. Tôi thoát hoảng sợ và nhắm nghiền mắt. Tiếng mẹ tôi êm dịu rút vào tai:

– Khi con ước điều gì, con phải nhắm mắt lại, như vậy còn sẽ thấy rõ hơn.

* * *

Tôi mở mắt bàng hoàng không cho đó là giấc mơ mà chỉ tự hỏi: chẳng biết mẹ tôi cùng đoàn thị tì, cha tôi cùng đoàn thủy thủ đã cùng đi với nhau ra khơi, cùng đi với nhau lên núi hay mỗi người một ngả?

II.

TRUYỆN MỘT Đám BIỂU TÌNH

Trên màn ảnh thời sự quốc tế khi đó xuất hiện một đám biểu tình đủ cả nam phụ lão ấu. Họ đứng xếp hàng hai bên lề đường người nào người này hai tay cầm hai lá cờ, một quốc kỳ nước họ, một quốc kỳ nước bạn: họ chờ đón một vị thượng khách chủ tịch nước láng giềng sang thăm. Bỗng đám người xôn xao. Sự xôn

xao chuyển theo chiều dài của hai dòng đám đông hai bên là đường như hai luồng gió vờn nhau song song trên ruộng mạ, đồng thời có tiếng hô “Muôn năm!” từ xa vẳng lại. Tiếng hô lớn dần... Các cán bộ cổ động xuất hiện khắp nơi nơi, tay giơ lên giật xuống như máy làm nhịp cho miêng hô... Rồi đoàn công xa xuất hiện vây kín lấy chiếc xe thượng khách như một nhà tù lưu động cố ý che kín lấy chân trời.

Tiếng mẹ tôi vừng vằng bên tai:

– Khi con ước điều gì con phải nhắm mắt lại, như vậy con sẽ thấy rõ hơn.

Tôi nhắm mắt lại giữa tiếng ồn ào của dân chúng.

* * *

Quả nhiên tôi thấy rõ. Khuôn mặt các em học sinh tươi lắm. Các em chả được nghỉ học mà. Đám phụ nữ thì vui buồn lẫn lộn, người vui vì được dịp gặp tình nhân, kẻ buồn vì e

nắng râm má hồng. Đám người thôn dã hầu hết vẻ mặt buồn như bị mất cặp.

Một dải sông xuất hiện, dải sông cuộn cuộn chênh vênh ngăn hai cánh đồng thẳng tắp. Đám người thôn dã nối đuôi nhau nhảy bổ xuống đồng tít tít kẻ cấy người cấy cho kịp ngày mùa. Có những đôi trai gái thành thị – và cả thôn quê nữa đưa nhau ra bờ sông hoặc đi tha thẩn trên bãi cỏ, hoặc tìm đến ngồi dưới bóng cây. Có cặp nhân tình sổ sàng hơn lột quần áo nhau: khỏa thân.

Tôi bụng bảo dạ: Họ yêu nhau chân tình, chẳng sao!

* * *

Tiếng ồn ào vừa dứt, tôi mở mắt ra, màn ảnh bắt đầu thuật sang một trận túc cầu quốc tế. Các cầu thủ vút qua đi, vút qua lại chặn bóng, đón bóng, tranh bóng. Hơn mười vạn khán giả ngồi vây quanh nô nức chân tình. Tôi mở to

đôi mắt theo rồi họ mà thấy lòng hào hứng lây.

Ở rạp chiếu bóng về, bóng chiều đổ xuống. Ánh sáng biêng biếc của mấy vì sao chẳng an ủi nổi nỗi lòng trống trải của tôi trong một buổi chiều tàn tạ. Không cả bật đèn lên nữa, tôi những muốn để mặc mình tan chìm trong bóng tối hiu quạnh.

Có tiếng chân rộn rã mà dịu dàng. Cánh cửa khép hờ bỗng mở tung, mấy ngôi sao trên khoảng không bùng sáng như cốt để soi rõ khuôn mặt của người con gái hiền thực mà tôi yêu.

III.

PHONG TRÀO ÁI TRÍ ÁI ĐỨC

Người con gái hiền thực mà tôi yêu vừa xuất hiện! Nàng đến gặp tôi chừng hai phút, trao cho tôi một cuốn sách nhỏ rồi nói:

– Anh yêu quý, đây là hy vọng của chúng

ta về Người. Anh đọc ngay nhé, bao thác mắc đẳng cay sẽ tan biến hết.

Rồi nàng vội vã đi thẳng,

Khóa trái cửa lại, đến nằm trên nệm nhỏ,
tôi mở cuốn sách “Hy vọng về Người”.

Đó là tập báo cáo có rất nhiều tranh ảnh về thành tích hoạt động của Phong Trào Ái Trí Ái Đức. Trụ sở Phong Trào là một dinh thự trên núi, nhìn xuống một cái hồ rộng nước trong xanh và bao quát cả một vùng phong cảnh tuyệt mỹ. Dinh thự này nguyên trước là một khách sạn có cái tên kiêu kỳ: “Khách sạn Đế Vương” vì chỉ những bậc đế vương hoặc ngang hàng với đế vương mới dám đến nghỉ mát tại đó. Khách sạn bị suy sụp ngay từ cuộc đại chiến thứ nhất, rồi bị cướp bóc khi bắt đầu cuộc đại chiến thứ hai. Sau đó chiến tranh tiếp diễn ngày một ác liệt dân tị nạn ở khắp các nước kéo nhau lại trú ngụ — xin nhớ, đây là một nước trung lập — tới lúc chiến tranh kết liễu họ kéo nhau về xứ thì

Khách sạn Đế Vương chỉ còn là một cảnh hoang phế tương tự một tiểu Đế Thiên Đế Thích.

Một vị bác học sở tại xin được chánh phủ giao cho ông khách sạn Đế Vương để ông quét dọn, sửa sang lập một thế giới đại đồng làm gương cho thế giới đang lọc lừa, phản bội làm le chém giết nhau.

Đó chính là trụ sở Phong Trào Ái Trí Ái Đức. Cho tới nay Phong Trào đã hoạt động được hơn mười năm và đã gây được cơ sở Ái Trí Ái Đức tại hầu khắp các địa điểm trọng yếu của thế giới trừ các nước trong Khối Bức Màn Sắt.

Hãy theo dõi vài nét đại quan một buổi sinh hoạt hằng năm tại trụ sở ta sẽ ý niệm được giáo lý của phong trào.

Bạn là hội viên – da vàng, da trắng hay da đen – vừa bước chân tới địa hạt trụ sở đã có một thanh niên nở nụ cười chào đón chạy lại xách va-li và chúc mấy câu bằng những thứ tiếng

phổ thông nhất thế giới. Các “tiếp đãi viên” này đều đã tốt nghiệp ở trường Bách Khoa Quốc tế, nhiều người nói được mười thứ tiếng. Hơn nữa hội viên của Phong trào gồm đủ các giống người nên việc thông ngôn hầu như không thành vấn đề.

Buổi đầu bác sĩ chủ tịch lên diễn đàn tường trình về các cuộc tiếp xúc của bác sĩ với những nơi Phong Trào sửa soạn đặt cơ sở đầu tiên. Từ buổi họp thứ hai phải đoàn các nước hội viên hay các đoàn thể hội viên báo cáo sự hoạt động và sự tiến triển của chi hội.

Hội viên của Phong Trào không những gồm đủ các giống người còn gồm đủ các tầng lớp: Đây bác Georges một thợ mỏ người Pháp cũng như bác Zenzashaku người thợ đúc Nhật, cũng như bác Rowsky người phu bến tàu Đức đều thấy rõ ràng mọi người phải sát cánh nhau mà làm việc trong thân ái. Giai cấp đấu tranh chỉ đưa nhân loại đến chỗ tự vẫn. Đây ông William chủ nhân một nhà máy sản xuất phi cơ

dân sự lớn nhất nhì thế giới ở một xứ Bắc Mỹ. Tâm trạng của ông cũng như tâm trạng ông B... vua kim cương, ông L... vua dầu lửa... các ông đều thấy rằng tiền tài không đem lại hạnh phúc và tất cả đã gia nhập Phong Trào Ái Trí Ái Đức.

Từ lúc đàm luận đến lúc dùng bữa hoặc ngoài giờ hội nghị rủ nhau tụm năm tụm ba đi tản mạn đây đó, lúc nào tập đoàn này cũng có vẻ như anh chị em một nhà.

Có tới sáu chục người lo về bếp nước trong đó có ba sinh viên Ai Cập, một công chúa Áo, một giáo sư đại học Bỉ, một chủ nhà băng Mỹ... Không có ai chỉ huy trong bếp cũng như không có ai điều khiển trong các công việc khác. Nhưng ai cũng làm và dành lấy công việc làm. Phong trào Ái Trí Ái Đức là một lý tưởng hơn là một tôn giáo, một lý tưởng sống động để cải tạo thế giới. Khẩu hiệu chính yếu của Phong Trào là:

— Trong sạch triệt để, vô tư triệt để, ái nhân triệt để.

Sau đây là một vài khẩu hiệu khác được in bằng đủ các thứ tiếng trong các tập kỷ yếu của Phong Trào:

— Chủ nghĩa duy vật kỹ nghệ và tư bản kỹ nghệ đã phá sản. Tất cả nền móng kinh tế của thế giới phải thay đổi. Nhưng phải thay đổi tâm trạng cá nhân trước đã mới xây dựng được nền kinh tế mới.

— Đừng hát “Quốc tế ca” bằng lời! Hãy hát “Quốc tế ca” linh động hơn bằng việc làm!

— Muốn làm cách mạng trong nhà máy, trong xứ sở, trong thế giới, ta phải cách mạng ta trước đã!

IV.

TRUYỆN MỘT ÔNG HOÀNG GIÁC NGỘ

Vẫn trong cuốn sách nhỏ “Hy vọng về người” có thuật lại câu chuyện khá cảm động

về một ông Hoàng giác ngộ, một ông Hoàng miền Trung Đông.

Đầu năm 195... ông Hoàng này được vị Quốc trưởng nước lớn nọ trân trọng gửi thông điệp mời qua thăm nước ông ta. Ông Hoàng nhận lời. Đó là một cuộc thăm viếng có tính cách xã giao để tỏ tình thân thiện giữa hai quốc gia. Ông Hoàng được tiếp đón vô cùng trọng thể. Chính vị quốc trưởng nước lớn đích thân ra tận phi trường nghênh đón. Hai mươi một phát đại bác chào mừng. Duyệt binh lớn, có cả phi cơ phản lực bay thành hàng trên không.

Suốt trong mấy ngày ông Hoàng được đưa đi xem hết xưởng máy này, trại nông nghiệp nọ, nơi nào ông cũng nhận thấy dân chúng nơi đây vừa lễ độ vừa hiên ngang, giữ trọn được nhân cách. Ông Hoàng tự so sánh thăm trong trí cảnh các quần thần nước ông bất tài, nịnh hót: cảnh mỗi khi ông đi đâu, tiền hô hậu ủng, dân chúng phải dạt sang hai bên vệ đường. Ông tự thú đã dùng đủ mọi cách để gây cho

mọi người ấn tượng ông là một vị thiên tử khác người thường mặc dầu ông thường xuyên nhận thấy rằng ông cũng ăn, cũng ngủ, cũng có vợ con, cũng có nhu cầu bài tiết, nghĩa là cũng tầm thường – nếu đó là tầm thường – như bất cứ một người nào. Rồi trong một giây phút xúc động kỳ lạ ông Hoàng thấy tất cả những nghi lễ mà người ta đã bày ra để tiếp rước ông nơi đây đều nhiễm tính chất khô hài và biến thành một lời mỉa mai tuy vô hình mà rất cụ thể.

Ông Hoàng tự đặt câu hỏi: – Vì sao mình được tiếp đón trọng vọng thế? – Vì mình là vua một nước lớn chẳng? – Không, nước mình có chừng hơn năm triệu dân thì lớn gì! – Vì nước mình có kỹ nghệ lớn chẳng? Không, dân mình còn hoàn toàn ở tình trạng thủ công nghiệp! – Vì dân mình có nhiều thanh niên xuất ngoại học đã thành tài chẳng? Không, thanh niên hoàn toàn sống trong cảnh cá chậu chim lồng, chỉ có một ít hạng con ông cháu cha được quyền ưu tiên xuất ngoại, nhưng họ ra khỏi nước để ăn chơi nhiều hơn để học.

Cuộc tiếp đón long trọng rõ ràng chỉ còn là một thủ đoạn chính trị như muôn ngàn thủ đoạn khác ở cõi đời thuộc kỷ nguyên giả dối này. Nhưng ông Hoàng không hề mếch lòng, ông chỉ xấu hổ với chính ông, với chính danh vọng của ông, xấu hổ vì cũng là hàng lãnh tụ mà người kia đã làm cho nước giàu mạnh dân hiền ngang, còn mình thì cha truyền con nối cố sức kìm hãm dân trong bùn đen u mê để dễ bề điều khiển mà vợ lấy kim ngân châu báu về chất đụn đầy kho. Đến lúc đó ông Hoàng Trung Đông mới thấy rõ rằng giá trị người lãnh đạo không phải ở chính cái giàu sang bản thân mà ở chỗ có gây được nếp sống tự do hạnh phúc cho dân? Điều an ủi linh diệu đã đến với ông: trong dịp viễn du đó ông được gặp bác sĩ chủ tịch Phong Trào Ái Trí Ái Đức. Ông đã khóc vừa vì sầu hận vừa vì vui sướng để xin gia nhập Phong Trào.

Về nước, ông lập tức hủy mọi hình thức làm giảm nhân cách. Thay vào những khẩu hiệu hèn kém ông cho ghi khắp nơi câu nói

sau này của một vị thánh nhân Đông phương (Krishna Chaitanya):

“Hãy biết tự hạ hơn ngọn cỏ tầm thường, kiên nhẫn hơn một khúc gỗ, không đòi hỏi ai kính trọng mình mà mình thì kính trọng hết thầy chúng sinh!”

Ngày nay nội dung bài kinh nhật tụng của ông trích ở những lời hùng tráng chói lọi của một vị thành nhân khác (Vive-Kananda) do chính tay ông kính cẩn chép lên trang giấy:

Sức mạnh tinh thần là điều tối yếu cho đạo đức.

Phải làm sống lại sức mạnh tinh thần!

Tin tưởng, tin tưởng trong lòng là

Hãy biết tin tưởng ở chính nơi ta, đó là đôi cánh để ta bay bổng!

Trước hết phải mạnh!

*Và sức mạnh chỉ có thể phát triển đến cùng độ
nếu ta biết đem phụng sự chân lý. Chân lý muôn
đời! Chân lý bao trùm vũ trụ!*

Chúng ta phải hiểu rằng:

Trong những người yếu kẻ mạnh,

Trong những kẻ thế lực hay khốn cùng,

Trong tất cả mọi người

Trong mỗi chúng ta,

*Có một nguồn nghị lực vô tận có thể giúp ta
những khả năng lớn lao vô cùng để thành cao
cả, vĩ đại, hoàn thiện!*

Chân lý là trong sạch!

Chân lý là sức mạnh!

Chân lý là ánh sáng!

Chân lý là nguồn nghị lực.

*Phải hùng tráng, dũng cảm, đầy tin tưởng và
thành thực đến xương tủy!*

*Cần một trăm người như thế chúng ta sẽ cách
mệnh thế giới!*

Ý chí mạnh hơn vũ trụ!

Mọi thứ đều lui trước ý chí!

Vì ý chí là chân lý

*Một ý chí thành thực, mạnh mẽ, muốn gì cũng
được.*

Lời kinh nhật tụng nhọn sắc như một mũi dao rách khoét ung nhọt yếu hèn đồng thời cũng là thuốc rửa những máu mủ hôi thối, rịt lành vết thương, chỗ vừa bị khoét bỏ ung nhọt. Ông Hoàng đã hoàn toàn đồng hóa với đồng bào, đồng loại để nhận thấy rằng đồng loại có tự do ông mới tự do, đồng loại có hạnh phúc ông mới hạnh phúc, đồng loại có nhân cách ông mới còn nhân cách.

Chỉ có vậy!

Chân lý là sức mạnh, là trong sạch!

Chân lý là ánh sáng, là nguồn nghị lực.

Phải hùng tráng, dũng cảm, đầy tin tưởng và thành thực đến xương tủy để cách mệnh thế giới.

Ý chí mạnh hơn vũ trụ!

Ý chí là chân lý 1

Một ý chí trong sạch, thành thực, mạnh mẽ muốn gì cũng được!

V.

TRUYỆN MỘT NGƯỜI ĐI TRONG HÀO QUANG

Tôi nằm ruỗi thẳng chân, ngửa mặt nhìn trần yên lặng, cuốn sách đã gấp để lên ngực và tiếng người yêu còn vẳng bên tai: « Anh yêu

quý, đây là hy vọng của chúng ta về Người. Anh đọc ngay nhé, bao thắc mắc đắng cay sẽ tan biến hết ».

Bao thắc mắc đắng cay quả đã tan biến hết thật! Tôi nằm yên lặng như vậy lâu lắm thì phải. Tôi ôn lại những điều vừa đọc. Có ngờ đâu chính những điều chúng tôi hằng mong ước, những điều chúng tôi cho rằng ở giai đoạn hiện tại chỉ có thì gặp trong giấc mộng, vậy mà giấc mộng « ái trí ái đức » đã thực hiện từ hơn mười năm nay và trong màn đêm đầy đặc của đục vọng đê hèn, tia lửa nhân đạo đó đã lốm đốm sáng tại nhiều nơi trên trái đất.

Tôi bỗng tối sầm mặt mũi và lạnh toát người. Trời ơi, còn lũ lưu manh! Phải, lũ lưu manh đầy rẫy khắp nơi đó, chúng từng được huấn luyện cực kỳ chu đáo trong trường phản bội, chúng vừa học tập phản bội vừa thực hành phản bội, vừa rút ngay những kinh nghiệm sốt dẻo trên trường phản bội thực tế để có thể tiếp tục phản bội một cách tích cực, mềm dẻo hoàn

bị hơn, thì Phong Trào Ái Trí Ái Đức, niềm hy vọng, ánh sáng cứu tinh của nhân loại làm sao khỏi bị lũ lưu manh phản bội xâm nhập như chúng đã từng xâm nhập để làm ruồng nát hầu hết các tập thể quốc tế?

Tôi nhắm mắt lại cầu cứu Mẹ.

* * *

Trước mắt tôi hiện ra một tên lưu manh. Nó vạch quần tiểu tiện vào một cái bát lớn rồi bung lên mũi người. Nó lắc đầu đổ vội bát nước tiểu xuống đất.

Một tên lưu manh khác tiểu tiện vào một cái chum đầy nước rồi cũng vục bát mức nước đưa lên mũi người để rồi cũng lắc đầu hất nộ bắt nước xuống đất.

Một tên lưu manh thứ ba xuất hiện đứng trên thành một cái bể xây khá lớn đầy nước. Nó cũng vạch quần tiểu tiện xuống bể nước rồi cũng vục một gáo nước lên. Rút cục nó cũng

không dám uống và hất vội gạo nước xuống đất.

Bỗng xuất hiện một dòng sông menh mông, phải chú mục kỹ lắm mới nhìn thấy vệt hằn mờ mờ của bờ bên kia. Trời đất sao mà dịu hiền không một tiếng động nhỏ nào khác ngoại trừ tiếng dạt dào như vỗ về như an ủi của dòng sông. Một điểm ánh sáng xuất hiện từ xa títt rồi gợn tỏa thành những đợt sóng ánh sáng... phút chốc cả vũ trụ chan hòa ánh sáng: dòng sông một màu xanh biếc, nước trong nhìn thấy đáy. Ba tên lưu manh nhảy ủa xuống tắm. Thôi thì tha hồ chúng vùng vẫy. Tôi thấy chúng vừa tiểu tiện vừa bơi một cách thanh thơi, miệng chúng hôn đớp từng đợt sóng mà không hề tỏ vẻ nghi ngại.

* * *

Tôi mở mắt ra, mỉm cười, thầm cảm ơn Mẹ. Tôi nghĩ đến Tể Thiên Đại Thánh trong Tây Du đã tung mây đạp gió vượt muôn dặm để tiểu

tiện xuống một nơi hoang địa có năm ngọn núi lớn. Khi quay trở về trình diện với đức Phật, Tể Thiên Đại Thánh thấy rằng mình vẫn chưa hề ra khỏi bàn tay Phật vì mùi nước đái khỉ còn khai lòng đau đây. Có thể sức mạnh của lên lưu manh đập đổ tường đồng nhưng chúng sẽ mất đà khi đập vào không khí mát rượi thênh thang của Thiên Nhiên.

Phong Trào Ái Trí Ái Đức hoạt động với khẩu hiệu: “Trong sạch triệt để, vô tư triệt để, ái nhân triệt để” thì tụi lưu manh dù có xâm nhập vào nhất định chúng cũng sẽ thất bại như Tể Thiên Đại Thánh muốn vượt khỏi phép Phật, như kẻ hành hung đập vào không khí, như ba tên côn đồ tiểu tiện xuống dòng sông. Tôi mở cuốn sách tìm bức hình nhà bác học chủ tịch Phong Trào Ái Trí Ái Đức.

Tôi nhắm mắt lại...

Bác sĩ hiện ra trước mắt cất bước rất nhẹ nhàng và đi trong hào quang. Không một gợn bẩn chạm vào người!

VI.

BÌNH MINH CỦA NHÂN LOẠI

Phong Trào Ái Trí Ái Đức tuyên bố đã kết thúc giai đoạn một: gây cơ sở và bắt đầu giai đoạn hai: hoạt động thiết thực hơn.

Phong Trào Ái Trí Ái Đức thống trách các cường quốc có thừa sức làm một cái máy khoan cao bằng tháp Eiffel ở Ba Lê để chở ra giữa biển mà khoan giếng dầu nhưng tuyệt nhiên họ không hề giúp các nước hậu tiến lập một nhà máy nhỏ sản xuất các vật dụng cần yếu hàng ngày. Phong Trào Ái Trí Ái Đức nêu gương máy nước nhỏ quyết « thắt lưng buộc bụng » gây dựng dần lấy nền kỹ nghệ của mình không chịu để cho uy lực kinh tế một cường quốc nào đóng đinh mình ở địa vị ăn mày. Phong Trào nhận thấy rằng sau đại chiến thứ hai các

đế quốc tuy không còn vụ nào chiếm đất đai nhưng vẫn bám lấy quyền chi phối kinh tế.

Các nước lạc hậu về kỹ nghệ, nặng tự ty mặc cảm mù quáng chỉ biết suy tôn văn minh vật chất là vì vậy. Các cường quốc lạc hậu về tư tưởng còn dám sỗ sàng chủ trương chia rẽ chủng tộc cũng là vì vậy. Nhân loại còn hèn kém, tội lỗi chính là vì vậy.

Để chữa tận căn bệnh đó Phong Trào Ái trí Ái Đức đặc biệt chú trọng thực hiện chương trình « bình đẳng hóa và đồng đẳng hóa kỹ nghệ thế giới. Các hội viên tư bản – đã hiểu hạnh phúc không ở chỗ khuê khuê sử dụng tiền bạc và nhà máy cho quyền lợi riêng mình – các hội viên bác học — đã hiểu hạnh phúc không ở chỗ đem khối óc vĩ đại của mình phục vụ cho lũ ích kỷ – họ cùng nêu cao khẩu hiệu: « Tài trí chúng ta phải như nước chảy chỗ trũng (chỗ trũng đây ý nói những nơi nhân loại còn hậu tiến để thực hiện chương trình bình đẳng hóa

và đồng đẳng hóa kỹ nghệ thế giới trong một thời gian kỷ lục! »

Và họ đã thực hiện như lời. Một số các nước hậu tiến có đủ điều kiện thuận tiện đã được Phong Trào tận lực giúp đỡ gây được cơ sở tự túc về các ngành kỹ nghệ chính yếu: ăn, mặc, ở, giao thông... Tất cả những nhà máy lớn khác của mọi ngành đại kỹ nghệ do Phong Trào lập nên đều dùng làm nơi thực tập cho các kỹ sư, công nhân của tất cả các nước.

Mọi thái độ ỷ lại ươn hèn đều làm chậm bước tiến của nhân loại tới lý tưởng tự do, bình đẳng! Vì vậy tuy Phong Trào không hề làm nhục nước nào – điều đó là lẽ dĩ nhiên – nhưng Phong Trào hết sức khuyến khích các nước nên biết tránh lòng khi dùng những đồ nhập cảng mà tự xét nước mình không hề góp vào đấy một phần lao lực hoặc lao tâm nào; như vậy có khác chi một kẻ mù được dạy cho biết lái một phi cơ tối tân, chỉ việc nhấn các nút là phi cơ tự động lên, tự động xuống, hoặc tự động sửa

chữa lấy phương hướng. Kẻ đó đã điều khiển cho phi cơ bay đi, bay đến đúng đường và đúng giờ đấy nhưng điều đó cũng không cấm được hẳn... vẫn mù như thường!

Và cứ như vậy với khẩu hiệu: “trong sạch triệt để, vô tư triệt để, ái nhân triệt để”, công việc của Phong Trào Ái Trí Ái Đức tiến triển thật là mau lẹ.

Trong khi xúc tiến việc mở nhiều chi nhánh bách khoa khắp nơi, Phong Trào vẫn cấp học bổng cho sinh viên các nước hậu tiến tới theo học tại trường Bách Khoa Quốc tế, mở ngay tại trụ sở “Khách Sạn Đế Vương”.

Tại những nước nhược tiểu còn ấu trĩ theo đòi độc tài đảng trị thường xảy ra hiện trạng như sau: Cấp lãnh đạo dìm những sinh viên hiếu học ngoài đảng, chỉ cử đi những sinh viên đảng viên những mong sau này khi thành tài trở về họ sẽ nắm giữ những cơ quan trọng yếu để phục vụ đảng. Nhưng trong thời gian theo

học các sinh viên đó đã được nhuần thấm tinh thần “trong sạch triệt để, vô tư triệt để, ái nhân triệt để” để tới khi tốt nghiệp ra họ đều trở thành những giáo sư gương mẫu, những cán bộ đặc lực của Phong Trào. Họ ra khỏi đảng cũ mà họ gọi đùa là cái “cũi nhân cách” bởi họ biết ở trên cõi đời này chỉ có một đảng duy nhất: Đảng Nhân Loại mà bất cứ kẻ nào “trong sạch triệt để, vô tư triệt để, ái nhân triệt để” đều mặc nhiên là đảng viên.

Chẳng ai cần phải tìm thủ đoạn lợi dụng họ. Bất cứ việc gì giúp ích cho dân tộc, có lợi cho nhân loại là họ lẳng lặng tận tâm tận lực làm. Thái độ trong sạch, vô tư đó thu hút được sự cộng tác của biết bao nhân tài vẫn ẩn mình trong bóng tối từ xưa. Vô hình chung khối người này hầu như kết hợp thành một đảng: đảng của những người không đảng “trong sạch triệt để, vô tư triệt để, ái nhân triệt để”! Họ đẹp như mây trời chẳng cần có hình dáng gì mà vẫn đẹp. Vì cùng khao khát hướng về một mục

đích cao đẹp nên tuy không hẹn kết hợp mà họ kết hợp như keo sơn.

Rồi có những người vào bậc chỉ hieu chỉ nghĩa, họ nhận thấy việc ngồi trong “cũi nhân cách” làm như bản đạo hieu đạo nghĩa của họ. Họ ra đảng! Có những người vào bậc chí nhân, chí dũng, họ vào đảng với thiện chí kết hợp lực lượng mà phục vụ dân tộc, phục vụ nhân loại đặc lực hơn, nhưng hoặc họ hết tin tưởng vào những lời hoa mỹ không thực hành, hoặc họ thấy rằng nếu thênh thang đứng ngoài, gương chỉ nhân, chỉ dũng của họ càng muôn phần sáng tỏ: Họ ra khỏi “cũi nhân cách”!

Những lời tự nhủ như vang lên tự bốn phương trời:

– Tâm hồn ta thênh thang tội gì mà nhốt nó vào cũi!

– Nhỡn giới ta thênh thang tội gì mà nhìn qua khe cũi!

– Ta giữ sao trọn vẹn được niềm cảm hứng thênh thang để xây dựng những gì cao đẹp trường cửu cho nhân loại khi ngẩng qua khe cũi còn thấy cái đưng quần của tên đảng trưởng!

Lẽ cố nhiên, thái độ đó thoát gặp nhiều khó dễ. Tại một nước nhược tiểu kia nhà cầm quyền cho gọi một người trong những người không đảng tời và gián tiếp thống trách thái độ họ là cố ý chống đối đường lối của đảng nắm chính quyền.

Người được mời tời đáp lại:

– Người ta không thể xây dựng hoặc đã phá một lý tưởng bằng danh từ luận thuyết suông! Cuộc đời đẹp ở chỗ mỗi người hành động một cách riêng để phụng sự lý tưởng Chân, Thiện, Mỹ. Nếu người thành lập đảng và những người gia nhập đảng đều giữ tinh thần vô tư, trong sạch thì đạo đức vẫn nảy nở trong tâm hồn và chúng ta vẫn tiến về một hướng. Lời nói không

chứng minh cho việc làm, trái lại việc làm luôn luôn phải chứng minh cho lời nói!

Câu trả lời nóng hổi như dòng máu khỏe và đại lượng tự tim phát ra mong hồi sinh cho kẻ khác. Kết quả “đảng của những người không đảng” ngày một bành trướng để rồi đưa đến kết quả thứ hai, “hệ luận” của kết quả thứ nhất: đã có vài nơi các lãnh tụ độc tài cũng biến thành những chiến sĩ của tự do, bác ái lúc nào không biết. Mọi khuynh hướng đàn áp dân chúng, bóp nghẹt dư luận ở họ thoát biến đi như... bãi nước tiểu biến đi trong dòng sông dạt dào, trong mát. Lúc đó họ mới hiểu rằng chỉ khi nào “trong sạch triệt để, vô tư triệt để, ái nhân triệt để” người ta mới tin tưởng thật sự, can đảm thật sự, và yên ổn thật sự. Chỉ khi nào “trong sạch triệt để, vô tư triệt để, ái nhân triệt để” người ta mới thoát được mọi mặc cảm để sống quên tuổi, râu tóc có bạc phơ mà tâm hồn vẫn cường tráng. Tới khi đó mỗi lời nói, mỗi việc làm, nhất cử nhất động đều là những sáng tác cao khiết mọi hành động còn đồ muốn làm

nhờ bản những sáng tác tuyệt vời đó đều thất bại như những kẻ ngu dại muốn dùng sào để cời mặt trời, dùng gạch để ném mặt trăng.

Mỗi lãnh tụ giác ngộ đều thốt lời tâm sự, những lời nóng hổi như dòng máu khỏe và đại lượng tự tim phát ra mong hồi sinh cho kẻ khác. Dưới đây là một vài lời bằng được thể gian nhắc nhở:

– Trước lời kết tội sấm sét của công luận, lời ngụy biện gấm hoa để tự bào chữa chỉ là tiếng kêu ngọng ngịu của côn trùng.

– Người ta biết chịu khó vực bùn hôi thối để thông cống rãnh, sao người ta không biết chịu khó vực bùn tội lỗi ở chính tâm hồn mình?

– Trên đời cả một thứ kẻ bán thì mất, người mua thì không được: đó là linh hồn! Bán linh hồn lấy giàu sang danh vọng: linh hồn mất! Nhưng linh hồn của kẻ coi rẻ linh hồn đâu còn là linh hồn nữa?

Phong Trào Ái Trí Ái Đức đã mở một lối thoát cho tư tưởng nhân loại, đã gây một nếp sống khôn ngoan và nhất là đã đào tạo một cơ sở vững chắc — vững chắc và có căn bản trên vô tư và chân thành — để sự khôn ngoan được đã phát triển cả về chiều sâu lẫn chiều rộng.

Phong Trào Ái Trí Ái Đức đã chứng tỏ bằng hành động: con người vẫn là người!

Phong Trào Ái Trí Ái Đức đã giữ cho con người vẫn xứng đáng đứng đầu muôn vật.

Với Phong Trào Ái Trí Ái Đức người bất diệt và cao quý như thần tiên!

VII.

SUỐI ÁNH SÁNG NGŨ SẮC

Ấy thế mà, thưa các bạn, không phải là Phong Trào Ái Trí Ái Đức không gặp trở ngại

– Có! Trở ngại đó là những “bức màn sắt kép”. Tại sao gọi là “màn sắt kép”. Nguyên do như thế này:

Cả hai khối — khối duy vật kỹ nghệ và khối tư bản kỹ nghệ — gồm một số đế quốc lạc hậu — đều thấy rằng nếu Phong Trào Ái Trí Ái Đức bành trướng mạnh thì rồi chính các cường quốc của hai khối phải xông vào vòng chiến để tự giải quyết mâu thuẫn, chứ không thể tìm thế bắt bí nhau bằng cách dùng các nhược tiểu quốc làm quân cờ thí như xưa nữa.

Đúng ra về phía tư bản kỹ nghệ còn một khối nhỏ gồm một số quốc gia chủ trương phân chia chủng tộc: đó là khối “Chủng tộc kỹ nghệ” như lời các nước khác thường gọi riều. Các lãnh tụ khối này cũng cảm thấy nguy cơ: nếu Phong Trào Ái Trí Ái Đức bành trướng, các tiểu nhược quốc tự túc được về mọi ngành kỹ nghệ hòa bình để cao nhân phẩm thì họ còn làm sao giữ vững được ưu thế mà kỳ thị chủng tộc?

Vậy thời nói tóm lại ngoài khu hoạt động của Phong Trào Ái Trí Ái Đức thế giới phân chia làm ba khối — (mỗi khối lẽ cố nhiên gồm một nước lớn lãnh đạo, cùng nhiều nước nhỏ ở địa vị chư hầu):

- Khối duy vật kỹ nghệ.
- Khối tư bản kỹ nghệ.
- Khối chủng tộc kỹ nghệ.

Ba khối này — như trên đã nói — thiết lập những bức màn sắt kép. Gọi là những “bức màn sắt kép”, vì chúng có hai tác dụng: thứ nhất ba phe ngăn ngừa lẫn nhau; thứ hai cả ba phe cùng ngăn ngừa những ảnh hưởng của Phong Trào Ái Trí Ái Đức có thể lọt vào.

Riêng về phe duy vật kỹ nghệ họ thường xuyên bắt dân chúng học tập bài thuyết trình do Trung Ương Đảng bộ khởi thảo, nội dung đại ý tố cáo Phong Trào Ái Trí Ái Đức là “chiến

thuật bùa mê của một hệ thống triết học để quốc tư bản phản động mới”.

Trong các cuộc vui công cộng, các cuộc hội họp bất kể lớn nhỏ ngoài việc theo thủ tục: đứng dậy chào ảnh lãnh tụ, hát đảng ca, hát ngợi công ơn lãnh tụ, họ còn phải hát thêm một bài lăng mạ Phong Trào Ái Trí Ái Đức, thứ “chiến thuật bùa mê của một hệ thống triết học để quốc tư bản phản động mới”.

Tuy vẫn rất thận trọng ngăn ngừa ảnh hưởng nhau nhưng thỉnh thoảng để gây thêm uy tín cho mình, vợ chồng lãnh tụ phe Duy vật kỹ nghệ lại mời hai cặp vợ chồng phe Tư bản kỹ nghệ và phe Chúng tộc kỹ nghệ sang nước mình, rồi tổ chức những cuộc mít tinh khổng lồ để họ cùng lần lượt lên diễn đàn “xác định lập trường yêu chuộng hòa bình, tôn trọng nhân phẩm, tôn trọng tự do ...” Việc “xác định” và “tôn trọng” đó được quay phim và thu thanh để sau đó thường xuyên nhắc đi nhắc lại trên các luồng sóng điện truyền thanh, truyền hình.

Tại những nước chư hầu của từng khối, các cặp vợ chồng lãnh tụ nhỏ cũng bắt chước đánh điện mời nhau đến dự các cuộc mít tinh để chúng cũng lần lượt lên diễn đàn xác định lập trường yêu chuộng hòa bình, tôn trọng nhân phẩm, tôn trọng tự do... Việc “xác định” và “tôn trọng” đó cũng được quay phim, thu thanh... Phải công nhận nhiều khi những cuộc mít tinh tại các nước chư hầu duy vật lại đông đúc hơn những cuộc mít tinh tại chính quốc. Điều này cũng dễ hiểu: tại chính quốc vì điều kiện tân tiến của kỹ nghệ, vì điều kiện thể diện với nhau nữa, nên dân chúng nơi này tương đối ít bị bó buộc triệt để. Dân chúng thế giới quen đặt cho những cặp vợ chồng của từng khối đó một tên chung:

- Khối duy vật kỹ nghệ: Cặp lưu manh.
- Khối tư bản kỹ nghệ: Cặp xảo quyệt.
- Khối chủng tộc kỹ nghệ: Cặp bất nhân.

Một ngày kia vô tình vắn nút vô tuyến

truyền hình tôi thấy ba cặp vợ chồng lãnh tụ nước nhỏ đương sửa soạn ra mắt trước đám mít tinh đông tới ngót chục vạn người. Hai cặp xảo quyệt và bất nhân là những cặp vợ chồng già, duy cặp lưu manh là chồng già vợ trẻ.

Mụ lưu manh có tiếng là hoa khôi, nhưng sinh vào một gia đình vô giáo dục nên nhan sắc đó, khi còn là gái tơ, đã ong qua bướm lại khá nhiều. Những người kém nhan sắc thì ghen với nhan sắc của mụ, những người đoan trang thì khinh mụ đã thối, bởi vậy mụ hầu như không có chị em bạn. Mụ cần gì! Cốt đàn ông yêu mụ là được! Thời còn ở chính thể cũ mẹ chài được một tên bộ trưởng hiếu sắc. Để trả thù miệng tiếng thế gian và để che dấu mặc cảm tội lỗi mụ bèn đứng lên đỡ đầu và làm hội trưởng danh dự “Hội bảo vệ trinh tiết phụ nữ”, hằng năm đến ngày kỷ niệm thành lập hội, mụ đăng đàn diễn thuyết. Khi chính thể cũ đổ, chính thể duy vật cướp được chính quyền, mụ bằng lòng làm vợ tên chủ tịch già, xấu, cục cằn, thô lỗ ... (nhưng theo lời hấn nói thì hấn thuộc giai cấp chính

thống cách mạng?). Mụ chẳng cần biết hấn có cách mạng hay không, mụ thừa biết đặt mụ bên hấn cũng như đặt bông hồng hàm tiếu bên con ốc bể xù xì nhưng cốt hấn cung phụng đủ cho mụ tiếp tục đời sống sa hoa cũ là được. Với sắc đẹp ấy, với quyền thế ấy quanh mụ thiếu gì giai tử!

Cứ trông và nghe cách đi đứng, ăn nói của mụ thì ai cũng bảo hiếm có người đàn bà vừa hợm vừa ngu đến như thế, song xét ở một phía khác mụ cũng khá thông minh. Bằng chứng là chỉ ăn ở với ông chồng mới chừng mấy tháng mụ đã sử dụng được hầu hết những danh từ cách mạng của chồng.

Với chính thể duy vật vấn đề trình tiến đấu có hệ trọng, nhưng vì nể mụ cũng có, muốn che mắt thế gian cũng có, chồng mụ vẫn để nguyên không bắt “Hội bảo vệ trình tiến” phải giải tán. Hàng năm, đến ngày kỷ niệm thành lập hội, mụ vẫn đăng đàn diễn thuyết để được dịp sử dụng các danh từ cách mạng của chồng.

Mụ diễn thuyết xong, thính giả vỗ tay.

Xin tiếp tục câu chuyện: khi vô tình vắn nút vô tuyến truyền hình tôi thấy cặp vợ chồng lưu manh chư hầu đó cùng hai cặp xảo quyết và bất nhân — (cũng chư hầu, lẽ cố nhiên) — đang sửa soạn đăng đàn diễn thuyết trước một đám đông ngót chục vạn người.

Vẫn những cử chỉ huênh hoang quen thuộc của chúng.

Vẫn những lời quen thuộc của chúng:

– Xác định lập trường yêu chuộng hòa bình, tôn trọng tự do, tôn trọng nhân phẩm. . .

Tôi nhắm mắt lại. . .

* * *

Đám dân chúng mít tinh biến hết. Ba cặp lãnh tụ đứng trên diễn đàn bỗng ngơ ngác rồi xôn xao. Lãnh tụ lưu manh nhăn bộ mặt da

thiết bì, nhếch mép để lộ chiếc răng nanh bịt vàng rồi thốt lên:

– Ô hay, quân chúng biến đi đằng đếch nào rồi!

Lãnh tụ bắt nhân mặt phì nộn, mắt trắng dã, hấn hét lên:

– Chúng là quân khốn kiếp! Hãy hạ lệnh cho binh lính nã đại bác, lia liên thanh vào những chỗ nào khả nghi có chủng lẫn.

Lãnh tụ xảo quyết vẻ mặt điềm tĩnh lạnh lùng nhưng trong mắt luôn luôn đưa đẩy, kín đáo quan sát hết người này sang người khác, giây lâu hấn mới nói:

– Đồng ý, phải cấp tốc ra lệnh binh tinh hành động ngay cho lũ khốn khiếp đó sớm tỉnh ngộ.

Nhưng binh lính cũng là dân chúng nên binh lính cũng đã biến hết tự bao giờ. Các lãnh

tụ dùng ống nhòm soi mói về các ngả tìm “lũ khốn kiếp”. Vô hiệu quả, chỉ thấy trời đất một màu.

Lãnh tụ lưu manh lắc đầu quây quây:

– Dân chúng biến hết mình còn làm được cái đếch gì nữa.

Mụ vợ lưu manh lên tiếng phê bình:

– Người gì mà ăn nói thô bỉ. Vô chính trị!

Tức thì lãnh tụ lưu manh trừng mắt:

– Này cầm mõm đi, đồ ngu! Còn dân chúng mới nói đến đường lối chính trị, dân chúng biến đi rồi thì đường lối chính trị với ai. Đồ ngu!

Bị chạm tự ái trước quan khách, mụ vợ bèn đáp lại lời chồng một câu khá chanh chua. Lãnh tụ lưu manh quay ngoắt lại quắc mắt nhìn thẳng vào mặt vợ nói như quát:

– Mì dựa vào ta vô giáo dục với dân chúng thì được, nhưng không bao giờ mi được phép vô giáo dục với chính ta nghe không.

Mụ vợ có thể tức thì nói sẽ lại chồng một câu thật đau đớn mà chỉ dùng nguyên những chữ trong câu chồng vừa nói, nhưng linh tính đàn bà nhủ mụ hay không nên đi quá phạm vi trong lúc có những tia máu đỏ bốc lửa trong mắt chồng. Mụ định tìm lời đấu dịu thì may sao lãnh tụ bất nhân đã tiến lại gạt đi:

– Thôi mà, hai ông bà cự nự nhau làm gì nữa, há không thấy đói sao? Từ sáng giờ cả bọn ta đã ăn gì đâu!

Vợ lãnh tụ bất nhân biểu đồng tình ngay với chồng:

– Phải đấy chúng ta hãy tỉnh chuyện ăn đã chứ, tôi cũng đói muốn té xỉu đây.

Lãnh tụ xảo quyệt. không nói gì chỉ lẳng lẳng đặt tay vợ đi sau cùng trên đường về nhà

công quán, vừa đi vừa lim dim đưa đẩy con mắt. Về tới nhà công quán lễ cố nhiên các đoàn tùy tùng cùng quân hầu đầy tớ — cũng là dân chúng — đều đã biến hết, chẳng ai lo việc nấu nướng. Cũng may mà gà vịt — ý hẩn không phải là dân chúng nên không biến mất — còn đầy sạn kia.

Vừa xăm xăm, vừa cố giữ vẻ đài các (ra điều ta đây không quả chú trọng đến miếng ăn) mấy mục vụ lãnh tụ cầm sào tiến ra sân lừa quật gà vịt. Khốn nỗi tài nội trợ của mấy mục cũng giả dối như tài phò dân cứu thế của mấy đức ông chồng nên chỉ thấy gà vịt đào dạt chạy hết góc này sang góc nọ mà các mục chẳng quật được con nào. Hai mục xảo quyết và bất nhân bỏ cuộc trước.

Duy mục lưu manh vì là chủ nhân nên vẫn phải tiếp tục công việc. Trong khi vác gậy vờn gà như vậy trong thâm tâm mục có thấy nhục nhã. Đến lúc đó mục mới nhận thấy rằng sở dĩ trước đây mục phải luôn luôn hống hách với

dân chúng chính là để mụ khỏi phải gặp chính mụ. Trong hoàn cảnh cô đơn này, tự nhìn vào đáy hồn, mụ thấy quả mụ chẳng có cái gì khả dĩ để mình lại vui với chính mình.

Mụ vung sào quật vào một đám mấy con gà vịt vừa tầm đầu gậy. Gà bịt vừa vỗ cánh nhảy tung lên vừa kêu quang quác như chửi lại mụ, có con sợ quá bính cả lên vai mụ khiến đít mụ càng cong cớn và môi mụ càng vầu ra vì giận.

Lãnh tụ lưu manh đứng từ trên thêm cao chăm chú theo dõi. Hắn động lòng trắc ẩn và hối hận đã vừa nặng lời với vợ. Hắn vớ một cái gậy dài, xăm xăm xông vào đám gà vịt vung tay quật lia lịa. Lại một dịp gà vịt vỗ cánh bay tứ tung, lông rụng tơi tả cuốn theo cùng bụi sân. Lãnh tụ đạt được kết quả: mấy con gà, mấy con vịt bị vut trúng nát cổ gãy cánh dương rẫy đành đạch ở giữa sân.

Trong khi đun nước làm lông gà vịt lãnh tụ lưu manh luôn luôn chửi đồng:

– Cha kiếp, dân chúng biến hết làm cảnh lãnh tụ mất hết cả thớ.

Mãi đến hai giờ sau ba lãnh tụ với sự phụ tá của ba mục vợ — hay ba mục vợ với sự phụ tá của ba đức ông chồng lãnh tụ cũng thế — mới sửa soạn xong bữa ăn. Tuy cơm thì vừa khô vừa nát, thịt thì vừa mặn vừa dai nhưng vì đói ngấu nên mấy cặp vợ chồng lãnh tụ đó ăn thấy ngon lành lắm.

Khi bao tử mọi người đã lưng lửng, lãnh tụ xảo quyết cất giọng buồn rầu nêu ý kiến, trong khi mắt hần vẫn không ngớt đưa đẩy liếc nhìn hết người này sang người khác.

– Thưa các quý ông, quý bà — hần nói — tôi đề nghị ba khối chúng ta kể từ nay tuyên bố cùng hủy bỏ bức màn sắt để chân thành xác định lập trường yêu chuộng hòa bình, tôn trọng tự do, dân chủ.

Lãnh tụ bắt nhân gật đầu:

– Thì còn dân chúng đầu nữa mà chẳng hủy (phải, dân chúng không còn thì lấy ai canh giữ bức màn sắt, lấy ai xông lên chết thay cấp “lãnh tụ” các ông để bảo vệ “bức màn sắt” - Lời phê bình của thuật giả)

Lãnh tụ lưu manh dường như còn quyền luyện địa vị nên hẳn vẫn càu nhàu:

– Cha kiếp, dân chúng biến hết làm cảnh lãnh tụ mất hết cả thớ!

Ăn xong thiếu đồ tráng miệng, họ bàn nhau đi vào vườn dân chúng tìm hoa quả hái để « tráng miệng » ngay tại chỗ. Việc này tương đối làm dễ dàng hơn việc bắt gà vịt làm cơm. Khi ai nấy cảm thấy khá đầy đủ, họ ra khỏi vườn đến một quãng đê cao. Lãnh tụ lưu manh chợt nhớ ra điều gì quay lại hỏi riêng vợ:

– Trước đây tao biết mày vẫn ngoại tình với cấp dưới của tao. Nay dân chúng biến hết mày cũng hết đường ngoại tình chứ?

Mụ vợ nhoẻn miệng cười, đáp rất tự nhiên:

– Dân chúng biến hết mình không phải làm chính trị, mình nhớ đến em thì việc gì em phải ngoại tình nữa.

Ba cặp tiếp tục nối đuôi nhau đi thêm một quãng nữa.

Bỗng có tiếng thét lớn, tiếng của lãnh tụ lưu manh:

– Dân chúng không biến mất kia, chúng nó ở dưới đồng ruộng cả!

Mọi người nhìn theo tay chỉ của lãnh tụ lưu manh, quả nhiên thấy dân chúng hằng hà sa số đang làm việc dưới cánh đồng thẳng tắp nối liền chân trời. Họ gồm đủ nam phụ lão ấu của mọi giống người, kẻ cày người cấy trong một bầu không khí tung bừng thân ái, thứ thân ái rộng rãi như hương đồng nội, sắc và hiền như lưỡi cày, cởi mở như lòng đất.

Lại một tiếng thét lớn, vẫn tiếng của lãnh tụ lưu manh:

– Kìa các ông bà thấy không có cả tên chủ tịch Phong Trào Ái Trí Ái Đức, tên khốn kiếp tay sai của đế quốc tư bản mới.

Kế tiếp của tiếng thét lớn của lãnh tụ lưu manh những lần này hẳn thét gọi dân chúng:

– Hỡi nhân dân hãy nghe tôi nói đây, tôi lớn tiếng xác định lập trường yêu chuộng hòa bình, tôn trọng tự do dân chủ. Chúng ta hãy chiến đấu cho nhân dân, chiến đấu vì nhân dân! Hỡi nhân dân hãy nghe tôi nói đây...

Nhưng “nhân dân” vẫn mãi miết làm việc không những không nghe thấy lời lãnh tụ lưu manh mà hình như cũng không biết rằng có bọn lãnh tụ đứng trên đê. Hai bên như sống ở hai thế giới riêng biệt với hai bầu không khí riêng biệt. Lãnh tụ xảo quyệt gật gù đưa đẩy con mắt nói khể bên tai lãnh tụ lưu manh:

– Quả thực tuy chúng ta nói tiếng người nhưng giọng chúng là đã từ lâu lạc điệu thành giọng thú nên họ không hiểu chúng ta nữa.

Lãnh tụ bất nhân đặt tay lên miệng:

– Suyt! Xin quý ông, quý bà lắng nghe có tiếng hát!

Đó là tiếng hát của một người đàn bà Tây phương. Hát rằng:

Hãy trở về với ruộng đất

Tự ngàn xưa ruộng đất nuôi ta.

Hãy trở về với ruộng đất!

*Tự ngàn xưa ruộng đất chẳng bao giờ phản bội
ta.*

Tiếng thanh thanh của người đàn bà Tây phương vừa rút, cả cánh đồng — với đủ các giọng vang lên điệp khúc:

Hãy trở về với ruộng đất!

Cho tâm hồn rộng rãi!

Hãy trở về với ruộng đất;

Cho tâm hồn thanh tao!

Hãy trở về với ruộng đất!

Lại có tiếng thét của lãnh tụ lưu manh:

– Ôi chao, sao mấy con mụ nhà chúng mình lại xuống với chúng nó kia!

Thì ra ba mụ thấy cảnh ở dưới đông vui, hay hay bèn rủ nhau tò mò xuống xem. Mấy bà lãnh tụ đã xuống tới ruộng, một số dân chúng xô lại đáng ân cần hỏi han. Cả ba bà mất vẻ đài các trở thành đảm đang, xắn tay áo cúi xuống thoăn thoắt cấy lúa. Mấy lãnh tụ tần ngần đứng trên đê cùng cảm thấy ngậm ngùi thương nhớ và quý mến mấy người vợ bên dưới. Chợt một người con gái thắt lưng bó que, ngừng cấy lúa,

ngừng đầu lên, mắt cô sáng, miệng cô cười tươi, cô nhìn về phía mấy lãnh tụ với dáng điệu nửa như khuyen nhủ, nửa như đùa cợt. Đó là một cô gái Việt Nam. Cô cất tiếng hát, giọng trong và ấm như, ngọc Lam-diễn mới đông.

Cô hát rằng:

Ai ơi xin chớ ngỡ ngàng.

Nơi đây hoa đẹp, nắng vàng bướm bay.

Vừa lúc đó giữa cánh đồng một máy cày sa hố, mọi người xúm lại đẩy lên. Họ vừa đẩy vừa cất giọng hát làm đà:

Dô hò này, dô ta...

Ai ơi xin chớ ngỡ ngàng

Nơi đây hoa đẹp, nắng vàng bướm bay

Dô ta này, dô hò...

Lãnh tụ xảo quyết cúi xuống bờ đê nhỏ

một nắm cỏ đưa lên mũi ngửi, đôi mắt dăm chiêu nhìn xuống đám đông rồi nói:

– Các quý ông ạ, chúng ta nên trở về với ruộng đất. Mùi đất có thơm thật. Cao khiết lắm!

Nói xong lãnh tụ xảo quyết tìm đường xuống liền, lãnh tụ bắt nhân theo sau, lãnh tụ lưu manh theo sau rốt. Quãng đê này cao nên họ phải khom lưng vúi lấy những cây hoa dại để xuống lần lần.

Vẫn tiếng lãnh tụ xảo quyết mà khuôn mặt đã bắt đầu dịu dàng, tròn mắt không còn đưa đẩy:

– Các quý ông ạ, mùi đất có thơm thật. Cao khiết lắm!

Từng đợt hào quang... từng đợt hào quang... lóe ra không biết tự đâu, tràn ngập cả cánh đồng, tràn ngập cả vũ trụ. Tôi ngừng cây và người yêu tôi ngừng cấy, chúng tôi trèo lên

một bờ ruộng thấp, tay nắm tay nhau. Chợt có tiếng hỏi:

– Các con định lấy nhau?

Tôi ngừng đầu lên: cha tôi đức Lạc Long Quân, mẹ tôi thần nữ Âu Cơ đã xuất hiện từ lúc nào. Lời hỏi vừa rồi là lời hỏi của cha tôi. Tôi cúi đầu thưa:

– Dạ, chúng con nhất định lấy nhau!

Cha mẹ tôi bay lùì về chân trời, hai nụ cười hiền, thật là hiền. Các người càng ra nụ cười càng rạng rỡ. Tôi nắm tay người yêu quý xuống: chúng tôi cúi đầu lạy cha, lạy mẹ. Hai nụ cười của cha và mẹ tôi bỗng biến thành suối ánh sáng ngũ sắc và trong suối ánh sáng đó có vang vang tiếng nói của các người gửi lại:

– Các con ơi, dân tộc ta cũng như nhân loại không bao giờ tiêu diệt Chúng ta chúc các con hạnh phúc!

Có tiếng hát thiên thần của thú chim hoàng hôn nào làm tôi mở mắt ra. Trời đã tối hẳn. Qua khung cửa sổ long lanh hai vì sao.

Cha mẹ tôi vừa biến thành hai vì sao đó? Suối ánh sáng ngũ sắc còn như tràn ngập trong phòng và tôi ôn lại lời cha mẹ:

– Các con ơi, dân tộc ta cũng như nhân loại không bao giờ tiêu diệt! Chúng ta chúc các con hạnh phúc!

DOÃN QUỐC SỸ

CAO BÁ QUÁT, MỘT CHIẾN SĨ CÁCH MẠNG?

NGUYỄN DUY DIỄM

 NĂM 1952, trong khi viết tập Luận đề Cao Bá Quát (do Thăng Long xuất bản) tôi đã nêu lên thi sĩ họ Cao là một nhà cách mạng để đối lập lại quan niệm của giáo sư Dương Quảng Hàm cho ông là một kẻ bất mãn (bất mãn ở đây giáo sư Dương Quảng Hàm muốn nói là bất mãn vì không được triều đình trọng dụng, chứ không phải là sự bất mãn vì triều đình độc đoán, xã hội thối nát như tôi chủ trương) và quan niệm của nhà văn Trúc Khê cho ông là một người kiêu căng quá trớn. (Cái chết thê thảm của Cao Chu Thần tại làng Phú

Thị cùng với hai người con là Cao Bá Phùng và Cao Bá Thông – vẫn theo quan niệm của nhà văn Trúc Khê – chỉ là kết quả tất nhiên của tính khí kiêu căng quá trớn đó.)

Sau khi cuốn Luận đề đó phát hành được ít lâu thì có một ít người viết thư cho tôi tỏ sự tán đồng ý kiến đó. Còn một số nữa thì cho tôi ngụy biện để lập dị. Và trên tờ tập san Nhân Loại (số 8, xuất bản ngày 27-7-53 và số 9, xuất bản ngày 3-8-53) ông Minh Tú có viết bài liên tiếp để cố tìm cách lật đổ lối lập luận của tôi và gián tiếp bảo vệ chủ trương của giáo sư Dương Quảng Hàm và của ông Trúc Khê Ngô Văn Triệu.

Tuy bài phê bình của ông Minh Tú có nhiều chỗ gay go, thiếu nhã nhặn của một nhà phê bình đứng đắn, nhưng tôi không hề lấy đó làm phật ý. Tôi liền viết một bài khá dài để trả lời ông Minh Tú về từng điểm mà ông đã nêu lên, nhưng sau khi đọc lại, tôi chợt nhận thấy mình cũng có một phần nào thiếu bình tĩnh, không

đủ làm chủ được ngòi bút của mình, nên tôi lại thôi, không gửi đăng lên mặt báo nữa. Sự im lặng của tôi — theo chỗ tôi dự đoán — có lẽ đã làm cho ông Vũ Minh Thiều, giám đốc nhà xuất bản Thăng Long, không được hài lòng lắm chẳng. Rất có thể sự im lặng của tôi sẽ phương hại tới việc tiêu thụ cuốn luận đề đó. Nhưng dần dà, ông Vũ Minh Thiều cũng yên lòng vì cuốn đó bán vẫn chạy có lẽ lại còn chạy hơn trước nữa (hiện đã tái bản tới lần thứ tư) — thực là một phản ứng kỳ lạ!

Ông Vũ Minh Thiều hẳn còn yên tâm hơn nữa là sau đó ít lâu, một số nhà phê bình văn học, mà đáng kể nhất là giáo sư Phan Văn Diêu, trong tập « Việt Nam Văn Học Giảng Bình » (do Tân Việt xuất bản) cũng cùng chia sẻ chủ trương đó với tôi một cách khá hăng hái. Ông viết về Cao Bá Quát:

« Và từ đây trở đi, ông bắt đầu thực hiện cái nghiệp ông Thang đuổi vua Kiệt ở đất Nam Sào xưa kia, để làm cho vua dân trở nên vua dân

đời Nghiêu, Thuấn; rồi nhân dân gian bấy giờ khốn đốn, cơ hàn, lắm kẻ lưu vong, tháng 10 năm 1854, niên hiệu Tự Đức thứ 7, ông cùng đồng đảng khởi trương bạo động, mà trên lá cờ lệnh không quên “đại thu” cái lý tưởng hồi còn thơ sinh bạch diện năm xưa:

*Bình dương, Bồ bản vô Nghiêu, Thuấn,
Mục dã, Minh điều hữu Võ, Thang*

(ở Bình dương và Bồ bản không có những bậc vua hiền như Nghiêu, Thuấn, thì ở Mục dã, Minh điều phải có những tay cách mệnh như Võ, Thang).

Nhưng chẳng may dưới uy thế còn hùng hổ của Nguyễn triều, cuộc khởi nghĩa của ông đành tan vỡ. Song dù vậy, cái mộng “anh hùng đại sự” kia vẫn cứ là nguồn sống cho người tù tử tội trong ngục tối, chả thế mà ông đã ứng khẩu rằng:

*Một chiếc cùm lim chân có đế
Ba vòng xích sắt bước thì vương.*

Và cái chế độ hà khắc, thần quyền kia, trong giai đoạn suy vong lại càng ác liệt đến không dung nổi một tâm hồn mãi tiếp ham sống để rồi liễu kết bằng nhất gươm đưa vô tình, bằng cái tội tru di:

Ba hồi trống giục đù cha kiếp

Một lưỡi gươm đưa bỏ mẹ đời

Thật là một tiếng kêu trinh liệt của cái sức sống bền bỉ muôn đời, mà cũng là cái gì tiêu biểu cho quyền sống con người nghìn thừa hưởng vương lên.

(trang 100 sách đã dẫn)

Rồi trong cuốn “Luận đề văn chương” (tác giả là một nhóm giáo sư) do Hồng Hà xuất bản, các tác giả cũng đồng một quan điểm với tôi cho rằng Cao Bá Quát là một nhà cách mạng. Các tác giả đó viết:

“Về phương diện lịch sử, chúng ta có thể coi Cao Bá Quát như là một chiến sĩ cách mạng đả phá chế độ quân quyền chuyên chế để tiến tới một chế độ ‘vị dân’ như vua Nghiêu, Thuấn...”

Về phương diện xã hội ông cũng chủ trương một sự bình đẳng bác ái nhưng tiếc rằng mộng lớn không thành mà họ Cao đã bị tiêu diệt .
(trang 82, 83 sách đã dẫn)

Trong cuốn “Văn chương chữ Nôm” của Thanh Lãng (do Phong trào Văn hóa xuất bản 1953) tác giả khi bàn về mục: “Cao Bá Quát, nhà văn tâm lý” đã không ngần ngại khi hạ bút viết: “Không ai ngờ một người có óc cách mạng như Quát lại thổ lộ được những tình tứ đậm đà tha thiết”. (trang 88 sách đã dẫn)

Tôi không khỏi phấn khởi khi nhận thấy mình không còn bị cô độc với chủ trương “Cao Bá Quát là một nhà cách mạng” của mình nữa. Trên bước đường đi, nhìn tả, nhìn hữu, tôi đã thấy một số người “đồng chí”. Dù vậy

tôi vẫn không hề chủ quan. Từ khi xuất bản cuốn Luận đề Cao Bá Quát cho tới nay đã gần mười năm, trong mười năm đó, mỗi lần soạn bài để giảng cho học sinh, tôi đã bình tĩnh đọc lại các thi văn của thi sĩ họ Cao để khách quan nhận định danh từ bất mãn mà giáo sư Dương Quảng Hàm đã gán cho ông, hoặc danh từ kiêu căng quá trớn mà nhà văn Trúc Khê đã dùng để kết luận chung về hành động và văn chương của Cao Chu Thần, nhưng tôi vẫn thấy những tiếng đó lạc lõng nếu không là khiên cưỡng.

Bảo rằng vì khi ở Huế ông nhận thấy mình có tài mà không được triều đình cất nhắc lên làm quan lớn, vớng lọng nghênh ngang, nên quay ra bất mãn rồi đả kích lung tung, thì thực là oan cho Cao Chu Thần quá. Ngay từ khi còn là một cậu học trò tám tuổi ở Hà Tây Hà nội, Cao Bá Quát đã từng bất mãn trước cái uy quyền chuyên chế “người trời người” của vua Minh Mạng rồi, chứ đâu có phải đợi đến khi thi đậu ra làm quan, bị triều đình ghét bỏ, mới bất mãn.

Trong bài “Tài Tử Đa Cùng Phú” làm trong lúc hàn vi, mà Cao Chu Thần cũng đã từng bất mãn trước cái lối luôn cúi đê tiện gần như không còn lấy một chút nhân phẩm của bọn văn quan võ tướng:

“Ngán nhẽ kẻ tham bề khóa lợi¹ mũ cánh chuồn² đội trên mái tóc, nghiêng mình đứng chực cửa hầu môn. Quản bao kẻ mang cái gièm danh³, áo giới lân⁴ trùm dưới cơ phu⁵, mỗi gối quì mòn sân tướng phủ⁶”

(Tài Tử Đa Cùng Phú – câu 15)

Ông khinh bỉ đến độ ghê tởm cho cái chế độ chuyên chế nói trên và đã tỏ rõ lập trường không bao giờ thềm tham dự chính quyền đó, thà chết đói như Bá Di, Thúc Tề, hoặc bạc đầu

1 do chữ “lợi tỏa”: Bị cái lợi nó trói buộc mình

2 cửa nhà quan lớn

3 gièm: đây cương ngựa, danh: công danh. Nghĩa là bị cái công danh nó xui khiến

4 áo quan võ

5 da thịt

6 phủ quan tướng

như Khương Tử Nha bên bờ sông Vỵ Thủy, cũng hả dạ:

“Đói rau rừng thấy thóc Chu mà già, đá
Thủ Dương chơm chơm, xanh mắt Di⁷ nằm
tối ngày o-o; Khát nước sông trong dòng đục
không vờ, phao Vỵ-thủy lênh đênh, bạc đầu
Lã⁸ ngồi dai ho lụ khụ »

(Tài Tử Đa Cùng Phú — câu 13)

Bàn về chủ trương của thi sĩ họ Cao, giáo
sư Phan Văn Diêu quả đã có nhiều lý do xác
đáng khi hạ bút viết đoạn sau đây:

“Hơn nữa, cũng thuở ‘bố y’, hàn nho này,
trong câu ứng khẩu đối lại một vị đại khoa làm
đốc học Thăng Long: ‘Ngã quân tử kiến cơ nhĩ
tác, dục vĩ Nghiêu, Thuấn quân dân’ (Ta là bậc
quân tử, thấy cơ mà dấy, muốn làm cho vua
dân trở nên vua dân đời Nghiêu, Thuấn), mỗi

7 Bá Di nhìn đói xanh cả mắt

8 Lã tức Lã Vọng (Khương Tử Nha) khi chưa gặp Văn Vương đã 80 tuổi, còn ngày ngày kiên nhẫn ngồi cầu ở sông Vỵ Thủy để chờ thời, chứ không chịu ra làm quan với chế độ mà ông cho là vô đạo.

tư tưởng bất mãn, khác thường đối với xã hội, chế độ hiện thời, đã bắt đầu nhen nhóm lên rõ rệt”.

(Việt Nam Văn học giảng bình – trang 97)

Tóm lại: Cái bất mãn của Cao Bá Quát không phải là cái bất mãn gây ra vì không đạt được chức công, hầu, khanh, tướng sau khi ra làm quan⁹ mà là cái bất mãn rộng rãi, sâu xa, bắt nguồn từ cái chế độ chuyên chế, mục nát và nó đã được thể hiện ngay từ khi ông còn là một “thư sinh bạch diện”.

* * *

Về điểm ông Trúc Khê Ngô Văn Triệu cho Cao Bá Quát là một kẻ kiêu căng quá trớn cũng không làm cho tôi thỏa mãn.

Tôi không hề dám chối cãi rằng thi văn của
9 Nên nhớ rõ là ông bắt buộc phải ra làm quan (tức là làm ngược hẳn lại chủ trương của ông) chỉ vì mẹ ông đau buồn khóc lóc. Ông đã hy sinh chủ trương cho chữ hiếu.

thi sĩ họ Cao không có những câu kiêu căng, quá trớn. Nhưng ta chớ nên chỉ vin vào một số những câu đó để rồi mang ra kết luận vội vã, mà phải tìm hiểu nguồn gốc, nghĩa là tìm hiểu vì nguyên do nào đã thúc đẩy ông gọi bọn đại thần là “cẩu”, bọn quan lại là “dăm ba thằng mặt trắng”, vua Tự Đức là hạng người “cương thường điên đảo” v. v...

Muốn hiểu điểm này tưởng cũng dễ: chỉ việc đọc lại những sử dưới đời Tự Đức thì đủ rõ, hà tất còn phải tìm ở đâu xa nữa!

Nguyễn Trường Tộ đành mang mối hận canh tân xuống tuyền đài.

Điểm đậm, trung quân đến như Phan Thanh Giản mà cũng dám “cả gan” dâng sớ cảnh tỉnh nhà vua và triều đình nhiều lần đến nổi suýt nữa bị mang họa xử tử, và cái chết của Phan Thanh Giản sau này há chẳng phải là kết quả bi thảm gây nên do sự mù quáng của nhà vua và triều đình đó sao?

Cái kiêu căng, miệt thị của Cao Bá Quát đối với quân quyền là cái kiêu căng miệt thị của một Mirabeau, hồi cách mạng Pháp, chứ không phải là thứ kiêu căng, miệt thị xằng bậy. Một người mà đã biết tự hạ để viết lên được những câu đầy sự giác ngộ khả ái như những câu:

Nhai văn nhá chữ buồn ta

Con giun còn biết đâu là cao sâu!

Tân Gia¹⁰ từ vượt con tầu

Mới hay vũ trụ một bầu bao la.

Giật mình khi ở xó nhà

Văn chương chữ nghĩa khéo là trò chơi

(Trúc Khê dịch)

tôi tin rằng không thể nào lại có thể có sự cậy tài hợm hĩnh được. Đó cũng chỉ là sự vụn vặt

10 Tức là Tân Gia Ba, nơi ông được đặt chân tới khi ông đi làm bồi sứ cho phái bộ Đào Tri Phú.

đắc dĩ để đối phó với một thực tại mà ông chán ghét đó thôi. Sau khi đã nhận thấy phương tiện đó chẳng chút hiệu nghiệm ông đành phải dùng đến cái phương tiện của Võ, Thang tức là dùng máu lửa quyết liệt đổ bạo quyền, áp bức để thiết lập một chế độ “vị dân” như dưới đời Nghiêu, Thuấn.

* * *

Đời sống và văn chương Cao Bá Quát đã tạo nên một bài toán có nhiều điểm khúc mắc. Vì khúc mắc nên mỗi người có quyền nêu ra những “phương trình” theo ý muốn. Nhưng những “phương trình” mà tôi và một số bạn “đồng chí” của tôi đã đề ra, tôi tin rằng có nhiều hy vọng để tìm ra đáp số.

NGUYỄN DUY DIỄM

QUA CÁC BỘ MÔN VĂN NGHỆ

Bài của: Mai Thảo, Mạc Sơn, Thái Tuấn, Hầu
Anh, Nguyễn Đăng

ĐEM TÂM TÌNH VIẾT LỊCH SỬ

của NGUYỄN KIÊN TRUNG

Tôi không quên rằng cuốn *Đem Tâm Tình
Viết Lịch Sử* của ông Nguyễn Kiên Trung vừa
được Giải thưởng Văn Chương năm 1957.

Nhưng tôi không muốn bàn đến tác phẩm
này qua giải thưởng ấy. Bởi vì nếu phải đặt nó
trước những tiêu chuẩn phê phán, về một giải
thưởng văn chương và về một tác phẩm được
giải thưởng văn chương, tôi sẽ mất đi nhiều
thiện cảm đối với ông Nguyễn Kiên Trung.

Tôi lại cũng không muốn đọc Đem Tâm Tình Viết Lịch Sử chỉ bằng cặp mắt của nhà sử học. Bởi vì lịch sử không phải chỉ là một vấn đề tâm tình; lịch sử không hẳn chỉ là “một thứ tâm sự lớn lao, bao gồm tất cả tâm sự vụn vặt” của mỗi người.

Tôi muốn đứng ở đúng vị trí của cuốn Đem Tâm Tình Viết Lịch Sử. Nghĩa là ở trong thế giới tâm tình của ông Nguyễn Kiên Trung.

Trong địa hạt của mình ông Nguyễn Kiên Trung đã tỏ rõ có biệt tài. Ông đã dung hòa được hai thể văn tùy bút và hồi ký nên văn ông có một vẻ đặc sắc riêng biệt vừa gần với sự thật lại vừa nhiều tính chất nghệ thuật. Các nhân vật của ông – những người dân vừa hôm qua còn là nô lệ bỗng hôm nay vùng dậy “độc lập”, những tự - vệ - thành chỉ biết ăn diện nhưng quyết tử chiến bảo vệ thủ đô, một cụ Cử vừa đi cày vừa làm cách mệnh. một bà mẹ già chỉ biết thắp hương cùng chồng và thương con, một Quảng sinh viên y khoa nhưng cầm súng

kháng chiến bằng tất cả chân thành, tin tưởng, một “tôi” vừa rung cảm vừa suy tưởng của tác giả — đã sống một cách sâu đậm và tế nhị làm cho người đọc tin rằng những hình ảnh ấy những tâm trạng ấy ông không thể vay mượn được mà phải chinh phục bằng bản thân ông. Ông không là một người cán bộ tuyên truyền dài dòng luận thuyết về chính trị. Ông cũng không là một nhà văn giam mình trong tháp ngà rồi phiêu lưu bằng trí tưởng tượng, ông đã sống thật sự giữa cuộc đời, ông đã thật sự yêu nước nên ông đã sống giữa văn của ông.

Tôi tưởng chừng ấy điều đủ đảm bảo sự thành công cho cá nhân Nguyễn Kiên Trung.

Nhưng tôi còn thắc mắc muốn tự hỏi phải chăng lịch sử ông Nguyễn Kiên Trung đã viết là lịch sử dân tộc Việt Nam? Tôi thấy cần phải dè dặt. Trước hết bởi vì chỉ có hai bức thư đầu — trong số bốn bức thư hợp thành cuốn Đem Tâm Tình Viết Lịch Sử — là chứa đựng ít nhiều sự kiện lịch sử. Ở hai bức thư sau ông Nguyễn

Kiên Trung đã chỉ quanh quẩn với cái “tôi” riêng rẽ, mệt nhọc. Ông đã bước sang lý luận và dự ước. Sau nữa bởi vì ông Nguyễn Kiên Trung chưa làm hiển hiện đầy đủ thật tại lịch sử của nhân dân Việt Nam. Sở dĩ như vậy là vì ông đã quá thiên về lịch sử của lớp người mà ông yêu quý và bệnh vực: lớp người tri thức tiểu tư sản. Lịch sử của dân tộc V.N. không phải chỉ là lịch sử của tiểu tư sản Việt Nam.

Tuy nhiên có một điểm khiến Ông Nguyễn Kiên Trung có thể tự khen mình được là điểm ông đã phơi bày rõ rệt sự phản bội của Việt Minh Cộng Sản hay nói cho hơn của những người Bôn-sơ-vích V.N. trong kháng chiến và cách mạng. Bởi vậy trong số các sách chống cộng đã xuất bản ở đây, cuốn Đem Tâm Tình Viết Lịch Sử phải chiếm một chỗ đứng rất cao.

Đọc xong Đem Tâm Tình Viết Lịch Sử tôi thấy cùng một lúc ông Nguyễn Kiên Trung muốn làm trọn cả ba công việc: viết văn, viết sử và lập thuyết. Nhưng theo tôi. Ông chưa đạt

được sở nguyện. Ở trên tôi gọi cuốn sách của ông bằng danh từ “tác phẩm” viết chữ ngả. Kể ra cũng hơi bất công với ông Nguyễn Kiên Trung. Dầu sao một cuốn sách dày trên 200 trang như cuốn Đem Tâm Tình Viết Lịch Sử đã là một công trình đáng gọi là tác phẩm rồi. Huống hồ nó còn chứa đựng nhiều đoạn văn mà người đọc phải công nhận rằng tác giả đã gửi vào đó cả tâm hồn mình. Nhưng về phương diện kỹ thuật Đem Tâm Tình Viết Lịch Sử đã được sáng tác qua một hình thức rất hỗn hợp. Sự bố cục lại hết sức lỏng lẻo: bốn bức thư trông lên nhau một cách dễ dãi. Người đọc không cảm thấy được tiếp xúc với một toàn thể nhất trí. Cho nên tôi vẫn nghĩ rằng Đem Tâm Tình Viết Lịch Sử của ông Nguyễn Kiên Trung chưa thể là một “tác phẩm” theo ý nghĩa hết sức chuyên môn của danh từ.

Vì sao như vậy? Tôi không chắc có thể tìm rõ nguyên do. Nhưng tôi phỏng đoán: Tâm tình của ông Nguyễn Kiên Trung, trong việc ông giải thích lịch sử V.N đã vươn lên rất cao

khi ông sống với cuộc kháng chiến toàn dân nhưng khô cạn dần khi ông lui về với những cá nhân tiểu tư sản. Sự khô cạn của tâm tình ông thấy rõ ở phần mở đầu giới thiệu – phần tôi cho là hỏng nhất – mà ông viết sau cùng và phải bắt nguồn vào một hiện tượng không có gì đáng kể lắm: hiện tượng Nhân Văn Giai Phẩm ở ngoài Hà Nội.

Mạc Sơn

TRIỂN LÃM TRANH VẼ CỦA CÁC EM HỌC SINH

Đó là cuộc triển lãm tranh vẽ của các em học sinh do bà Raoult Kerhousse hướng dẫn và tổ chức.

Qua các bức tranh được đưa ra trình bày tôi nhận thấy các em đã được dìu dắt, chỉ bảo về hội họa một cách khéo léo, đúng mức. Về ngày thơ và hồn nhiên của tuổi trẻ được khuyến khích và phát triển mạnh mẽ.

Các đề tài hết sức rộng rãi: từ những bài thơ của một vài thi sĩ Việt, những cảnh sinh hoạt của Việt Nam đến những câu chuyện cổ tích, thần thoại Pháp. Người dìu dắt đã không chủ quan trong công việc giáo dục. Và cũng nhờ vậy người xem đã thưởng ngoạn được nhiều bức tranh khá linh động và đẹp, thí dụ như một vài bức về đề tài Đám Ma, Ông Táo Quân,

Đám Múa Lân v. v.. Về màu sắc các em có phần ngả về những hòa hợp của Tây phương, cũng là một sự tất nhiên.

Đứng trong phòng tranh, người khó tính và đăm chiêu đến đâu cũng phải nở một nụ cười hồn nhiên như là tranh của các em. Sống ở trong một không khí hội họa như vậy các trẻ em thật có thiên tài sẽ không thiếu dịp may để phát triển tài năng.

Ở đây, thật quả là có chỗ người ta không bỏ quên mà còn nhớ đến các trẻ em Việt Nam.

Thái Tuấn

TRIỂN LÃM PHẠM HUY TƯỜNG

Phòng Thông Tin đường Tự Do

Lần đầu tiên nhà họa sĩ trẻ tuổi này triển lãm một mình. Và mới trong vòng ít tháng Huy Tường đã sản xuất một số tranh đáng kể.

Trung bày bốn mươi bức sơn dầu, Huy Tường trở về với những phong cảnh, những chân dung cách dùng màu sắc rất dã thú. Ông đã bỏ đi lối vẽ trừu tượng mà trong lần triển lãm với Đình Trọng đã không mang lại kết quả gì. Ngoại trừ một vài bức như Thiếu phụ miền Bắc (54) Mùa bãi trường v. v...

Người ta còn thấy một số bức tranh khác, trong đó có thể kể: Sớm Thu, Cây Cụt, Đêm Đêm, Đậu Đỏ v. v... Ta thấy rằng ở những tranh vẽ cảnh Huy Tường thành công hơn tranh vẽ người. Kỳ triển lãm này họa sĩ đã cho thấy

con đường của ông. Tôi chắc rằng nếu cứ thế mà đi họa sĩ còn có thể tiến xa hơn nữa.

TRIỂN LÃM VĂN ĐEN

Hội quán Pháp văn Đồng minh

22 Gia long Saigon

Văn Đen cũng chuyên về sơn dầu. Cuộc triển lãm của ông hồi đầu tháng sáu cho ta thấy một sắc thái riêng biệt. Họa sĩ thích vẽ về những phong cảnh, những “sen” người làm việc ở miền quê. Lối vẽ của ông lù mù, phải nhìn xa và nhìn toàn thể. Phần kỹ thuật ông ảnh hưởng những họa sĩ cổ Âu châu ở cách bố cục ánh sáng. Một khoảng ánh sáng dội vào một nhân vật chính. Còn tất cả đều bị hy sinh bằng những màu tối.

Tranh của Văn Đen có thể gợi cảm cho những người trầm mặc, thích nhớ những

khung cảnh đồng quê. Còn nói về mới lạ thì họa sĩ cũng chưa tìm được khám phá nào mới mẻ.

Dù sao ông cũng có điểm đặc biệt là tranh có thể biết ngay họa sĩ Văn Đen vẽ.

Hầu Anh

KẾT QUẢ CUỘC THI VĂN CHƯƠNG

Văn hóa vụ – 1957

Hội đồng giám khảo, cuộc thi văn chương 1957, do Văn hóa vụ Bộ Thông tin tổ chức, sau bốn tháng làm việc đã tuyên bố kết quả như sau về những tác phẩm trúng giải:

Khảo luận: Văn Chương Bình Dân của Thanh Lăng, Xây dựng Trên Nhân Vị của Bùi Tuân và Người Xưa của Trần Đình Khải.

Tiểu thuyết: Tìm về Sinh lộ của Kỳ Văn Nguyên, Đêm Tâm Tinh Viết Lịch Sử của Nguyễn Kiên Trung và Nếp Nhà của Bửu Kế.

Thơ: Anh Hoa của Phạm Mạnh Viện, Long Giang Thi Tập của Trần Hữu Thanh, Nam Trung Thi Tập của Nguyễn Văn Bình và Kiếp Hồng Nhan của Quang Hân.

Kịch: Bão Thời Đại của Trần Lê Nguyễn, Ái Tình Bôn Sê Vích của Thạch Bích và Hai Màu Áo của Minh Đăng Khánh.

Số tiền thưởng phân chia cho các tác phẩm thay đổi từ hai chục tới bốn chục ngàn đồng. Không có tác phẩm nào được giải nhất. Chừng nào được biết rõ về nội dung của tất cả tác phẩm trúng giải (vì một số lớn còn là bản thảo chưa được in ra), Sáng Tạo sẽ phê bình và nhận xét về cuộc thi này. Về phương pháp tổ chức, thành phần giám khảo, những điều kiện cuộc thi v. v... Vì nhìn qua kết quả, tất ai cũng nhận thấy còn rất nhiều tác phẩm giá trị vắng mặt,

bởi những khuyết điểm mà các tác giả đã nhìn thấy qua sự tổ chức hoặc thành phần Ban giám khảo.

Nhưng với một cuộc thi văn chương vừa được tổ chức năm đầu sự kiện đó cũng dễ hiểu. Nhận xét tổng quát cuộc thi đã gây được một tiếng vang. Đây là một sáng kiến tốt đáng khen ngợi của vụ văn hóa. Nó chứng tỏ chính quyền đã bắt đầu đánh giá được trò trọng yếu của văn nghệ, đặt thành vấn đề khuyến khích người sáng tác, thúc đẩy phong trào xuất bản những tác phẩm giá trị.

Nguyễn Đăng

NHỮNG THIÊN ĐƯỜNG LỖ

của TRIỀU ĐẦU - Tân Quảng Lợi xuất bản.

Cờ bạc, rượu, thuốc phiện và gái điếm “mà Triều Đầu gọi chung là những vết lở kinh niên của xứ sở” trong thiên phóng sự đầu tay ông, thật ra là những vết lở kinh niên của bất cứ một xã hội chưa thực sự tốt đẹp. Nói chung, đó là một hiện tượng xã hội. Để bài trừ bốn cái nạn ấy, mà sức hủy diệt và ảnh hưởng khốc hại cùng ghê gớm như nhau, từ trước đến nay đã có biết bao nhiêu tiếng chuông được gióng lên mà căn bệnh vẫn tồn tại, nổi đau không giải quyết. Vấn đề bài trừ tứ đồ tưởng đặt ra không giản dị như nhiều người vẫn tưởng. Một đạo luật, một cuộc bố ráp không đủ.

Với những căn bệnh xã hội này, thì như trong y học mới, phương pháp hữu hiệu nhất không nằm trong cách trừ bệnh mà chính là trong sự phòng ngừa nó, sửa soạn cho con

người một cơ thể lành mạnh, tránh xa những địa hạt của bệnh tật và tội lỗi thường chỉ thâm nhập được tới những cơ thể suy yếu.

Tìm hiểu một cách sâu sắc và triệt để đời sống của một người nghiện thuốc phiện, nghiện rượu, chúng ta thấy một phần vì sự ham thích những cái thú tội lỗi, nhưng một phần lớn vì sự thiếu tin tưởng, sự tuyệt vọng trước đời sống, do đó sự sa đọa xô đến như một lẽ tất nhiên. Bởi vậy chữa con bệnh còn có nghĩa là chữa cả một xã hội có bệnh. Một xã hội còn bất công, còn đói rét, thảm trạng của chiến tranh v. v... vẫn là những nguyên nhân mở đường cho con người rớt xuống vực thẳm.

Tôi muốn nhìn, đọc và cảm Những Thiên Đường Lữ, như một nỗi đau chung. Tôi chắc Triều Đầu cũng viết thiên phóng sự của ông theo quan niệm đó.

Và cũng bởi đó mà Những Thiên Đường Lữ không làm tôi thỏa mãn. Trước hết vì lối

hành văn của tác giả ở đây. Cách chơi chữ, lối viết kiểu cách đã tạo cho những truyện ngắn, truyện dài của ông một sắc thái riêng biệt, không hợp với thể phóng sự.

Một Triều Đầu duyên dáng với tách cà phê và khói thuốc lá đáng lý ra phải nhường chỗ cho một Triều Đầu ngắn gọn hơn và trực tiếp hơn. Nhưng mà tách cà phê và điều thuốc lá vẫn còn. Sự đổi thay, thích hợp và cần thiết, đối với một thể văn và một đề tài đòi hỏi sự đổi thay đó, đã không có. Triều Đầu vẫn thế. Ông vẫn “chạy” chung quanh những nhân vật. Ông vẫn nói đến ông nhiều quá. Ở rất nhiều đoạn văn, ông dẫn người đọc đến nửa chừng rồi trở lại. Tôi thiếu một cảm tưởng trông thấy và nhìn thấy triệt để. Mà chính cái triệt để đó là cái phải đạt tới của phóng sự.

Trước một vấn đề với tất cả cái bên trong thâm của nó, một cái nhìn tinh vi, hóm hỉnh cũng chỉ ghi nhận được những sắc thái bề ngoài. Kể ra thì tác giả đích thân đi từ tiệm

hút này qua tiệm hút khác cũng đã phơi bày được một số chứng tích cụ thể, nhưng phải nói là những tầng đáy sâu sa nhất vẫn chưa được khơi đến.

Mấy trang “nhật ký cai” ở cuối sách là một bằng chứng. Người ta chưa thâm nhập được hết nỗi dần vật, cái tâm trạng kỳ quái của người nghiện muốn từ bỏ ma túy.

Điểm không làm tôi thỏa mãn nữa là lối xây dựng nhân vật trong phóng sự của Triều Đầu. Đó là những nhân vật tiểu thuyết đã bị tác giả làm mờ yếu một phần lớn cá tính, bởi lối trình bày cầu kỳ và những sự thêm bớt nhằm mục đích hấp dẫn. “Triều Đầu hóa” nhân vật của phóng sự, Triều Đầu đã đi xa địa hạt của phóng sự.

Bởi vậy tôi không đồng ý với tác giả ở đoạn kết. Cả một Đô Thành nghiện hút đã được “cô đặc” lại? Thái độ quá ư dễ dãi với chính mình, ở Triều Đầu làm tôi ngạc nhiên. Hơn nữa, đây

cũng không phải là chuyện cô đặc lại, mà là phơi bày trọn vẹn một vấn đề, trên khía cạnh đau thương và nhân đạo nhất của vấn đề. Tác phẩm sẽ mang một tính chất phiến diện nếu không vượt khỏi được giới hạn một bài tả cảnh. Phải có đủ thời gian sống, suy ngẫm và rung động với đề tài, với cái “xã hội đặc biệt” của phóng sự. Tôi nghĩ Triều Đầu thiếu thời gian đó. Cho nên những cái phụ nho nhỏ hay hay thì thừa, mà cái cốt chính không được nổi bật lên. Khuyết điểm này có chung trong mọi sáng tác của Triều Đầu.

Tóm lại, Những Thiên Đường Lỡ chứa đựng được đầy đủ những giá trị nghệ thuật đã sẵn có trong tiểu thuyết Triều Đầu. Nhưng đứng về mặt phóng sự nó mới trình bày được một khía cạnh nhỏ của cả vấn đề. Có người nói Triều Đầu mới chỉ ngó ghé vào chiếu. Tôi muốn nói đùa: Đây là một phóng sự lỡ. Điều khiến cho những người mến yêu Triều Đầu còn đặt được tin tưởng vào những phóng sự sắp tới của ông là Những Thiên Đường Lỡ mới chỉ là một mở

đầu một thí nghiệm. Vì Triều Đầu có đủ điều kiện để làm thiên phóng sự đến nơi đến chốn. Sự tinh khôn, ngòi bút sắc sảo và nhất là lòng ham sống ta thấy dào dạt « Trên những vĩa hè » là bấy nhiêu yếu tố giúp ông thành công dễ dàng trong thể phóng sự, nếu ông muốn.

Mai Thảo

TẠP CHÍ VĂN NGHỆ SÁNG TẠO

Sáng Tạo giới thiệu các báo bạn:

TRUYỆN PHIM

Tuần báo điện ảnh — kịch trường đề cập tới mọi vấn đề chính yếu và mới lạ nhất của màn bạc, sân khấu Việt Nam và Quốc Tế.

ĐẠI HỌC

Nguyệt san nghiên cứu văn hóa và triết học của Viện Đại Học Huế do Nguyễn Văn Trung chủ trương.

GIÓ MỚI

Bản nguyệt san văn hóa giáo dục — Tổng thư ký Tòa Soạn: Nguyên Sa. Với sự hợp tác

thường xuyên của Thanh Nam, Đinh Hùng,
Lê Huy Oanh, Nguyễn Thiệu lâu v. v...

HỘP THƯ SÁNG TẠO

Các bạn: Chế Hân, Tú Sỹ, Văn Khải, Trường
Dzi, Hoàng Lam, Hữu Nghĩa, Trần duy Hữu,
Hoàng xuân Nguyễn, Nguyễn Tấn, Tưởng Hà,
Dung y Dung, Đinh Lang, Hoàng Yên Trang,
Giang Ngọc, Đỗ Nguyên, Mai Lâm, Cao khắc
Vĩnh, Thanh Minh, Hà Nguyên Chi, Việt Hùng,
Võ Đăng Ngân:

Đã nhận được thơ văn các bạn. Cảm tạ.
Chờ đợi những sáng tác mới nhất về văn xuôi
như truyện ngắn, tùy bút v. v... vì số thơ đăng
mỗi kỳ chỉ có hạn.

Anh Trường Ca: Cám ơn về bản nhạc tặng.
Truyện ngắn đang xem. Thân ái.

Nguyễn K.B.C. 4.559: Đã nhận được đủ cả. Đang xem.

Nguyễn Trung: Rất tiếc gửi đến quá muộn. Tháng sau nhớ gửi sớm hơn. Chờ những bài viết về hội họa.

Ô. Nguyễn Việt Dũng: Cảm ơn về những đề nghị sửa đổi. Những số báo ông cần đều có. Xin gửi ngân phiếu 65\$ đã đi tính cả cước phí.

Bạn Ngụy Như Á Lê: Thơ hay thì thể nào cũng đáng.

Bạn Triều Thủy Nguyên: Không đăng.

Trương Đình Chú: Đã nhận được thơ. Thân ái.

Hoài Tâm Hùng Minh Trúc: “Ốc tự tín tự cường” và “Văn học đời Trần” đã nhận được. Đang xem.

Bạn Nguyễn Từ Thức (Đà Nẵng): Đã nhận được thư của anh. Đa tạ những lời trong thư. D.Q.S.

TRẢ LỜI CHUNG CỦA TY QUẢN LÝ

Đến nay vẫn còn rất nhiều độc giả viết thư hỏi thể lệ mua những số báo thiếu. Một lần nữa, xin trả lời chung rằng số báo này Tòa Soạn cũng giữ lại một ít. Bạn cần mua, viết thư ghi rõ số báo và đính theo bưu phiếu hoặc bằng tem gửi bảo đảm (mỗi số 12\$00 kể cả cước phí) Ty quản lý sẽ gửi thẳng báo về địa chỉ của bạn.

